L'INFORMATION FRANÇAISE

LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS

(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM-PHONG TẠP-CHÍ

CHỦ BÚT

Phần quốc-ngữ
PHẠM QUỲNH

Phần chữ nho
NGUYỄN BÁ-TRÁC

Tome II

Nos 7-12

JANVIER — JUIN

1918

IN TẠI
ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN (Imprimerie Tonkinoise)
14-16, Rue du Coton, Hanoi.

1918

NAM-PHONG TẠP-CHÍ

MỤC-LỤC

QUYỂN THỨ II *(từ số 7 đến số 12)*

Số 7 — Janvier 1918

	Số trang
Một nền « Minh-trị »	1
Vấn-đề trị lụt ở xứ Bắc-kỳ. I	7
Thế-lực Nhật-bản ở Tàu II	10
Sử-học chuyên-luận. II	19
Mộng hay mị ? (Bàn về sách *Giấc mộng con*)	23
Đẹp là gì ? II	26
Một nhà khoa-học đại-danh của nước Pháp : BERTHELOT Tiên-sinh. III	30
Thơ cụ Yên-đồ — Thơ bà huyện Thanh-quan — Thơ văn mới — Nhàn-khanh thi-văn tập	34
Tồn-cổ lục. II	42
Chu-tử Trị-gia cách-ngôn	44
Truyện cái gậy song. I	46
Thời-đàm (từ ngày 20 tháng 12 năm 1917, đến ngày 20 tháng 1 năm 1918)	50

Số 8 — Février 1918

Con đường tiến-hộ của nước ta. I	60
Thống-nhất luận	64
Vấn-đề trị lụt ở xứ Bắc-kỳ. II	69
Sử-học chuyên-luận III	76
Nam-âm thi thoại. I	80
Văn-học Hi-lạp. IV	82
Triết-học nước Pháp. I	85
Đẹp là gì ? III	88
Một nhà khoa-học đại-danh của nước Pháp : BERTHELOT tiên-sinh. IV	92
Thơ cụ Yên-đồ — Thơ văn mới Thơ văn đàn bà	95
Tồn-cổ lục. III	105
Sự thi-hành luật mới	107
Truyện cái gậy song. II	112
Tân-nương (tiểu-thuyết Tàu)	115
Thời-đàm (từ ngày 20 tháng 1 đến ngày 20 tháng 2 năm 1918)	118

Số 9 — Mars 1918

	Số trang
Con đường tiến-bộ của nước ta. II	125
Vấn-đề trị lụt ở xứ Bắc-kỳ. III	132
Pháp-văn tiểu-thuyết bình-luận (Phục thù cho cha)	139
Triết-học nước Pháp. II	155
Diện-học khái-luận	158
Thợ cụ Yên-đổ — Thơ văn mới — Từ khúc mới — Thơ văn đàn bà — Dịch Pháp-văn	162
Sự thi-hành luật mới	173
Truyện cái gậy song. III	179
Truyện chàng Đại-nam (tiểu-thuyết Tầu)	182
Thời-đàm (từ ngày 20 tháng 2 đến ngày 20 tháng 3 năm 1918)	186

Số 10 — Avril 1918

Cái quan-niệm dân ta đối với chủ-nghĩa Đông-dương thống-nhất	191
Mười ngày ở Huế	198
Bàn về tế Giao	223
Thơ cụ Yên-đổ — Thơ văn mới — Từ khúc mới — Thơ văn đàn-bà	229
Tồn-cổ lục. IV	240
Câu chuyện gia-tình (tiểu-thuyết mới)	242
Thời-đàm (từ ngày 20 tháng 3 đến ngày 20 tháng 4 năm 1918)	247

Số 11 — Mai 1918

Phụng dịch bài thơ Ngự-chế ban cho báo Nam-phong	257
Về việc ngự-giá Bắc-tuần	258
Nam-âm thi thoại. II	300
Thơ văn cũ — Thơ văn mới — Từ khúc mới — Thơ văn đàn-bà	302
Thời-đam (từ ngày 20 tháng 4 đến ngày 20 tháng 5)	316
Dư-luận trong ngoài	317

Số 12 — Juin 1918

Cái vấn-đề giáo-dục ở nước Nam ta ngày nay. Bàn về bộ « Học-chính tổng-qui »	323
Kinh-tế học. I	345
Nam-âm thi-thoại. III	353
Triết-học nước Pháp. IV	355
Thơ văn cũ — Kính diễn bài thơ Ngự-chế cho Nam-phong — Thơ văn mới	358
Tồn-cổ lục. V	371
Thời-đàm	373

17
1 mars 1918

L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

LUẬN-THUYẾT

MỘT NỀN « MINH-TRỊ »

Nước Nhật-bản sau hồi Cách-mệnh năm 1868 quyết-chí theo đòi văn-minh mới, đặt niên-hiệu vua là đời *Minh-trị*, nghĩa là bắt đầu một thời-đại chính-trị sáng suốt. Có ý muốn bãi-bỏ những lối chính-trị ám-muội từ trước, đã ngăn-trở cuộc tiến-hóa trong nước, mà định cho chính-sách mới sau này một cái chương-trình phân-minh những sự cải-cách có phương-pháp, để nhờ đó mà mong ra chiếm lấy địa-vị trong hội vạn-quốc.

Nước Nam ta tuy không đủ so-sánh với Nhật-bản, và cuộc tiến-hóa của hai nước cũng khác nhau, nhưng xét ra cái tình-thế về đường chính-trị ngày nay cũng có điều giống tình-thế nước Nhật-bản trước đời Minh-trị. Ta hiện đương vào buổi giao-thời, cái nền-nếp cũ đã qua đi rồi, nhờ được chính-phủ sáng suốt, sắp mở ra một thời-kỳ mới, đường chính-trị, kinh-tế, xã-hội tất càng ngày càng phát-đạt ; nếu buổi giao-thời được trót-lọt, không vấp-váp, cứ tuần-tự mà tiến lên như trong cuộc sinh-trưởng tự-nhiên, thì cái kết-quả sau này tất được thập-phần hoàn-bảo. Vậy lúc này là lúc chính-phủ bảo-hộ cùng dân bản-xứ sắp bước chân vào một cuộc đời mới, cần phải có cái quan-niệm phân-minh về những mục-đích nên theo, phương-pháp nên dùng, tức là đề-xướng ra một nền « minh-trị », khiến cho hai bên không còn điều gì ngộ-nhận nữa, cái chức-trách, cái nghĩa-vụ của hai đằng sẽ châm chước các nhẽ mà định cho rõ-ràng vậy.

Nền « minh-trị » ấy, tức là cái chính-trị có mục-đích phương-pháp rõ-ràng, quan Toàn-quyền Xa-lộ đã kể đại-khái trong bài đại diễn-thuyết của ngài ở Hội-đồng Chính-phủ mới rồi. Ngài lấy con mắt sâu-sắc, lấy cái tư-tưởng cao-thượng, cái tài cai-quát riêng của ngài, mà gồm cả các vấn-đề phiền-phức đương xuất-hiện ra ngày nay, vừa bởi việc chiến-tranh

chung trong thế-giới, vừa bởi nhẽ tiến-hóa riêng của dân ta ; nhẽ tiến-hóa ấy, ngài đã từng nói là một nhẽ tất-nhiên, « giữa lúc cả nhân-loại đương biến-động, dân An-nam không thể cứ đứng im mãi như xưa được ».(1)

Bản-báo đã tự-nhiệm làm cái « cơ-quan » của bọn thượng-lưu trong nước, tưởng cũng là thuộc về bản-phận mình mà phải diễn-giải cái tư-tưởng của quan Toàn-quyền, nhất là chính-sách ngài đối với dân An-nam ta vậy.

Và ngày nay không phải như ngày xưa nữa, phàm nhà nước bảo-hộ thi-thố việc gì, dân ta mang-nhiên không hiểu gì cả. Ta nhờ công giáo-dục của chính-phủ, biết xem xét tường các việc đời xưa đời nay, đã ràng-rạng hiểu mọi việc, thấy chính-phủ thi-thố điều gì muốn tìm cho biết nguyên nhân kết-quả, mà tự hỏi việc ấy lợi hại cho vận-mệnh chung nước ta thế nào. Chắc rằng trong sự nghiên-cứu ấy ta còn chưa được quen lắm, không thể mong hiểu được cả, mà thực có khi đối với một việc gì ta không giải được cái nhẽ nó làm sao, hoặc không lượng được sự kết-quả nó thế nào.

Bởi thế nên ta thực là thâm-tạ quan Toàn-quyền Xa-lộ, phàm có dịp nào ngài cũng diễn-giải cho ta biết cái chính-kiến của ngài, hình như muốn cắt nghĩa cho ta hiểu một cách rất phân-minh, rất sác-đáng khiến cho trong trí ta không còn điều gì nghi-ngờ nữa.

Ngài muốn đề-xướng một nền « minh-trị » như ta nói trên kia, nền « minh-trị » ấy đã làm cho nước Nhật-bản ngày nay cường mạnh như thế. Thế nào gọi là « minh-trị » ? Là chỉ-định cho hết thảy mọi người cho quan cho dân, biết cái mục-đích nên theo, rồi bắt mọi người phải hiệp cả sức lực lại cho đạt-tới mục-đích ấy. Lại còn là biết dự-liệu các vấn-đề về sau, không giấu-giếm gì những sự khó-khăn có thể xuất-hiện ra mà ngăn-trở sự thành-tựu của cái mục-đích ấy, để tìm phương-pháp mà đối-đãi.

Quan Toàn-quyền nói : « Tôi định làm gì tôi đã biết, nhưng tôi muốn cho ai nấy ở quanh tôi cũng đều biết cả như tôi. Nhà nước giao cho tôi cai-trị xứ này cũng như giao cho cầm máy một chiếc tàu đi bể, phải có đủ địa-đồ la-bàn cho biết phương-hướng thì tôi mới chịu nhận, cái đó đã cố nhiên rồi, nhưng tôi còn muốn cho hết thảy mọi người đi trong tàu đều biết tàu đi đến đâu, đi đường nào, và có nhẽ gặp những sự hiểm-trở như thế nào ».

Quan Toàn-quyền lại nói với các quan giúp việc ngài ở Hội-đồng Chính-phủ : Các ngài phải hiểu rõ mới được ; ta sắp bước chân vào cái thời-đại mới. Thời-đại mới ấy xuất-hiện ra khắp thế-giới, ánh sáng nó chiếu-diệu cả Á-châu lẫn Âu-châu, hình như giục-giã cả loài người phải ngưng-thần định-trí để ngẫm nghĩ suy xét về những sự biến-cách saunày cùng cái nhẽ

(1) Nhời quan Toàn-quyền diễn-thuyết ở hội các nhà báo Nam-kỳ. Bài diễn-thuyết ấy, bản-báo đã dịch toàn văn và đăng trong số thứ 5. (Xem *Nam-Phong*, số 5, trang 341-346).

cần phải dự-liệu cho sự đổi cũ ra mới được an-toàn, cho cuộc hiện-tại dễ truyền sang cuộc tương-lai. »

Vậy thì bọn ta cũng cố ngẫm-nghĩ suy xét mà giải trong chương-trình quan Toàn-quyền phần nào là phần thuộc về cái chính-sách đối với dân bản-xứ, vì phần ấy là phần quan-hệ với ta hơn cả. Bản-báo sẽ lấy lòng thành-thực mà bàn, chỉ cốt muốn cho đồng-bào ta hiểu cái chính-sách của nhà nước, cùng nhà nước thấu lòng hi-vọng của đồng-bào ta.

Ở xứ này cái vấn-đề thuộc về dân bản-xứ xuất-hiện ra khác hẳn và phiền-phức hơn các thuộc-địa khác của nước Pháp, điều đó hiển-nhiên ai cũng biết. Chính quan Toàn-quyền đã từng có câu nói rằng : « Không thể cai-trị người An-nam như cai-trị các thuộc-dân ở Phi-châu được. »

Quả như thế, cho nên những phép chính-trị cũ của cái « lối thực-dân hẹp-hòi ngày xưa » [1], ngày nay không thích-hợp nữa. Cai-trị một dân như dân này phải « lấy cái chủ-nghĩa quảng-đại là chủ-nghĩa văn-minh, xưa nay vẫn làm then làm chốt cho quyền cai-trị của nước Pháp, mà đưa giắt cho lên đến cõi sinh-hoạt hoàn-toàn », vì dân này là một dân cổ, vị tinh-thể riêng trong lịch-sử mà không biết hoặc không thể theo đòi được cái thuật sinh-tồn trong thế-giới bây giờ. Dân ấy bởi cái thói cẩu-thả của bọn giữ trách cai-trị khi xưa, bởi cái tính thủ-cựu quá-đáng của các bậc thân-sĩ trong nước, mà dễ cũng bởi cả cái chất nhu-nhược của chủng-loại từ xưa đến nay, nên vẫn khư-khư giữ lấy mãi những lề-lối hủ-lậu đời trước, sinh-trưởng ở một nơi thổ-địa tốt, đáng đường kinh-tế được rộng-rãi mới là phải, thế mà trong mấy mươi thế-kỷ vẫn phải cam chịu nghèo-khổ, cuộc tiến-hóa bị ngăn-trở cũng là phần nhiều vì đó. Vậy phải lay động cho nó tỉnh-thức giậy, đem cho hưởng cái hạnh-phúc văn-minh mới, văn-minh ấy dân ta vẫn biết công-nhận là hay hơn cái văn-minh cũ của mình mà hết lòng hết sức mong mỏi cho tới đến được. Phải dạy cho nó biết khai-khẩn ruộng đất mà thu-hoạch lấy tài-nguyên, phát-đạt đường thương-nghiệp công-nghệ, nói rút lại là dạy cho biết cái bí-thuật sống làm một dân-quốc trong đời bây giờ. Đó là cái nhiệm-vụ của nước Đại-Pháp đối với đất Việt-Nam-cổ-quốc này, là nơi cũng đã từng có cái danh-dự làm chốn kịch-trường cho hơn hai nghìn năm lịch-sử vậy. Đó là cái nhiệm-vụ của Bảo-hộ-đại-quốc quyết làm cho trọn ở xứ này, vì đại-quốc muốn tự-phú lấy cái thiên-chức như thế cho hợp với cuộc lịch-sử nhớn-nhao, hợp với cái lý-tưởng nhân-đạo, hợp với cái tính-chất quảng-đại của nước Pháp vậy ! Nếu nhờ cái « gậy tiên » [2] của nước Pháp, nhờ công-đức của văn-minh nước Pháp, nhờ hiệu-lực của học-thuật nước Pháp, nhờ cái sức mạnh sáng-xuốt của

(1) Chỗ nào, câu nào có « . . . . . » là nhời quan Toàn-quyền.

(2) Trong truyện thần-tiên Âu-châu có truyện cái « gậy-tiên », chỉ vào vật gì thì biến thành ra qui-hóa tốt đẹp hơn lên.

tài-trí nước Pháp, mà khiến được cái dân già-cỗi này lại trai-trẻ lại, như truyền cho cái khí-huyết mới vào trong mạch-máu đã hư-hảo, mà giúp cho chiếm được một cái địa-vị con con trên vũ-đài nhớn của thế-giới, thì cái nhiệm-vụ ấy thực là một công nghiệp to-tát nhất trong lịch-sử đời xưa đời nay vậy.

Quan Toàn-quyền Xa-lộ thực đã thâm hiểu cái thiên-chức của nước Pháp như thế. Ngài đã lấy những nhời rất cảm-động mà diễn-giải ra, có lắm nhời nghe mà thấm đến tận trong lòng ta vậy. Xem đó thì biết ngài thực bụng yêu dân ta ; ngài phục cái văn-minh cổ của ta ngày xưa, ngài hiểu cái lòng hi-vọng của ta ngày nay, và ngài mong cho cuộc tương-lai ta ngày sau được mười phần tốt-đẹp.

Chính cái bụng ngài yêu ta ấy nó chủ-trương cả cái chính-sách của ngài đối với dân ta. Chính-sách ấy rõ là chính-sách « mở rộng », khác hẳn những lối hẹp hòi ngày xưa, mà lấy cái lòng tin lẫn nhau làm cốt, chính-phủ thì vì cái chủ-nghĩa khai-phóng mà được lòng tin của dân, dân thì vì cái thái-độ trung-thành mà được lòng tin của chính-phủ. Và ngày nay chỉ có thể lấy cái lòng tin lẫn nhau làm chuẩn-đích mới là hợp với mục-đích thực-hành của nhà nước về đường chính-trị, kinh-tế, xã-hội, mà lại vừa hợp với lòng nguyện-vọng của quốc-dân ta nữa. Một cái chính-sách cốt lấy « phân-minh » hơn cả, cốt lấy thành-thực với mình, cho ai nấy cũng hiểu được, cũng phải công-nhận, vì nó chủ sự lợi chung cho mọi người, một cái chính-sách như thế tất phải theo một chuẩn-đích ấy, không thể theo chuẩn-đích khác được.

Chắc là nhà nước Đại-Pháp có chủ-quyền trong nước ta, dẫu muốn dùng cách cưỡng-bách khiến cho các dân dưới quyền bảo-hộ mình phải sợ, cũng có thể được. Nếu muốn như thế không phải là không được, nhưng nhà nước bất-tiết dùng đến cái lối vô-đoán ấy. Nhà nước muốn thì-thố bằng sự cảm-phục, không phải bằng sự bạo-động. Quan Toàn-quyền đã nói rằng: « Không nên đem cái chủ-quyền nước Pháp mà bắt một lũ người nhu-thuận phải chịu theo, phải nên để cho một dân-quốc có tri-thức, tự-nhiên mà công-nhận cái chủ-quyền ấy, coi như một cái nguyên-lực để nhờ đỡ mà sinh-hoạt, mà bảo-tồn, mà phát-đạt. »

Thực thế, bọn ta công-nhận cái chủ-quyền nước Pháp thực là lấy cái tri-thức mà công-nhận ; ta mến nước Bảo-hộ không phải là bởi lòng sợ-hãi, thực là có suy-nghĩ, có xem-xét, kinh-lịch mà biết, trông thế-sự mà hiểu.

Trong khoảng ba mươi năm nay nhờ nước Pháp ta được hưởng phúc hòa-bình, yên-ổn ở ngoài, trị-bình ở trong, ta đã được thừa-nhàn mà ngẫm-nghĩ đến những vấn-đề quan-hệ đến cuộc tiến-hóa một dân một nước. Ta

biết rằng cứ cái cách chính-trị kinh-tế trong thế-giới bây giờ, ta không quyết-chí mà vội vàng theo đòi Thái-Tây, thì những vấn-đề ấy không sao mà giải-quyết được. Ta biết rằng cứ một mình ta thì không thể nào tổ-chức thành một nước hoàn-toàn, chỉ đủ làm mồi cho những nước mạnh hơn, những nước ấy có nhẽ không có lòng quảng-đại, có tình quyến-cố với ta bằng nước làm thầy ta ngày nay. Bởi thế ta mới hiểu rõ cái công-nghiệp của nước Pháp ở xứ này to-tát là nhường nào, mà ta mừng thay cái tình-cờ đã đưa chân nước ấy đến với ta từ một nửa thế-kỷ nay. Thử hỏi không có nước Pháp thì nay ta đến thế nào ?

Cái công-nghiệp ấy trong thời buổi đầu, sau khi người Pháp sang chinh-phục nước ta, dân ta hoặc không biết đến, hoặc biết mà hiểu nhầm. Cứ thực thì người Nam với người Pháp trước vẫn mãi chưa am-hiểu nhau, cũng là một nhẽ tất-nhiên như thế. Hai giống người, hai văn-minh khác nhau, bỗt-nhiên gặp nhau, một cái thì ở tự bên mặt địa-cầu kia mà sang, tự xưng là hay hơn giỏi hơn mà muốn lại để biến-hóa cái kia, tưởng đó cũng không phải là một sự tầm-thường vậy. Ta không xét kỹ làm gì những nhẽ thuộc về lịch-sử, thuộc về xã-hội đã khiến cho đồng-bào ta thời bấy giờ mục-kích sự mới lạ ấy mà sinh ra lòng nghi-kỵ. Người Pháp sang đây lúc mới đầu chỉ có hạng dân nhà quê là đem lòng hoan-nghênh mà thôi, vì hạng dân ấy đã phải từng trải nhiều năm giặc-giã loạn-lạc, khao-khát muốn được yên-ổn mà làm ăn. Cái thái-độ của người dân ấy chẳng qua cũng là vị nhẽ cận-lợi mà thôi, nhẽ ấy rồi về sau mỗi ngày một nhạt dần đi, vì dân đã quen được an-lạc, quên những sự khổ-sở về đời giặc-giã, cũng lại vì cái tình-trạng về đường xã-hội trong nước mỗi ngày một thay đổi hơn xưa.

Đến như bọn thượng-lưu trong nước, như quan-lại, văn-thân, thì ngay từ khi người Pháp mới sang đây, vẫn có ý muốn phản-đối, chưa chịu nhận cái thế-thống mới ; cái lý-do của sự phản-đối ấy tưởng cũng là thuộc về nhẽ thường vậy. Trước còn công-nhiên phản-đối, sau ngầm-ngầm, rồi mỗi ngày một nhạt dần đi, đến mươi năm gần đây mới thực là hết hẳn.

Như thế thì cái kết-quả của sự giao-thiệp người Pháp với người Nam lúc bắn đầu tất là gây ra một buổi phân-vân do-dự, người Pháp mới đến còn lạ-lùng bỡ-ngỡ, vừa phải lý-hội lấy tính-tình phong-tục của dân ta, lại vừa phải cố làm thế nào cho dân ta khỏi nghi-kỵ. Nói rút lại thì hai bên lúc bấy giờ còn đương tìm một cái cách để *ở chung* với nhau cho hòa-hợp. Trong buổi ấy chính-phủ bảo-hộ còn chưa chắc cái sự-nghiệp mình có được vững bền không, lại thêm sẩy ra những sự nọ việc kia làm bối-rối trong lòng, chưa biết rõ to nhỏ thế nào, nặng nhẹ làm sao, lạ gì lúc ấy cái chính-kiến, cái phép cai-trị của Nhà nước chẳng có điều do-dự bất-quyết mà thành ra câu-nệ chậm-chạp ?

Muốn cho ra khỏi cái buổi khó-khăn ấy, muốn cho thành được cái tình-trạng điều-hòa, nghĩa là một đằng thì giữ cho nhân-dân một lòng yêu mến kẻ cai-trị mới và khiến cho bọn thượng-lưu cũng bằng lòng công-nhận, một đằng thì tìm cách cho hai giống Pháp Nam mỗi ngày một am-hiểu nhau, muốn cho đến được bậc ấy thì trong cuộc lịch-sử tất phải xuất-hiện ra những duyên-cớ mới. Những duyên-cớ ấy là gì, sau này ta sẽ bàn riêng và nghiên-cứu cho tường. Hiện nay hãng biết rằng những duyên-cớ ấy vừa thuộc về đường chính-trị, vừa thuộc về đường kinh-tế, và nó càng thích-hợp với cái tình cảm-mộ, lòng dục-vọng, lại thích-hợp cả với cái lợi-quyền thực của hai bên, thì nó lại càng ảnh-hưởng đến vận-mệnh xứ này vừa mạnh vừa sâu vậy.

Nhưng ta không bàn vội đến những đề-mục về sau này, ta hãng nghiệm sự-thực ngày nay, rồi sau sẽ giải nghĩa. Sự thực ấy là hiện nay ta trông thấy phần nhiều đồng-bào ta đã từng nhiều lần tỏ lòng cảm-mộ cái chính-sách của quan Toàn-quyền Xa-lộ ngày nay, mà xét ra lòng cảm-mộ ấy là bởi sự suy-nghĩ, sự tri-thức mà ra, dù bọn thượng-lưu, bọn trung-lưu, bọn thường-dân cũng một lòng như vậy.

Phần nhiều quốc-dân ta đem lòng tin cậy cái chính-sách khai-hóa của nhà nước Đại-Pháp, càng trông rõ thấy mục-đích của cái chính-sách ấy, càng thấy nền chính-trị của nhà-nước phân-minh rạng tỏ ra trước mắt mình, thì lòng tin lại càng mạnh thêm lên ; nói rút lại cũng là gồm ở hai chữ « Minh-trị » vậy.

Cái công-đức to-tát của quan toàn-quyền Xa-lộ, khiến cho ta cảm-mộ mà đội ơn ngài, là từ khi ngài sang tái-nhậm xứ này, ngài cố làm cho cái chính-sách của ngài định thi-hành ở đây càng ngày càng rõ-ràng ra cho bọn ta được biết. Cứ xem những nhời diễn-thuyết, nhời bá-cáo của ngài, nhất là bài diễn-thuyết mới rồi ở Hội-đồng chính-phủ, thực là gồm một cái chương-trình to-tát ở đây, thì ta cũng đủ biết đại-cương cái chính-sách ấy, mà giải được cái mục-đích quảng-đại, thực là hợp với nghĩa văn-minh của nước Đại-Pháp ; mục-đích ấy như cái nêu để chỉ cho dân ta con đường tiến-hóa còn dài về sau này vậy.

Bản-báo định sau này sẽ làm mấy bài luận-thuyết để nghiên-cứu các phương-diện của cái vấn-đề nhớn, có thể gọi là « vấn-đề dân An-nam », vấn-đề ấy nhân cái chính-sách mới của nhà nước mà xuất-hiện ra vậy.

NAM-PHONG.

VẤN-ĐỀ TRỊ LỤT Ở XỨ BẮC-KỲ

Cái vấn-đề về việc trị lụt ở xứ Bắc-kỳ nay đã sắp đến ngày giải-quyết. Chính-phủ cùng các sở chuyên-môn đã định xong chương-trình các công việc phải làm, có thể khởi hành ngay từ đầu năm 1918 này được.

Vấn-đề ấy không cần phải nói ai cũng biết là một vấn-đề rất quan-trọng cho sự sinh-hoạt dân xứ Bắc ta. Vậy bản-báo muốn bàn tường để quốc-dân biết những công-trình Nhà nước đương mưu-toan để phòng giữ cho xứ ta khỏi cái tai-nạn hằng-năm khổ-hại, là cái nạn vỡ đê ngập lụt. Kỳ này hãy xin kể qua cái chương-trình quan Toàn-quyền vừa duyệt-ý cuối năm ngoái, sau sẽ bàn kỹ về các khoản công-trình nhớn.

* * *

Cái vấn-đề trị lụt là cốt làm thế nào mà ngăn được nước lụt, những khi nước sông lên cao quá, như ở Hà-nội lên đến 11 thước tây. Các nhà kỹ-sư ở sở Công-chính đã nghiên-cứu trong mấy năm, định dùng hai cách : một là làm đường thoát nước, hai là làm cửa tháo nước. Đường thoát nước thì nghĩ sửa lại con sông Đáy, để lâm-thời thông nước sông Nhị-hà vào ở nơi dưới tỉnh Sơn-tây.

Cửa tháo thì định đặt ở mấy tỉnh trung-du Bắc-kỳ, để khi nước sông Cái lên to quá tháo bớt vào mấy tỉnh ấy.

Đường thoát nước

Ông kỹ-sư Normandin, là một nhà bác-học có danh tiếng, chuyên-cứu về các vấn-đề trị lụt đã lâu năm, tính đường con sông Đáy sửa lại rồi, cũng không thể thoát nước sông Cái được hơn 400 thước đứng [1] trong một giây đồng-hồ. Nhưng sông Đáy còn dùng được một việc nữa, là khi nước lụt do các cửa tháo tràn vào tỉnh Sơn-tây thì nhờ sông ấy làm đường cho nước thoát dần ra. Muốn cho tiện thì sẽ đặt cửa « áp » ở nơi cầu sông Đáy, khi nào nước sông Cái ở Hà-nội đã xuống đến 10 thước thì đóng lại cho không chảy vào sông Đáy được nữa. Như thế thì sông Đáy có thể dùng riêng để thoát nước chứa ở Sơn-tây cho nhanh, không nên để đọng lâu.

Lại trên tỉnh Sơn-tây có con Sông-con xem ra cũng có thể lợi dụng làm đường thoát nước được. Đường con sông ấy hai bên có núi, có thể đựng được 900 thước đứng nước trong một giây đồng-hồ. Nước đổ vào thế, đến ngang Ngã-ba-thá thì thoát vào sông Đáy, sông Đáy bấy giờ đã sửa lại vận ngay đi được.

Còn sông Cà-lồ thì định lợi-dụng để rút cho sông Cái được 400 thước đứng nước trong một giây đồng-hồ. Hiện đã có một cái cống thông ngầm đựng được 1 trăm thước đứng. Sau này chỉ làm một cửa tháo nữa đựng được độ 3 trăm thước đứng trong một giây, thế là cả thảy 4 trăm thước là đủ. Làm thế thì phải sửa lại đường sông và phá những cái đê chắn ngang đã làm từ trước. Việc đó cũng dễ làm và không phí-tổn mấy.

Sau nữa nhà nước lại định làm một con đường thoát to, bắt đầu tự tả-ngạn sông Nhị-hà, đối-diện với đê Liên-mạc, chảy ra sông Cầu, về mạn Đông-xuyên, đi ngang đường xe hỏa ở gần Đông-Anh. Đường thoát ấy có thể rút trong mỗi giây đồng-đồ được 1 nghìn 3 trăm (1300 m^3) thước đứng nước ở sông Nhị-hà.

---

(1) Thước đứng tức là *mètre cube*.

Làm một con đường thoát như thế cũng không khó gì, chỉ phải đào đất nhiều, cho thành cái đáy sông bề ngang ước 150 thước, hai bên đắp đê, như thế thì cũng phải phí tổn nhiều, để đền cho các chủ ruộng.

Nhờ cả bấy nhiêu con đường thoát có thể rút nước sông Nhị-hà trong một giây đồng-hồ là *ba nghìn chín trăm (3900) thước đứng và hạ nước sông xuống được 45 phân ở Hà-nội.*

Còn dư nước lụt nữa, thì phải dùng đến các cửa tháo.

Cửa tháo

Ông kỹ-sư Normandin đã nghiên-cứu kỹ về cách đặt những cửa tháo ấy. Người ta vẫn thường chê cách ấy là không tiện, xét ra thì mới rõ rằng sự đó chỉ là bởi những lối trước làm hơi sai cách và không được hợp dụng. Bây giờ muốn làm một cái cửa tháo thế nào cho có thể tùy ý ngăn không cho nước vào được, thì cũng không khó gì. Ông Normandin nghĩ sây chỗ đầu cửa tháo bằng xi-mo, trong lồng cửa « áp », làm bằng gỗ sức rất kiên-cố, tùy ý kéo lên hạ xuống, khiến cho tự tiện muốn cho nước vào thế nào cũng được, khi nào khỏi nguy có thể đóng lại được. Trên xây một cái cầu ngang để cho trên đường đê chỗ đặt cửa vẫn đi lại được.

Làm theo cách ấy thì dễ hơn làm cống ngầm quá nửa, mà lợi-ích hai đằng cũng ngang nhau. Một cái cửa tháo như thế thì trong mỗi giây đồng-hồ, tính mỗi thước dài, có thể thu được 4 thước đứng nước. Tổng-số các cửa tháo cần phải dự-liệu đến 2 nghìn 2 trăm thước dài (2200^{m}), chia ra như sau này: chín trăm (900) thước ở tỉnh Vĩnh-yên, một nghìn (1000) thước ở tỉnh Sơn-tây, ba trăm (300) thước ở tỉnh Phú-thọ. Như thế thì trong một giây đồng-hồ có thể rút nước sông Nhị-hà cả thảy là 8 nghìn thước đứng, làm cho nước sông thấp xuống được 1 thước 10 phân.

Phải biết rằng công-trình như thế kinh-phí nhiều lắm. Những xây các cửa tháo cũng đã ước đến 85 vạn bạc rồi. Nhưng trước kia tính dùng cống ngầm còn đắt hơn và mất những hai trăm bốn mươi vạn đồng (2.400.000$00).

Song muốn thi-hành được cái chương-trình như thế, còn phải nhiều khoản kinh-phí khác nữa: như đặt sẵn những khu phải chịu nước lụt, đổi lại cách giống lúa trong những khu ấy, v. v.

Xưa nay việc trị lụt sở-dĩ nhầm-lỗi to là khi tháo nước lụt vào một nơi nào không tìm cách gìn-giữ cho dân nơi ấy vì Nhà-nước mà phải chịu thiệt-hại. Người nhà quê gặp phải thiên-tai thì cố cắn răng mà chịu, nhưng thấy người cưỡng bắt mình phải thiệt-hại thì hết sức mà chống-cự lại. Vậy Nhà-nước có cái nghĩa-vụ phải cố làm thế nào cho sự thiệt-hại ấy không đến nỗi nặng-nề quá. Quan Toàn-quyền Sarraut và quan Thống-sứ Saint-Chaffray hai ngài thực đã lưu-tâm đến sự đó, không quản phí-tổn nhiều, công việc nặng, truyền cho các sở chuyên-môn phải nghĩ hết cách phòng-ngừa cho dân ta được nhờ.

Xét ra có mấy cách như sau này cũng giảm hại được nhiều, khiến cho người dân không đến nỗi phải chịu khổ lắm:

1° — Đặt sẵn những nơi chạy lụt cho người cùng trâu bò, ở gần các thôn-xã nhớn. Sự xếp đặt ấy cũng phí mất ít nhiều tiền, nhưng rất cần, không có không được.

2° — Nhà-nước sẽ trù-liệu cho dân bị lụt khi nước ra rồi có sẵn mạ mà cấy, khỏi bị những kẻ vô-liêm-sỉ bắt chẹt mà bán đắt quá chừng.

3° — Ở những nơi định dùng làm cửa tháo nên báo trước cho dân biết trước đầu tháng chín tây đừng cấy lúa vội, vì đến bấy giờ mới hết cái thời-kỳ phải lo lụt.

Vậy đương khi sở Công-chính khởi-hành những công-trình đã kể trên kia,

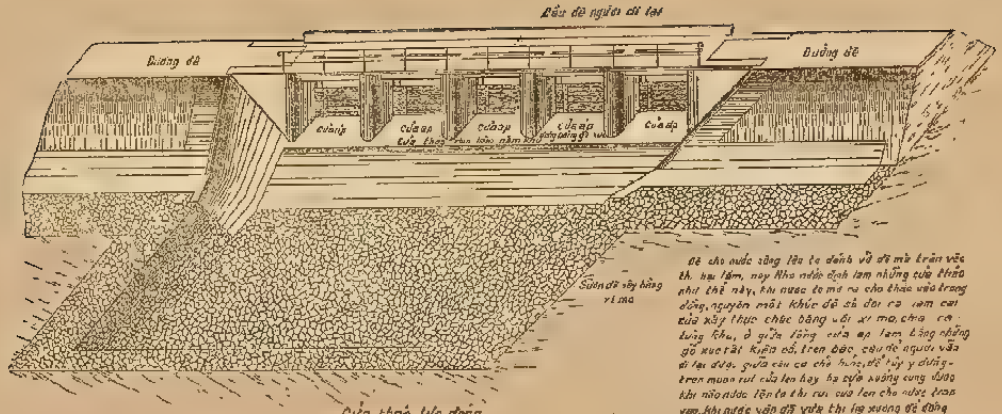

Đê cho nước sông lên to đánh vỡ đê mà trên vệc thì hại lắm, này khu nước định làm những cửa thảo phit thế này, khi nước to mở ra cho thảo vào trong đồng, nguyên một khúc đê sẽ đổi ra làm cái cửa xây thực chắc bằng vôi xi mo, chia ra từng khu, ở giữa lồng cửa ấp làm bằng những gỗ xuc rất kiên cố, trên bậc, cầu để người vẫn đi lại được, giữa cầu ca chỗ hưởng, để tùy ý đứng trên muốn rút cửa lên hay hạ cửa xuống cung được khi nào nước lên to thì rút cửa lên cho nước trong vào, khi nước vẫn đã vừa thì lại xuống để đóng lại, rất tiện hại xuống, dùng một thứ máy rất mạnh.

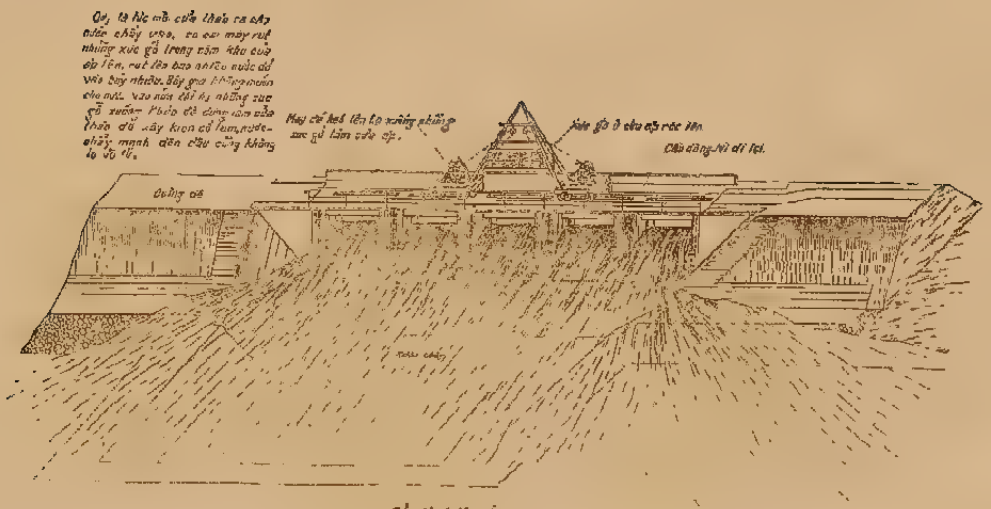
Cửa thạo lúc mở

thì sở Canh-nông sẽ nghiên-cứu mà tìm lấy giống thóc nào mọc chậm, có thể để đến tháng chín tây mới đem cấy cũng được.

Xưa nay người ta thường cho cái vấn-đề trị lụt là chỉ thuộc về phạm-vi một sở Công-chính mà thôi. Thực ra thì cũng có một phần thuộc về sở Canh-nông nữa. Nếu sở Canh-nông có thể hoặc định trước những giống lúa nào giồng sau khi lụt được, hoặc trử sẵn số mạ đủ cho các nơi đến bấy giờ cấy, thì cái vấn-đề trị lụt, nhất là cái vấn-đề đặt cửa tháo, sẽ tiến được một bước to vậy. Đến ngày có thể tự-do muốn tháo nước vào các cửa tháo bao nhiêu cũng được, muốn đóng lại lúc nào cũng được, thoát nước lụt ra lúc nào cũng được, thì bấy giờ lụt không phải là một cái tai-nạn nữa, mà có thể làm cho ruộng đất tốt thêm lên, thực có ích-lợi cho việc làm ruộng.

Cứ các nhẽ kể trên kia thì chương-trình trị lụt cần phải đặt như thế mới xong.

Muốn cho thành kết-quả, muốn cho chắc ngữ được nước lụt, thì phải dùng hết các phương-pháp đã định đó mới được.

Vậy cái chương-trình ấy cần phải kinh-phí rất nhiều, ước đến 4 trăm vạn bạc (4.000.000 $ 00) và phải hết sức làm luôn trong ba năm.

Khi nào hết thảy các công việc đã làm xong thì bấy giờ mới chắc mong sự kết-quả được.

Trong cái thời-kỳ từ nay cho đến khi hoàn công, nghĩa là ít ra cũng phải ba bốn năm nữa, các công việc mới khởi-hành cũng chưa chắc đã thành-hiệu được nhiều, còn phải chịu lụt nữa, chỉ có thể hết sức gin-giữ bằng những phương-pháp hiện dùng ngày nay mà thôi.

Trong hạn ba bốn năm ấy, còn vỡ đê nữa. Ông NORMANDIN nghĩ rằng cũng đành phải chịu mà đợi cho đến ngày hoàn công vậy ; chắc dân ta cũng hiểu rằng việc trị lụt là một việc to tát, Nhà nước phải có đủ thì giờ mới làm được.

Vậy hiện nay Nhà nước có thể khởi-hành ngay lập-tức mấy khoản như sau này :

1° Nghiên-cứu cho nhanh các đường thoát nước đã dự-định trên kia, để có thể khởi-công ngay từ năm 1918.

2° Ngay từ đầu năm 1918 này lợi-dụng các khoản tiền đã định trong sổ chi-tiêu, để sửa lại đường sông Đáy và bắt đầu làm một phần cửa tháo.

Nói rút lại các khoản công việc định làm chia ra hai phần :

1° Về phần sông Đáy thì chủ lấy cái kết-quả như sau này :

a) Rút cho sông Nhị-hà được 4 trăm (400) thước đứng nước trong một giây đồng hồ ;

b) Thoát được 9 trăm (900) thước đứng nước của con Sông-con vận về Ngã-ba-thá ;

c) Khi các cửa tháo đã làm xong, và đã dùng để tháo nước lụt vào tỉnh Sơn-tây, thì thoát cho nước ấy chầy đi.

2° Về phần các cửa tháo thì định như sau này :

a) Vừa đặt trong ba tỉnh Vĩnh-yên, Sơn-tây và Phú-thọ ;

b) Khi nào đã sắp đặt hoàn-toàn cả rồi mới đem ra dùng, để cho tùy ý đóng vào mở ra được ;

c) Phải đặt những « khu lụt » sẵn để gin giữ cho người dân, định chỗ chạy lụt và cách cấy lúa sau khi nước rả.

* * *

Ấy đại-khái cái chương-trình trị lụt cho xứ Bắc-kỳ ta như thế. Chương-trình ấy sở Công-chính cùng với tòa Thống-sứ dự-định, đã đệ trình quan Toàn-quyền, ngài vừa duyệt y cuối năm ngoái. Vậy có nhẽ Nhà nước khởi-hành ngay từ đầu năm nay. Nếu công việc toàn-thành cả thì trong bốn năm

nữa dân ta khỏi phải cái tai nạn ngập-lụt khổ-sở như từ xưa đến nay.

Ơn ấy là nhờ lượng hà-hải của hai quan Thủ-hiến trong nước, quan Toàn-quyền SARRAUT và quan Thống-sứ SAINT CHAFFRAY, dân ta tất không bao giờ quên vậy.

Mấy kỳ báo sau ta sẽ bàn tường về từng khoản một, cho quốc-dân được biết rõ các công việc Nhà nước đương trù-tính để giải-quyết cái vấn-đề rất khốn nạn là cái vấn-đề trị lụt này.

NGÔ KỲ-NGƯ.

THẾ LỰC NHẬT-BẢN Ở TÀU

(Nối kỳ trước) (1)

V

Giữ lấy quyền quân-đội ở Tàu

Nước Tàu trước kia vẫn từng có chức quân-sự-cố-vấn, cũng có người Nhật-bản làm chức ấy, nhưng chưa có nước nào bắt ép Tàu phải nhận một ông quan danh-vị cực cao như quan Trung-tướng Thanh-Mộc, mới lần này là lần thứ nhất vậy.

Thường những chức quân-sự-cố-vấn, phẩm-vị rất cao, chẳng qua đến hàng Đại-tá là cùng ; có khi lại thấp kém hơn nữa. Nay Nhật-bản đem một quan Trung-tướng phẩm-vị rất cao, bắt ép quan Lục-quân Tổng-trưởng Tàu phải nhận, dù trong bụng cưỡng không muốn nhận cũng không được, mà viên Trung-tướng kia tuy vị cao cũng cam chịu ở dưới quyền Tổng-trưởng Tàu, xem đó thì cũng đủ rõ vậy.

Trung-tướng Thanh-Mộc không những là am-hiểu hết sự-tình nước Tàu (đoạn này sẽ bàn về sau), mà người ấy thực là một bậc danh-tướng của nước Nhật. Nước Nhật vẫn tin cậy về tài giỏi kinh-nghiệm của Thanh-Mộc, có thể làm nổi được, cho nên mới đem cái trách-nhiệm lo ấy giao cho Thanh-Mộc là chỉ cốt nắm lấy quyền quân-đội của Tàu.

Đương khi Công-sứ Nhật-bản là Nhật-Trí từ chức, Công-sứ mới sang thay, những chính-sách kể trên này đã thấy thi-hành; nhưng tài ngoại-giao của Nhật-Trí, chẳng qua cũng trung-thường ; lúc làm Công-sứ, cũng như Công-sứ các nước khác, chỉ có tòa-sứ chớ không có thi-hành chính-sự nhà sứ. Nay thời không thế. Từ khi Lâm-quyền-trợ nam-tước sang làm Công-sứ ở Tàu, nghiễm-nhiên là một chức Công-sứ lớn ; phẩm tước của Lâm-thị lại cao hơn chức, cũng giống như Trung-tướng Thanh-Mộc. Lâm-thị trước đã làm Công-sứ Lã-mã, nay lại sang làm Công-sứ Tàu, Trung-tướng Thanh-Mộc là một người danh-tướng nước Nhật, nay lại khuất làm Đại-tá; thế mà người Nhật còn nói với người ta rằng chủ ý nước ấy đối với nước Tàu chẳng qua chỉ lấy ý thành-thực giao thiệp với nhau mà thôi.

Tàu vẫn không muốn nhận Thanh-Mộc, biết rõ ý nước Nhật chỉ muốn cưỡng đem Thanh-Mộc sang, nên hết sức cự lại. Nhưng Thanh-Mộc vẫn cứ ở Tàu làm chức quân-sự-cố-vấn, mà chức ấy thực là Nhật cố ép Tàu phải nhận. Thế thì đủ biết rõ cái thái-độ của Nhật-bản.

Thanh-Mộc sang ở Tàu, còn có một việc nữa: Nguyên Thanh-Mộc trước làm chức hành-quân tư-lệnh cho quân Hộ-quốc tỉnh Vân-nam, quân Hộ-quốc nổi lên tháng 12 năm 1915, cốt để phá đổ cái âm-mưu đế-chế của Viên Thế-Khải;

(1) Xem *Nam-Phong* số 6, trang 357 — 364.

đương lúc quân Hộ-quốc cử sự, Thanh-Mộc đến Thượng-hải, sếp đặt các cơ-quan, thường đi lại với các người lĩnh-tụ đảng cách-mệnh, bàn tính các việc. Thế mà bọn người Nhật ở Bắc-kinh lại mưu giúp họ Viên, những việc làm chống nhau như mộc mác ấy, thực là một thiết-chứng tỏ ý người Nhật không muốn cho Tàu yên-ổn một ngày nao. Nói rút lại, người Nhật chỉ cổ-động đảng Bắc-phương nước Tàu, để đánh đảng Nam-phương, lại sếp đặt cả hai đảng, xúi lên cho đánh lẫn nhau. Bởi vì phương Nam là nơi đảng Duy-tân tụ-họp, nguồn cách-mệnh phát ra từ đấy; mà phương Bắc thì thuộc về đảng thủ-cựu, thực là nơi sào-huyệt của bọn theo họ Viên.

Các ngài thử nghĩ, nước Nhật làm những mưu ấy, thế mà ở Đông-kinh vẫn tuyên-ngôn rằng đối với Tàu chỉ đem ý thành-thực kết nghĩa bang-giao mà thôi.

Thế-giới đương buổi chiến-tranh này, thực là một cái dịp hay cho nước Nhật ở Tàu muốn làm gì thì làm; bởi vì các nước khác đương bận về việc chiến-tranh, không rỗi trông nom đến, không dám phản-đối lại, nên càng lợi cho nước Nhật-bản lắm. Nhưng cũng có điều không lợi cho nước Nhật-bản (1), vì đường chính-trị thế-giới ngày nay, chớp mắt một khác, Trung-quốc từ khi phản-đối chính-sách tàu ngầm, tuyệt-giao với nước Đức, thì lại thành một nước liên-minh với nước Nhật-bản.

Trước khi phương-châm ngoại-giao của Tàu đối với nước Đức sắp biến đổi, thì âm-mưu của Nhật-bản vẫn chưa thôi, thế cho nên lại muốn bảo nước Mĩ những thủ-đoạn của mình đối với Tàu; rồi sau ta sẽ kể tường ra. Những mưu ấy đương lúc ta tự Trung-quốc ra đi, dầu còn tạm đình chửa làm, bây giờ hoặc lại hoạt-động chăng, cũng chửa biết chừng.

Nước Tàu có bốn người, nổi tiếng là bốn vị đại-kim-cương, những người ấy đều hết sức về bè với Nhật, phàm nước Tàu muốn thi-hành những việc lợi cho Nhật, thì bốn người ấy đều đứng lên thủ xướng. Bốn người ấy là: Tào Nhữ-Lâm, Chương Tôn-Tường, Lục Tôn-Dư, Vương Áp-Đường. Tào đã thường sung chức ngoại-giao thứ-trưởng, giao-thông tổng-trưởng. Chương thì thông hiểu chữ Nhật-bản, từng sung chức Tư-pháp tổng-trưởng, nay lĩnh chức công sứ đóng ở bên Nhật; đã làm Nội-các mà lại ra làm Công-sứ, thì mới từ Chương trước nhất. Lục thì đã từng sung chức Công-sứ đóng ở Nhật. Còn Vương cũng đã từng làm chức Nội-vụ tổng-trưởng. Bốn vị đại-kim-cương ấy là một thứ độ sắc của Nhật-bản để âm-mưu nước Tàu vậy. Nhật-bản nhờ mưu bọn ấy để gây thành cái cục-diện mà can-thiệp vào nội-chính của Tàu, mà mặt ngoài vẫn không lộ ra cái vết xâm-lăng.

Thiên thứ nhất, chỗ bàn về việc quan-hệ của Tàu với Nhật, đã nói qua đến các đảng quan võ và những người đứng đầu chính-đảng nước Tàu, vậy muốn tỏ cái tình âm-mưu của Nhật-bản ngày nay, thời phải biết rõ những đảng chính-trị, quân-nhân của Tàu. Nước Tàu có đảng Bắc-dương, cũng là về đảng quân Nhật, đương khi giặc «Thái-bình» nổi lên, Tăng Quốc-Phiên luyện quân dõng ở Hồ-nam, thực là lĩnh-tụ về đảng quân thời bấy giờ. Môn-nhân của họ Tăng là Lý Hồng-Chương lại biệt lập ra đảng Hoài-quân, gọi là phái Ân-huy, ấy là phái Bắc-dương ngày nay mới có từ đấy. Nối sau họ Lý là Viên Thế-Khải, khi Viên làm

(1) Cứ như thời bàn đo thì rõ ràng là Nhật-bản mưu phân-liệ bọn võ-nhân phương Bắc, làm loạn nước Tàu, rồi nhân thế mượn truyện để can thiệp, hay là lại thừa-thế giúp cho Tuyên-thống, lại lên làm vua.

Tổng-đốc Trực-lệ, lại luyện tập đảng Tân-quan, tiếng phái Bắc-dương từ đấy lại càng lừng lẫy. Sau khi Viên chết rồi mà ngày nay nghiễm-nhiên làm thủ-lĩnh phái ấy, thì đều suy tôn Nội-các tổng-lý Đoàn Kỳ-Thụy. Trong phái ấy có Trương Huân là có thế-lực hơn cả, Trương làm Tuần-duyệt-sứ ở Tràng-giang, đóng ở Giang-tô, mà lại kiêm cả chức Đốc-quân ở An-huy, thực là người thanh-thế hách-dịch bây giờ. (1)

Đảng chính-trị nước Tàu, đại-ước cứ lấy dải sông Dương-tử làm giới-hạn, chia ra nam, bắc ; mấy trăm năm nay người Nam, người Bắc vẫn thường ganh nhau về đường chính-trị như nước lửa sung khắc nhau, bọn thủ-lĩnh đảng quân bây giờ cũng như thế ; cho nên những chính-kiến của quân-đảng, thường vẫn chia ra phương nam, phương bắc khác nhau, quân-đội và đảng chính-trị của phương bắc rất mạnh ; quân-đội của nước Tàu một trăm phần thì bảy mươi nhăm phần ở về phía bắc sông Dương-tử ; đảng quân phương bắc lại chia ra hai phái : Trực-lệ và An-huy.

Những người cầm quyền chính có thế-lực trong đảng quân-nhân thuộc về phái An-huy thì có : Vương Chiếm-Nguyên ở Hán-khẩu ; Nghê Tự-Sung ở Bạng-phủ ; Trương Hoài-Chi ở Tế-nam ; Điền Trung-Ngọc ở Trương-gia-khẩu ; và Nội-các là Đoàn Kỳ-Thụy. Thuộc về phái Trực-lệ thì có : Lý Thuần ở Cửu-giang ; Phùng Quốc-Chương làm phó-tổng-thống (2) ở Nam-kinh ; Lư Vĩnh-Tường ở Thượng-hải ; Dương Thiện-Đức ở Hàng-châu ; Tào Côn ở Thiên-tân ; Trương Tác-Lâm ở Phụng-thiên ; và Trần Điều-Nguyên làm Tổng-tư-lệnh quân hiến-binh. Còn Trương Huân thì đứng giữa hai phái ấy mà lại chiếm được địa-vị có thế-lực hơn.

Trước khi phương-châm ngoại-giao của Tàu chưa biến đổi, người Nhật vẫn ngầm giúp đảng tiến-bộ để vận-động các việc chính-trị. Đảng tiến-bộ với đảng quốc-dân, hai đảng thế-lực cũng ngang nhau cả. Tuy rằng hình-thức hai đảng hãy còn non-nớt, nhưng thực rất có thống-hệ, có thế-lực nhất trong các đảng chính-trị Tàu. Những bọn thiếu-niên Tàu thuộc về đảng quốc-dân cũng nhiều, thực là một phái nhuệ-tiến ở nước Tàu ngày nay ; đảng ấy ở tòa nghị-viện rất có thế-lực, trong năm 1913, Viên-Thế-Khải nhờ sức của đảng tiến-bộ, mới giải tán được quốc-hội. Đương lúc Viên làm Tổng-thống lấy sự giam-cấm để dọa-nạt, đuổi đảng quốc-dân ra khỏi Bắc-kinh, nên quốc-hội phải tan.

Đảng tiến-bộ giúp Viên mưu lập đế-chế, mà Viên không cho tước-thưởng gì để đền công, đảng ấy mới quay ra giúp đảng Hộ-quốc-quân ở Vân-nam. Viên chưa kịp lên ngôi hoàng-đế đã chết.

Đến khi Tổng-thống Lê Nguyên-Hồng nối chức, lại họp quốc-hội, thì số người đảng tiến-bộ ở hai nghị-viện lại ở phần ít, đã không được tùy ý để biến đổi hiến-pháp, lại không được chiếm lấy bổng lộc chức vị gì, thì sự uất-ức bất-đắc-chí lại chẳng khác gì khi trước. Vì thế, đảng tiến-bộ lại mưu giúp phái Bắc-dương để giải tán quốc-hội. Những người vận-động các việc ấy mà sắc sảo nhất trong bọn thủ-lĩnh đảng tiến-bộ là bốn vị đại-kim-cương.

VI

Âm-mưu về việc chính-trị

Đảng tiến-bộ trù tính chỉ muốn yêu-cầu Lê Tổng-thống, giáng tờ dụ giải-tán

(1) Bài này làm từ trước khi Trương Huân mưu việc đế-chính.
(2) Nay liệu làm Tổng-thống.

Tham-nghị-viện và Chúng nghị-viện, nhưng Lê hẳn không chịu theo như thế ; nếu đảng ấy hợp mưu với phái Bắc-dương mà làm xong được, thì hẳn là tôn Nội-các tổng-lý Đoàn Kỳ-Thụy làm quân-sự nhiếp-chính, lại triệu tập quốc-hội mới, bỏ cái qui-chế hai viện hiện bấy giờ, mà chỉ dụng một viện, rồi cử Phó-tổng-thống Phùng Quốc-Chương làm Đại-tổng-thống.

Việc ấy khó-khăn, nhất là phải liên hợp cả phái Trực-lệ và phái An-huy ở trong phái Bắc-dương lại. Liên-hợp phái Trực-lệ thì nhờ về Phó-tổng-thống họ Phùng ; mà liên-hợp phái An-huy thì nhờ có Tổng-lý họ Đoàn. Nhưng Đoàn đối với việc này lại không nhiệt-tâm lắm ; mà Phùng muốn liên-hợp phái Trực-lệ thì cũng rất khó-khăn. Ấy những cuộc liên-hợp khó khăn ấy, thì người Nhật coi là một dịp hay, chẳng khác gì đặt cái xe nước mà lại gặp được thác nước chảy ; bởi vì cái mục-đích của người Nhật âm-mưu nước Tàu, chỉ cốt chia rẽ các bọn quân-trưởng đó. Nếu thực các người quân-trưởng, mỗi người giữ một toán quân, mà tranh cướp lẫn nhau, thời các đảng quân chia xé ra, nước Tàu thường cũng đến loạn như nước Mặc-tây-kha vậy. Tình hình nước Mặc-tây-kha, người Nhật đã trải biết lắm, giả thử hiện-trạng Tàu, mà cũng loạn như Mặc-tây-kha, thời Nhật-bản hẳn tức thì can-thiệp vào nội-chính của Tàu ; Tàu dẫu có quân-đội, người Nhật cướp lấy chỉ vụt chốc mà thôi ; người Nhật đã vào đất Tàu, ắt mượn cớ là duy-trì trật-tự, và bảo-hộ quyền-lợi cho các nước khác, hẳn không khi nào chịu đi.

Người Nhật gây loạn ra ở tỉnh Sơn-đông, cũng vì cớ ấy, nay người Nhật cứ theo thói cũ đối với Tàu hễ được một tấc thì lấn lên một thước, đã cuốn xéo cả toàn tỉnh Sơn-đông rồi. Thanh-đảo là nơi lĩnh-thổ của nước Đức, thuộc về tỉnh Sơn-đông, người Nhật trước cướp lại ở tay người Đức, nay lại chiếm lấy cả toàn tỉnh Sơn-đông, hễ người Nhật đã đem một tên lính một tên cảnh-binh nào sang đến cõi đất Sơn-đông, thì không chịu rút về nữa. Hán-khẩu là nơi trung-tâm của nước Tàu, thế mà đi qua đất ấy, chỉ thấy những trại lính của Nhật-bản đóng khắp mọi nơi, những quân-đội ấy, là của Nhật-bản sai sang từ lúc nước Tàu cách-mệnh lần thứ nhất, đến bây giờ vẫn không rút về, bảo là để bảo-hộ cái quyền-lợi của Nhật-bản.

Nhật-bản đã nhờ được mưu trù-hoạch của đảng tiến-bộ giúp đỡ, dẫu chết cũng không buông ; lại có bốn vị đại-kim-cương và những chinh-khách khác giúp thêm vào, thì lại càng rắn lên mãi.

Tào Nhữ-Lâm là thủ-lĩnh bốn vị đại-kim-cương mà thực là một người về phái đế-chế. Tào có cho nhà Thanh vay một khoản tiền, phàm sản-nghiệp của nhà Thanh ở Nhiệt-hà và ở vùng gần đấy, đều về trong tay cả. Việc ấy lại càng lợi to cho Nhật-bản lắm, vì vua ấu-đế nhà Thanh mà lại được phục vị, thì Nhật-bản có thể chỉ-huy ấu-đế, dùng cách gián-tiếp mà chủ-trì nước Tàu.

VII

Sự lo sợ về đường kinh-tế nước Tàu

Cái mưu ngấm ngầm của đảng tiến-bộ làm lợi cho Nhật-bản, người Nhật đã sớm biết. Nay xin kể lại nhời trước : Các tướng-lĩnh ở phương bắc nếu hẳn chia rẽ ra, mỗi người giữ một cánh quân, cùng đánh lẫn nhau, thì người Nhật lại được ích-lợi rất lớn, bởi vì người Nhật muốn nhân cái cảnh-tượng Tàu cũng rối loạn như Mạc-tây-kha, liền đem cái thủ-đoạn như gió, như chớp mà can-thiệp vào. Những mẹo-mực sếp-đặt rất là phức-tạp, nhưng cái mục-đích thời hiển-nhiên ai cũng biết.

Phái An-huy và phái Trực-lệ, đối với việc lớn lao này không dễ đã liên-hợp với nhau được, mà đã bị người Nhật sớm liệu tính tới rồi; cái bản-tâm người Nhật là không muốn cho hai phái ấy được liên-hợp nhau, nên bày ra nghìn phương trăm kế khiến cho tan nát, xé lẻ nhau ra, rồi thành vô số những tụi chơ vơ cô độc.

Năm 1916, nước Tàu có sự lo sợ về đường kinh-tế, ảnh-hưởng đến cả nha Trung-quốc ngân-hàng và nhà Giao-thông ngân-hàng. Chính-phủ phải hạ lệnh tạm hoãn không đổi hiện-ngân ra vội, vì thế phát sinh ra các việc khác cũng nhiều. Nhà Giao-thông ngân-hàng nguyên là của trung-ương chính-phủ để kinh-lý việc chi thụ, vẫn có quyền tiêu phát ra giấy bạc; nhà ngân-hàng ấy đối với trung-ương chính-phủ dầu là một nơi tài-chính quan-hệ rất thân-cận, rất tín-dụng, nhưng cũng không phải là nhà ngân-hàng hoàn-toàn của nhà-nước. Trước kia thì Lương Sĩ-Di làm Tổng-lý, khi Viên Thế-Khải chết, thì Lương trốn sang Hương-cảng, chức Tổng-lý ấy vẫn bỏ không, đảng tiến-bộ âm-mưu chửa được bao lâu, thì chợt thấy ở Bắc-kinh đồn rằng thủ-lĩnh bốn vị đại-kim-cương là Tào Nhữ-Lâm được nhậm chức ngân-hàng Tổng-lý. Đến khi Tào nhậm chức chửa được một tuần-lễ, thì lại thấy đồn rằng Tào đã hỏi vay Nhật-bản những năm trăm vạn đồng; nghe nói khoản tiền ấy không quan-hệ gì đến việc chính-trị, chỉ để chỉnh đốn và dùng làm việc đổi chác ở nhà ngân-hàng ấy thôi. Xem ra nhà Giao-thông ngân-hàng khi ấy phải cần dùng số hiện-ngân đến hai nghìn vạn đồng tiền vàng, để thu-hồi lại giấy bạc, thế mà nay chỉ lấy năm trăm vạn bạc đồng của Nhật-bản để thu-hồi lại; bày ra cái lẽ vay tiền như thế cũng rất khéo thật! Khoản tiền ấy mỗi năm phải chịu lãi 7 phân 5 ly. Tờ hợp-đồng thì đoan rõ ràng phải dùng một người Nhật làm cố-vấn; người Nhật đối với Tàu, không sở nào là không đặt cố-vấn, quyết không khinh-dị buông lỏng cho nào.

Nước Tàu đối với khoản tiền vay ấy, các dư-luận ầm cả lên; viện Tham-nghị dầu có mấy lần tư hỏi, mà cái nghĩa chính cớ sao vay tiền chỉ thấy đáp lại mập-mờ thôi, xem như việc này thì mẹo-mực người Nhật thực là thần-diệu lắm! Người Nhật không những là nhân dịp này mà đặt được một người phụ theo mình là Tào Nhữ-Lâm vào ngôi thiết-yếu, để chạy chọt hết sức cho mình, lại có thể nhờ được nhà ngân-hàng ấy để vận-động mà trù tính các khoản tiền về đường chính-trị, rồi lại nhân thế mà đặt được một người Nhật vào trong cái ngân-hàng nửa phần của nhà-nước ấy, để sung chức cố-vấn; thôi từ đấy thì những điều bí-mật vào công-việc trù tính về đường tài-chính của chính-phủ Tàu, người Nhật đều biết rõ ràng như chỏ tay vậy.

Nhật-báo Bắc-kinh có bàn về việc ấy rằng: « Dầu các nhà cổ-đông đều muốn nhà ngân-hàng ấy giữ lấy cái tính-chất thuần-toàn về nghiệp buôn, mà lấy một tay chấp-chính quỉ quyệt như Tào Nhữ-Lâm làm Tổng-lý, thì ai cũng sợ rằng nhà ngân-hàng ấy chẳng khỏi làm một cái cơ-quan của chính-trị ».

Nhời nói ấy phải lắm, lại càng nên biết rằng nhà ngân-hàng ấy không những là làm cơ-quan của chính-trị nước Tàu, lại làm cơ-quan của chính-trị nước Nhật. Mà lại làm cơ-quan cho nước Nhật mưu nắm lấy quyền kinh-tế của nước Tàu nữa.

Báo Bắc-kinh bàn việc ấy cũng nói rằng: « Nhà ngân-hàng ấy là cái cơ-quan của chính-phủ Bắc-kinh để thu các khoản tiền, lại có quyền in phát ra giấy bạc. Vậy, cái chính-sách người Nhật lấy sự kinh-tế mà chinh-phục

nước Tàu, kể về phần ấy thì đã làm thành công-hiệu rồi đấy ».

Phàm ai đã biết rõ việc kinh-tế và việc chính-trị của nước Tàu, thì ai cũng biết rõ cái ý người Nhật đối với nước Tàu, người Nhật chỉ muốn nắm lấy quyền kinh-tế và cả quyền chính-trị của Tàu. Xem như ngày nay giữ lấy đất Nam-Mãn-châu và Đông-nội-Mông-cổ, lại mưu chia lấy đất Sơn-đông, hết sức lấy tỉnh Phúc-kiến, đều là để đạt cái mục-đích ấy cả.

VIII

Mẹo mực Nhật-bản thu của ở Mãn-châu

Mẹo mực người Nhật thu của ở Tàu, cứ xem cái lệ đã thi-hành ở Mãn-châu thì biết. Từ sau khi Nhật, Nga đánh nhau xong rồi, người Nhật mới đặt khắp ra ở Mãn-châu những nhà chi-điếm thuộc về ngân-hàng chính-kim ở Hoành-tân và đặt ra nhà ngân-hàng Triều-tiên. Đến khi bên Âu-châu khởi sự chiến tranh, người Nhật bá-cáo cho dân Mãn-châu rằng : « Cái thứ giấy bạc lộ-bố của nước Nga, bây giờ không còn có giá-trị nữa ». Khi ấy thì cái số giấy bạc lộ-bố thông-hành ở nơi ấy rất nhiều, người Nhật mới phát ra một thứ giấy bạc và thứ giấy bạc Triều-tiên để thay vào. Khi ngân-hàng nhà nước ở Bắc-kinh hạ lệnh tạm hoãn đổi bạc, quan Đốc-quân Phụng-thiên sợ rằng ảnh-hưởng đến cả nhà ngân-hàng ở Mãn-châu, bèn nói với nhà ngân-hàng Triều-tiên của người Nhật lập ra, vay ba trăm vạn đồng, để làm tiền trữ-bị của nhà ngân-hàng ở Mãn-châu,

Người Nhật mới mượn truyện cho vay ấy bắt phải bảo đền, bèn yêu-cầu phải cho phát-hành ra một trăm vạn giấy bạc không có đổi hiện-ngân; quan Đốc-quân ở Phụng-thiên phải tuyên-bá cho quan dân đều nhất-luật thông-dụng. Kỳ thực thứ giấy bạc ấy chẳng qua là thứ giấy bạc pháp-lịnh bắt phải thông-hành, mà người Nhật bắt ép dân Mãn-châu phải tiêu dùng cả.

Có một ông quan ở Mãn-châu bảo rằng : Người Nhật đã phát ra giấy kim-phiếu 35,240,000 trương, và giấy ngân-phiếu 55,000,000 trương, những thứ giấy ấy đều không có đổi ra hiện-ngân, về sau này chịu cái hại ấy, chẳng phải dân Mãn-châu thì còn ai ?

Anh, Pháp, Nga hai lần dủ nước Tàu vào cánh đồng-minh, đều phải người Nhật ngăn trở lại ; bởi vì người Nhật không muốn cho nước Tàu về sau này được tự mình sai sứ đại-biểu sang dự hội hòa-bình, mà lại muốn ở trong hội ấy lấy người Nhật ra thay mặt cho nước Tàu. Vì đến khi ấy mà nước Tàu hẳn có người đại-biểu độc-lập sai sang dự vào hội ấy, thời những điều người Nhật muốn mưu lấy được, hoặc không hay lấy được chăng, xem như cái vấn-đề tỉnh Sơn-đông thì càng đích-sác lắm.

Vả người Nhật làm những công-việc ở Nam-Mãn và Đông Mông-cổ, cả thế-giới ai cũng biết. Những nơi ấy kể trên danh-nghĩa dẫu thuộc về nước Tàu, nhưng kỳ-thực cũng như cái vật ở trong túi của người Nhật-bản, chẳng khác gì nước Triều-tiên ; cứ xét thực cái quan-niệm của người Nhật đối với nước Tàu, thì ngoài cái việc muốn hóa hết nước Tàu làm cả như Đông Mông-cổ, Nam Mãn-châu bây giờ, chẳng còn có ý gì khác nữa.

Những chính-sách của chính-phủ Đông-kinh bây giờ chỉ lấy nhời bạn quen tử tế nói lung-lạc nước Tàn, tỏ cái ý thân-ái lâu dài với Tàu, bảo rằng bụng người Nhật chỉ muốn mong cho thương-nghiệp Tàu được phát-đạt ; ấy vẫn là cái ý giao-thiệp thành-thực của người Nhật với Tàu như thế. Nhưng mà những công việc người Nhật làm ở bên Tàu, so với

những nhời của người Nhật nói ở bên Đông-kinh, vẫn mỗi đàng đi một nẻo.

Báo Luân-đôn thường bàn những công việc người Nhật làm tại nước Tàu nói rằng : « Hễ đối với người Nhật mà đem nhời đạo-đức thực thà khuyên bảo, thì là không biết ý người Nhật chỉ biết việc làm thì cứ làm, cốt giữ lấy việc quân cho thắng-lợi vô-địch ở phương Viễn-đông, rồi cứ lấy cường-quyền trở bảo mà làm tràn đi ».

Ngày mồng 3 tháng 3 năm nay báo Nhật-nhật ở Bắc-kinh cũng nói rằng : « Hai tháng trước, Lâm Quyền-Chợ nam-tước, yêu-cầu nước Tàu cắt bỏ cái chủ-quyền một phần to ở Nam-Mãn và Đông-Mông-cổ, trao cho Nhật-bản. Thế mà một tuần lễ trước lại tuyên-ngôn rằng chỉ muốn cho nước Tàu được độc-lập hoàn-toàn chân-chính mà thôi ».

Giả thử nước Tàu mà hẳn được độc-lập hoàn-toàn chân-chính, thời cái chính-sách muốn kiêm cả cõi đại-lục của người Nhật cũng hóa ra bọt nước mà thôi ; cái giấc mơ mòng bá quyền của người Nhật, từ đấy dễ cũng tan ; mà cái tư-cách muốn làm chủ-nhân-ông cả cõi Đông-Á của người Nhật từ đấy thôi cũng nghỉ vậy. Nhưng xem như Nhật-bản cưỡng đặt lính cảnh-sát ở nước Tàu, cùng với cái thế độc-lập chân-chính của Tàu, hai đàng không thể đứng được cả đôi ; thử xem những nhà ngôn-luận của Nhật-bản bây giờ thường kêu gào, phản-đối, lại chẳng phải những điều độc-lập chân-chính của Tàu là gì ?

Đương lần thứ nhất nước Tàu khởi nghị vào cánh đồng-minh, thời bọn người Nhật đã nói phản-đối để ngăn trở ; đến sau mới có một nửa phần miễn-cưỡng ưng cho, nhưng lại bảo phàm các xưởng lính thợ của Tàu, phải do quan Nhật-bản quản-lý, để cho chế ra được những đồ tốt, để cung cấp quân đồng-minh. Đến sau cùng lại hình như rất mong Tàu vào cánh đồng-minh, nhưng lại bảo hễ Tàu vào cánh đồng-minh, thì phải để người Nhật bảo-hộ. Người Nhật bảo rằng việc này Tàu nên phải bàn với Nhật-bản. Từ đấy thì các nhà báo-quán Nhật thường chú-ý bàn mãi về việc ấy. Phàm những việc độc-lập hoàn-toàn chân-chính của Tàu, cùng với nhời tuyên-ngôn của Nhật-bản chỉ muốn giữ lấy quyền ngoại-giao, nội-chính của Tàu, hai đàng chẳng khác gì như lửa nước không ưa nhau, đã hiển-nhiên, ai cũng biết cả.

IX

Thuộc về thế-lực của Nhật-bản

Ngày 12 tháng 4, công-báo ở Nữu-ước có chép một bài lai-cảo của viên phóng-sự ở kinh Hoa-thịnh-đốn bảo rằng : nước Tàu mà để chậm mãi không tuyên-chiến với nước Đức, là thực bởi quan Nội-các tổng-lý Đoàn Kỳ-Thụy, cùng hội nghị bí-mật với tòa Nội-các Đông-kinh chửa kết-quả xong. Bài lai-cảo ấy nói rằng : « Bây giờ ai cũng biết cái vấn-đề chủ-yếu của chính-phủ Bắc-kinh, không phải là tại nước Tàu chửa định nên vào cuộc chiến-tranh hay chăng ; cái điều vào cuộc ấy đã định rồi, nhưng còn một điều chửa quyết-định ấy là : nước Tàu hẳn theo về nước Mỹ mà vào cuộc, hay là theo về dưới quyền trở bảo của người Nhật để vào cuộc đồng-minh ?

« Nếu mà theo lời thứ hai, thì chắc người Nhật lại nhân được dịp ấy mà giữ quyền quân-bị của nước Tàu, nước Tàu thành ra nước Bảo-hộ một nửa của Nhật-bản ; đến sau khi chiến-tranh xong rồi, e rằng nước Tàu và các nước khác, chưa dễ đã bắt Nhật-bản buông giả lại những quyền-lợi ấy ».

Ngày 25 tháng 4, Bắc-kinh vì việc ấy khai tòa hội-nghị đặc-biệt. Sau khi hội-

nghị, thì tiếp được viên phóng-sự của báo-giới-liên-hợp-xã ở tại Bắc-kinh truyền điện báo rằng : « Quốc-hội thì tán-thành về mặt liên-hợp với nước Mĩ ; còn tòa Nội-các cùng những người chủ-yếu ở đảng quân-nhân thì tán-thành về mặt liên-hợp với cánh liên-quân. » Xem như mấy nhời, thì biết rõ cả toàn-cục. Phàm những người trong quốc-hội ai cũng nhất-tâm muốn nước Tàu độc-lập chân-chính hoàn-toàn tự-chủ lấy ; còn Nội-các với đảng quân-nhân thời là bạn của người Nhật cả ; không kể rằng sau này kết-quả ra thế nào, nhưng cái dã-tâm của người Nhật đã rành ra đấy.

CUỘC THI THƠ VĂN CỦA BẢN-BÁO

Trong số báo thứ 5, bản-báo có công-cáo để các bạn đọc báo biết sắp mở một cuộc thi thơ văn. Nay xin đăng điều-lệ cuộc thi ấy như sau này.

ĐIỀU LỆ VỀ CUỘC THI

Điều thứ 1. — Báo *Nam-Phong* mở một cuộc thi thơ văn hạn sáu tháng, bắt đầu từ tháng giêng đến cuối tháng sáu năm 1918.

Điều thứ 2. — Thi có hai phần đặc-biệt nhau : một phần quốc-văn, một phần hán-văn. Phần quốc-văn quan-trọng hơn, phần hán-văn là phụ thêm mà thôi.

Điều thứ 3. — Quốc-văn thi hai thứ : một bộ tiểu-thuyết, một bộ Cẩm-nang như lối sách *Thù-thế-cẩm-nang* của Tàu, mà có thể rộng hơn cho đủ sự cần dùng. Còn phần hán-văn thì chỉ thi một bộ tiểu-thuyết mà thôi. Mỗi thứ phải thành một tập độ 60 trang giấy nhớn giở lên, không được kém.

Điều thứ 4. — Tiểu-thuyết phải làm theo lối Âu-châu, tự đặt ra, không được dịch hoặc bắt chước truyện Tàu truyện Tây. Phải dùng phép « tả-thực », không được bịa đặt những việc hoang-đường kỳ-quái. Trọng nhất là tả được cái tâm-lý người ta cùng cái tình-trạng trong xã-hội. Không nên đặt những truyện có thể phương-hại đến luân-lý và tôn-giáo, hoặc quan-hệ đến chính-trị.

Điều thứ 5. — Bộ « Cẩm-nang » bằng quốc-ngữ thì chủ-ý làm cho đủ các thứ thơ văn như là : Thơ cổ ; thơ luật ; từ-phú ; ca-giao ; minh-ký ; các thứ đối trướng ; các thứ văn-tế ; chiếu ; biểu ; tấu ; sớ ; từ-trát ; thiếp-thơ ; các thứ thơ từ gửi lẫn nhau ; luận-thuyết, hài-văn, ngụ-ngôn, v.v., mỗi thứ một ít. Chú-ý là đặt ra cái thể mới để cho người ta làm khuôn phép, và không được sao lại những bài của các bậc tiền-bối. Càng làm được nhiều lối càng hay.

Điều thứ 6. — Quyển thi phải gửi trước ngày 30 tháng sáu năm 1918. Bản-báo sẽ họp một hội-đồng có các quan và các nhà danh-sĩ để chấm xét. Gửi quyển thi thì phải đề : « Báo Nam-Phong, 119, Rue du Coton, Hanoi ».

Điều thứ 7. — Những quyển nào xét ra hay hơn cả, thì có chia mấy hạng thưởng như sau này :

Phần quốc-ngữ

Tiểu-thuyết	hạng nhất.....	60$00
	— nhì.....	35.00

Cẩm-nang	hạng nhất	50$00
	— nhì	35.00
	— ba	20.00
	— tư	10.00

Phần chữ hán

Tiểu-thuyết	hạng nhất	60$00
	— nhì	30.00

Điều thứ 8. — Còn những phần thưởng ở dưới mấy hạng đã kể trên này như thưởng đồ văn-phòng và phần báo thì lâm-thời sẽ định.

Điều thứ 9. — Quyển văn nào hay nhất sẽ đăng báo. Bản-báo lại nhận in ra thành sách, bản-quyền sẽ để một phần cho người làm sách.

Điều thứ 10. — Hết hạn thi một tháng sẽ công-bố những quyển nào được và giao phần thưởng cho nhà làm sách.

Điều thứ 11. — Cách thi trên này là bản-báo xin thể theo nhời dụ của Hoàng-thượng ngày 18 tháng 9 năm Khải-định thứ hai (xem *Nam-Phong* số 6) mà đặt ra. Cho nên những sách hay bản báo sẽ xin đăng-tải để dâng Ngự-lãm.

Điều thứ 12. — Bản-báo hiềm vì phần thưởng nhỏ mọn ấy không thể xứng đáng với cái giá-trị « danh-sơn » của các ngài có công trước-thuật. Vậy nên bản-báo xin nói trước rằng phần thưởng ày là chỉ để thù lao cho các ngài muốn dự-thưởng mà thôi. Nếu ngài nào chỉ muốn làm sách dâng Ngự-lãm mà không muốn dự-thưởng của bản-báo thì xin cứ tùy tiện mà làm cho hợp ý Không cần phải ỷ theo các thứ sách của bản-báo đã định, duy đến khi muốn gửi cho bản-báo để cung-tiến và truyền-thế. thì ngoài sách phải đề mấy chữ « không dự thưởng » cho phân biệt, bản-báo sẽ nhận mà dâng Ngự-lãm, nhưng mà trước khi dâng, bản-báo phải xét lại cho thận-trọng, rồi mới dám dâng.

Ai muốn hỏi tường nữa xin viết thư cho Bản-báo.

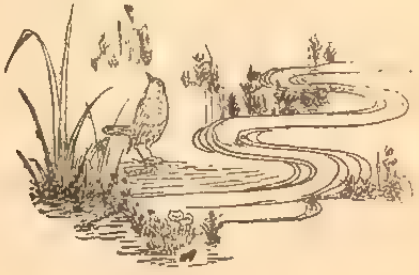

VĂN-HỌC BÌNH-LUẬN

SỬ-HỌC CHUYÊN-LUẬN (1)

II

Sử-học ngày nay thì hiển-nhiên đã thành một khoa-học, nghĩa là đã có cái gốc chắc-bằng, chẳng kém gì các khoa thực-nghiệm khác. Đại-loại có mấy tính-cách đặc-biệt như sau này, khác với sử-học ngày xưa.

Thứ nhất là sử-học ngày nay không chuyên học những nhân-vật chước-danh đời trước (vua, chúa, tướng văn giỏi, tướng võ tài, anh-hùng, hào-kiệt..) như ngày xưa, mà xét rộng đến cả người bình-dân, đến cả kẻ công-chúng. Theo cái lý-tưởng cũ thì chỉ có những người hiển-hách mới đáng ghi-truyền lại, hình như lịch-sử là gồm cả trong thân-thế sự-nghiệp những người ấy, người thường không có quan-hệ gì đến việc thiên-hạ, không đủ kể đến. Cổ-nhân vẫn tin cái câu « anh-hùng tạo thời-thế ». Người anh-hùng hào-kiệt đã có cái tài gây-dựng ra được thời-thế, thì cứ xét sự-nghiệp của những bậc ấy là đủ hình-dung được cái thời-thế lúc bấy giờ. Thành ra lịch-sử chỉ là gồm liệt-truyện những bậc hiển-hách đời xưa mà thôi. Cái lý-tưởng ấy ngày nay cho là hẹp, không đủ chứng được sự thực.

Các xã-hội sinh-thành tiến-hóa không phải là công-nghiệp riêng của một bọn thượng-đẳng-nhân-vật, thực là công-nghiệp chung của cả các hạng người trong xã-hội. Người anh-hùng hào-kiệt tức là những người có cái tài cái sức đại-biểu được ý chung của phần nhiều người mà thi-thố ra công nọ việc kia. Người anh-hùng cũng phải ở trong xã-hội, không thể ra ngoài được, cũng phải chịu cái ám-lực của xã-hội, không thể cưỡng-chống được. Như thế thì muốn giải được sự-nghiệp những bậc anh-hùng cần phải biết cái tình-thế thời bấy giờ, cần phải biết cái tình-trạng trong xã-hội, vậy thì cần phải xét cả những công việc nhỏ của người thường-dân, không việc gì là không quan-hệ đến cái đại-thế trong thiên-hạ. Muốn biết vì cớ gì mà vua Nã-phá-luân nổi binh hùng-cường, đánh đông dẹp bắc, thì phải biết dân-tình nước Pháp thời bấy giờ, tình-thế Âu-châu đương buổi ấy thế nào ; nếu chỉ xét một sự-nghiệp vua Nã-phá-luân thì mong sao cho thấu được hết nhẽ mọi việc?

Thứ nhì là sử-học ngày nay không chuyên xét những việc « đặc-biệt » (*événements exceptionnels*) mà xét rộng đến cả những việc « thông-thường » (*faits réguliers*). Người làm sử xét một xã-hội nào phải biết những thói ăn cách ở của người trong xã-hội ấy ; phải nghiên-cứu những thói cách ấy thì mới biết cái cơ-thể trong xã-hội thế nào, nó vận-động ra làm sao, và thấu được cái tinh-vi của nó ; có thuộc những thói cách ấy thì mới hiểu được cái nhẽ tiến-hóa trong xã-hội lúc bình-thường và lý-hội được cái tình-trạng chân-thực ngày xưa. Bởi thế nên lịch-sử không một là khu trong những việc chính-trị, việc chiến-tranh, mà rộng đến cả các chế-độ, tư-tưởng, phong-tục, các phong-trào về đường kinh-tế, đường xã-hội. Lịch-sử ngày nay lan khắp cả các môn

(1) Xem bài thứ I, *Nam-Phong*, số 4, trang 223-225.

học khác, không một môn nào là không có một phần lịch-sử ở đấy. Cái quan-niệm rộng-rãi về lịch-sử ấy mới khởi ra từ thế-kỷ thứ 19, nên có người đã gọi thế-kỷ ấy là « thời-đại của lịch-sử » (*le siècle de l'histoire*). Trước kia các nhà làm sử chỉ xét những việc nhớn trong thiên-hạ, những sự-nghiệp của vua tài tướng giỏi ; từ đấy các nhà làm sử mới bắt đầu xét đến cả cái cách sinh-hoạt hằng ngày của người thường dân. Sử-học từ đấy vào một thời-kỳ mới vậy.

Thứ ba là sử-học ngày nay lấy sự tiến-hóa của các xã-hội cùng các dân-tộc là một cuộc tuần-tự, cứ dần-dần mà tiến lên. Việc trước liên-tiếp với việc sau, làm nhân-quả lẫn cho nhau, không phải là đột-nhiên xuất-hiện ra mà không cái nào quan-hệ với cái nào. Người ta thường nói tạo-vật chỉ bước dần, không có « nhảy » ; lịch-sử cũng vậy, không biết « nhảy » bao giờ. Ta xét một việc nhớn trong thiên-hạ, như việc Âu-chiến ngày nay, thấy nó dữ-dội lạ thường, tưởng như cái thiên-tai bất-nhiên giáng-hạ xuống thế-giới, không dính-dáng gì với những việc trước, không dính-dáng gì với những việc sau. Thực không phải như thế : việc Âu-chiến tuy là một việc to, mà cái nguyên-nhân nó thực đã ngấm-ngầm từ lâu năm về trước, cái kết-quả nó rồi cũng diên-man mãi đến lâu năm về sau vậy. Nếu không biết việc trước, nếu không lượng việc sau, thì sao hiểu được cái hiện-trạng ngày nay. Bởi thế nên nói rằng cuộc tiến-hóa trong lịch-sử cũng như cuộc trưởng-thành tự-nhiên của các giống sinh-vật : tự nhỏ dần-dần mà nhớn lên, tự nhớn dần-dần mà già đi, không phải bất-nhiên mà nhớn, rồi đột-nhiên mà già ngay được.

Thứ tư là sử-học ngày nay đã thành một khoa-học, nhà làm sử phải theo những phương-pháp của các khoa thực-nghiệm. Nói rằng theo những phương-pháp của các khoa thực-nghiệm, không phải là nhất-thiết theo được cả. Sử-học là chuyên học những việc đời trước, việc đời trước đã qua đi rồi, thực-nghiệm sao được ? Theo là theo cái lề-lối khuôn-phép mà thôi. Như thế nào thì gọi là một khoa-học thực-nghiệm ? Là phải xét những việc hiển-nhiên có thực, những việc đích-sắc, không phải là việc huyền-tưởng ra, rồi nhân những việc nhỏ khái-luận mà tìm cái nhẽ nhớn, suy-lý mà xếp thành môn-loại, rồi cai-quát cả mọi việc nhớn nhỏ mà dùng phép « qui-nạp » (*induction*) đặt thành pháp-luật (*lois*) ; nói rút lại là sát-hạch cho kỹ mà lý-luận cho tinh. Nhưng trong các khoa-học thực-nghiệm lại chia ra làm hai hạng : một là những khoa « bác-vật » (*sciences naturelles*), hai là những khoa « nhân-sự » (*sciences morales*). « Bác-vật » là nghiên-cứu hết thảy cả các giống, các vật trong thế-giới. « Nhân-sự » là nghiên-cứu về các công việc của loài người ta. Các khoa bác-vật thì dùng hết phép thực-nghiệm được, các khoa nhân-sự thì phải dùng cách suy-lý nhiều. Như thế thì sử-học tuy liệt vào các khoa thực-nghiệm, mà thực là thuộc về hạng các khoa nhân-sự, không phải là thuộc về hạng các khoa bác-vật. Các khoa nhân-sự xét về công việc người ta, thường có một cái quan-niệm phẩm-bình ở đấy, mà chủ muốn biết việc nào hay, việc nào dở, việc nào lợi, việc nào hại cho người ta ; nên sử-học thực là có quan-hệ với luân-lý. Nhưng trong sự nghiên-cứu những việc đời trước, tức là lịch-sử, thì nhà thực-học phải có phần hơn, khi nào đã xét được tường mọi việc, giải được rõ mọi nhẽ, thì bấy giờ nhà luân-lý mới nên can-thiệp vào mà phẩm-bình việc hay việc dở. — Sử-học không những là có quan-hệ với luân-lý, mà lại còn quan-hệ với mĩ-thuật nữa. Hoặc có người nghĩ rằng sử-học đã là

một khoa thực-học thì sao có quan-hệ với mĩ-thuật được, vì khoa-học với mĩ-thuật tính-cách hai đằng khác nhau, và hầu như tương-phản vậy. Xét kỹ ra thị không đến nỗi xa-cách nhau như thế. Khoa-học ngày nay là gồm cả muôn sự muôn vật, mĩ-thuật cũng phải ở trong khoa-học mà ra, không phải là phản-đối với khoa-học. Như sử-học đối với mĩ-thuật thì cũng như là đối với luận-lý vậy. Nhà làm sử phải chủ bề thực-học trước nhất, đến khi phần thực-học đã thành thì bấy giờ mới dùng đến mĩ-thuật để tổ-chức cho thành-hình, để diễn-xuất cho rõ ràng ra. Mĩ-thuật đây tức là văn-chương vậy. Nếu học sử chỉ chủ để làm văn-chương thì không phải là học sử nữa, sử-học ngày xưa sở-dĩ nhầm đường cũng là vì thế. Nhưng lấy văn-chương mà giúp vào sử-học thì không gì hay bằng. Sử-học nhờ văn-chương mới thành một khoa-học hoàn-toàn. Sử-học không có văn-chương thì lắm khi chỉ là một cái mục-lục những việc đã qua, không có hứng-vị gì, khiến người xem dễ sinh chán. Sử-học có văn-chương thời có thể khôi-phục lại những việc cũ, diễn-xuất hiển-nhiên ra cho dễ cảm cái tinh-thần tưởng-tượng người ta, tức như vẽ thành bức tranh cho người đời cùng trông. Một nhà danh-sĩ nước Pháp, Đặng-nhĩ tiên-sinh (TAINE) đã có câu nói rằng : « Khoa-học là cái cây, văn-chương là bông hoa, cây có vững bền thì hoa mới tươi tốt, nhưng cây nhờ hoa mà được hoàn-toàn. »

Ấy đại-khái mấy cái đắc-tính nhớn của sử-học ngày nay như thế. Nay ta xét đến các bộ-phận của sử-học. Người ta thường chia trong sử-học có ba phần nhớn như sau này :

1° Các môn phụ-thuộc về sử-học (*Sciences historiques auxiliaires ou sciences auxiliaires de l'histoire*) ;

2° Chính sử-học (*Histoire proprement dite*) ;

3° Triết-học của lịch-sử (*Philosophie de l'histoire*).

I.—Các môn phụ-thuộc về sử-học là những môn dự-bị, để giúp cho sử-học, hoặc là cóp nhặt sử-liệu, hoặc là xếp đặt thứ tự, hoặc là tìm những nguồn khảo-cứu, hoặc là xét những vật đời xưa. Thường có bảy môn như sau này :

1° Khảo-cổ-học (*Archéologie*), chia ra làm mấy chuyên-môn ; *a*) Khảo-cổ-học thuộc về mĩ-thuật (*archéologie artistique*), như học những đền đài, tranh vẽ, tượng, đồ khắc, đồ trạm đời xưa, v. v. ; *b*) Khảo-cổ-học thuộc về công-nghệ (*archéologie industrielle*), như học các cổ-khí, binh-khí, quần-áo, đồ dùng, v. v. ; *c*) cổ-tiền-học (*numismatique*), học về những tiền bạc, « mề-đay » cũ, v.v. ; *d*) cổ-ấn-học (*sigillographie*) học những ấn triện cũ ; *e*) cổ-họa-học (*iconographie*), học những bức tranh cũ vẽ hình người ; *f*) cổ-huy-chương-học (*héraldique*), học những huy-chương, dấu hiệu cũ ;

2° Bi-ký-học (*épigraphie*), là học những bia cổ ;

3° Cổ-sắc-lệnh-học (*paléographie*), học những bằng sắc cũ ;

4° Cổ-văn-bằng-học (*diplomatique*), học những văn bằng cũ ;

5° Khảo-sử-liệu-học (*critique des sources historiques*), khảo-cứu nguồn gốc các sử-liệu, cho biết thực hư thế nào ;

6° Niên-đại-học (*chronologie*), học về ngày tháng ;

7° Thế-hệ-học (*généalogie*), học phả-hệ một nhà, một họ, v. v.

Ngoài bấy nhiêu môn là phụ-thuộc hẳn vào sử-học, sử-học lại còn phải nhờ đến nhiều các khoa học ngoài nữa, như địa-dư-học (*géographie*), bác-ngữ-học (*philologie*), tâm-lý-học (*psychologie*), vân vân.

II. — Chính sử-học thì chia ra thế-giới-sử (*histoire universelle*), và đặc-biệt-sử (*histoire particulière*).

1° Thế-giới-sử thì hoặc là học những việc chính có quan-hệ đến những dân-tộc nhớn trong thế-giới đời xưa đời nay, hoặc là học sự tiến-hóa chung trong cuộc văn-minh của loài người.

2° Đặc-biệt-sử thì chia ra mấy hạng như sau này : *a*) hoặc là học về hình-thức sự hoạt-động trong xã-hội (*formes de l'activité sociale*) ; *b*) hoặc là học về các dân-quần (*groupes sociaux*) ; *c*) hoặc là học về các thời-đại (*périodes de temps*).

Lịch-sử mà chuyên trị về những hình-thức sự hoạt-động trong xã-hội, thì chia ra lịch-sử những việc thuộc về chính-trị, xã-hội hay là kinh-tế ; lịch-sử những chế-độ thuộc về chính-trị, tôn-giáo, pháp-luật, tài-chính, hay là quân-sự ; lịch-sử các công-nghệ, thương-nghiệp, nông-nghiệp ; lịch-sử các mĩ-thuật, văn-học ; lịch-sử các khoa-học, triết-học, tôn-giáo ; lịch-sử các phong-tục (sự ăn ở trong nhà, sự ăn-mặc, sự chơi-bời, vân vân), bấy nhiêu thứ đều là những hình-thức của sự hoạt-động trong một xã-hội.

Lịch-sử mà chuyên-trị về các dân-quần, thì chia ra lịch-sử các nước, hoặc riêng từng nước một (như lịch-sử nước Nam, nước Pháp, vân vân) ; hoặc họp nhiều nước lại mà xét những sự giao-tế nước nọ với nước kia (như lịch-sử Âu-châu, lịch-sử Á-đông, vân vân) ; lịch-sử các giống người (nhớn thì như giống trắng, giống vàng, nhỏ như giống mường, giống mán, v. v.) ; lịch-sử các giáo-hội (như các dân theo đạo Do-thái, đạo Hồi-hồi, v. v.) ; lịch-sử các đoàn-thể riêng ở trong một nước (như các tỉnh, các thành, các xứ ; các làng, các xóm, các phe ; các nhà, các hội, các đảng. v. v.) ; sau nữa là lịch-sử riêng của từng người, hay là truyện-ký (*biographies*).

Lịch-sử mà chuyên-trị về thời-đại thì như lịch-sử Âu-châu chia ra bốn thời-đại nhớn như sau này, đại-loại lịch-sử các nước trong thế-giới cũng sàm-si như thế : Cổ-đại-sử (*Histoire ancienne*), từ đời xưa cho đến khi La-mã Đông-đế-quốc (*Empire d'Occident*) mất, là năm 476 sau kỷ-nguyên ; Trung-cổ-sử (*Histoire du Moyen âge*), từ năm 476 đến khi người Thổ-nhĩ-kỳ đến lấy thành Quân-sĩ-đán-đinh (Constantinople) năm 1492 ; Cận-đại-sử (*Histoire moderne*), từ cuối thế-kỷ thứ 15, đến hồi Đại Cách-mệnh nước Pháp năm 1789 ; Kim-đại-sử (*Histoire contemporaine*), từ năm 1789 đến ngày nay.

Ay đại-khái các bộ-phận của lịch-sử như thế, nhưng lịch-sử nào cũng có thể kiêm cả ba hạng đặc-biệt ấy được. Như xét về lịch-sử văn-học nước Nam về đời nhà Trần, thì vừa chuyên-trị về một hình-thức sự hoạt-động trong xã-hội (là văn-học), vừa chuyên-trị về một dân-quần (là nước Nam), vừa chuyên-trị về một thời-đại (là đời nhà Trần).

Lịch-sử lại còn chia ra tổng-sử (*Histoires générales*), và chuyên-sử (*Monographies*). Tổng-sử là học chung cả một phạm-vi nào ; chuyên-sử là xét riêng một bộ-phận trong phạm-vi ấy. Như học lịch-sử xứ Bắc-kỳ là tổng-sử ; học lịch-sử một tỉnh Hải-dương trong xứ Bắc-kỳ, thế là chuyên-sử ; học lịch-sử cả tỉnh Hải-dương là tổng-sử, học lịch-sử riêng những đền chùa trong tỉnh Hải-dương, thế là chuyên-sử, v. v.

Kỳ sau sẽ bàn về triết-học của lịch-sử.

(*Còn nữa*)

PH. Q.

MỘNG HAY MỊ?

(Nguyễn Khắc-Hiếu. — *Giấc mộng con*)

Ông Hiếu nói mộng là mộng, đời người cũng là mộng; mộng là cái mộng con, đời là cái mộng nhớn, chỉ khác nhau vì dài ngắn nhớn nhỏ mà thôi. Chẳng biết cái lý-thuyết ấy có nhiều người công-nhận không, hay chỉ là sự mơ tưởng của một bọn chán đời, của mấy tay yêu-quái trong làng văn? Nhưng chính mộng cũng không phải có một: có « mộng » mà cũng có « mị » nữa. Những khi giấc ngủ đương say, tâm-hồn phảng-phất như gần như xa, sực thấy xuất-hiện ra một cuộc đời hoặc vui hơn, sướng hơn, hay hơn, đẹp hơn, hoặc bi-thảm hơn, kỳ-quái hơn cái thân-thế mình, mà trong cuộc đời ấy mọi việc liên-tiếp nhau như thực, khiến mình nằm trong mộng không biết rằng mộng, thế mới thực là mộng. Còn như những lúc gà đà gáy sáng, trằn-trọc trên gối, nửa thức nửa tỉnh, tinh-thần thảng-thốt, mơ-màng những truyện đầu Ngô mình Sở, khi đứt khi nối, không đầu không đuôi, như thế thì gọi là « mị », không phải là mộng. Ấy mộng mị khác nhau như thế.

Nhân đọc sách *Giấc mộng con* của ông Hiếu mà biện-biệt được rõ mộng-mị là thế, và tự hỏi giấc mộng của ông là *mộng* hay là *mị*. Có nhẽ cũng mới là một giấc *mị* mà thôi. Ông đương ở Sài-sơn hốt-nhiên thấy vào Sài-gòn, đương ở Sài-gòn hốt-nhiên thấy sang Đại-Pháp, đương ở Đại-Pháp hốt-nhiên thấy sang Mĩ-châu, đương ở Mĩ-châu hốt-nhiên thấy lên Bắc-cực, đương ở Bắc-cực thẳng tới bể Nam-minh như chim bằng trong sách Trang-tử!... Vùn vụt lại vùn vụt, chẳng biết đầu đuôi duyên cớ là sao. Nhưng lạ thay! đã đi đến thế sao không quá bước lên cung mây mà hỏi thăm chú cuội? Thiết-tưởng cứ « nước » ấy thì dẫu lên đến sao Hỏa-tinh cũng chưa nhọc. Hiện các nhà thiên-văn chưa biết rõ trên sao ấy có gì, mong rằng sẽ có ngày ông quá bộ lên đấy mà thám-hiểm trong cái « cõi đời mới » ấy thì đường khoa-học của thế-giới được nhờ ông nhiều lắm.

Hiện nay ông hẳng tạm làm một « nhà văn-học kiêm triết-học ở xứ Đông-dương » (trang 58), để cho giống Lạc-Hồng man-mọi này được nhờ cái văn-chương tư-tưởng của ông cao như núi Tản, sâu như sông Đà. Văn ông làm là cái « văn có số-hạn », « trong văn-chương quốc-âm ta » (trang 17-18) từ xưa đến nay, từ nay về sau chắc không ai bằng. Ý ông nghĩ là những ý-tưởng li-kỳ, người trí-thức tầm-thường không thể thấu được. Tinh-tình ông là tinh-tình người cao-nhã tuyệt-trần, « chỉ tham-tiếc cái tự-do trong sạch, cái độc-lập thanh-nhàn ». Trách nào trông thấy người đời mà chán, trông thấy cuộc đời mà buồn! Bởi thế nên ông mang cái sầu ở trong lòng, nhưng cái sầu của ông cũng là cái sầu đặc-biệt, cái sầu của ông là « thái-sầu » vậy. Nói rút lại, ông thực là một bậc thiên-tài có một trong nước Nam, bởi khí thiêng của sông núi mà chung đúc nên. Mấy trăm vạn đồng-bào ta nên quì gối liệm tay mà cúc-cung ông Tản-Đà mới là phải!

Ấy đọc sách mộng-mị của ông mà tưởng-tượng cái chí-thú ông như thế. Ông có cái sức tự tin mạnh quá, nghĩ mà sợ thay cho ông. Phàm tự-tín quá dễ sinh ra tự-đắc, đã tự-đắc thì dù bậc thiên-tài cũng khó mà lấy kiến-trọng với thế-nhân. Ông xem ra đã hơi có ý tự-đắc, bởi thế mà sợ mà lo thay cho ông.

Đương buổi quốc-văn mới phôi-thai này, trông thấy xuất-hiện một người nào có biệt-tài về nghề nôm, quốc-dân tất ai ai cũng vui lòng mà đón rước. Nhưng phải hiểu rằng trong sự hoan-

nghênh ấy phần sự-thực cũng có mà phần hi-vọng cũng nhiều. Ông Khắc-Hiếu từ khi xuất-bản tập *Khối-tình con*, được mấy bài thơ, văn, từ-khúc, có giọng mới, có ý lạ, quốc-dân nhiều người cổ-võ, cũng là để tưởng-lệ mà mong cho cái văn-nghiệp ông mỗi ngày tinh-tiến mãi lên. Chớ cứ bình-tĩnh mà nói, mấy bài đoản-văn, mấy câu « dặm-đỏ », dù hay đến đâu, khéo đến đâu, cũng chưa đủ làm sự-nghiệp một nhà văn-sĩ. Nếu có thế mà đủ xưng là bậc thiên-tài thì cũng khá thương thay cho cái hậu-vận quốc-văn ta. Nhưng ông Hiếu xem ra không hiểu nhẽ đó, ông tưởng trọng cái cảm-tình của quốc-dân đối với ông toàn là sự thực cả, mà không có phần hi-vọng nào. Ông tưởng mấy bài thơ bài văn của ông đã xuất-bản đến nay thực đã được công-nhận là « một áng văn-chương có số-hạn », đủ *lưu-truyền* trong lịch-sử quốc-văn, Nếu không thì sao ông huyễn-diệu bọn ta đến nỗi đem những truyện mộng-mị kỳ-quặc, đầu Ngô mình Sở, mà mạo xưng là văn-chương? Nếu không thì sao ông khinh-mạn quốc-dân đến nỗi đem tính-danh thân-thế ông mà bắt quốc-dân truyền tụng trong sáu mươi trang giấy? Hay là ông muốn giả-thiết truyện mộng-mị để làm một bài quảng-cáo cho cái văn-chương ông về sau này? Hay là ông muốn « bắt-bí » bọn ta, ngày nay chưa có sách nôm hay mà xem, ông muốn kể những truyện ngông cuồng thế nào cũng phải nghe?

Dễ trong « giấc mộng con » của ông cũng có cái ngụ-ý như thế vậy.

Đã hay rằng mộng thì thế nào mà sác-nhiên như sự thực được. Nhưng đã muốn đem công-bố ra cho thế-nhân biết, thì phải kết-cấu làm sao cho nó giống như sự thực mới được, thứ nhất là phải giảm bớt cái « ngông » những lúc mộng-mị một mình. Mình đối với mình thì muốn « ngông » thế nào cũng được, muốn tự-cao tự-đại thế nào cũng được, càng có cái sức tự-tin mạnh thì lại càng hay, vì có biết cậy mình mới làm nên sự-nghiệp. Nhưng đem cái « ngông » ấy mà phô-diễn trong mấy chục tờ giấy thì thực là quá đáng vậy.

Người ta phi người cuồng không ai trần truồng mà đi ngoài phố. Nhà làm sách cũng vậy, không ai đem thân-thế mình mà làm truyện cho người đời xem, nhất là tự mình tán-tụng cho mình thì lại khó nghe lắm nữa.

Một nhà danh-sĩ nước Pháp đã có câu nói rằng: « Cái *tôi* là cái vật rất khả-ố ». Ông Hiếu đã tự xưng là nhà văn-học kiêm triết-học ở xứ Đông-dương tưởng nên ngẫm-nghĩ câu ấy mới là phải. Nếu ông sớm nghĩ đến thì tất ông không khởi ra cái mộng kỳ-quặc ấy, hoặc ông vẫn mộng, nhưng không tự phô mình ra một cách sỗ-sàng như vậy....

Nhưng mà thôi, cái mộng ấy ông đã trót mộng mất rồi, dở hay thì cũng đã dầy sáu chục trang giấy rồi. Nhà bình-phẩm dù muốn nói cho kỹ còn nên e mang tiếng phụ-họa những truyện mộng-ảo bất-kinh.

Vậy nên tạm bỏ con mắt nhà bình-phẩm, lấy cái cảm-tình người bạn mà xét thân-thế ông trong giấc mộng. Thực có lắm nỗi đáng thương mà đáng yêu. Lấy cái bụng liên-tài ái-tài mà tự hỏi vì cớ sao ông khởi ra cái mộng như thế, thì biết rằng vì cái cảnh-ngộ nó đã khiến cho thân chẳng bằng mộng, nên mộng cho cam thân. Bởi thế mà trong « giấc mộng con » của ông thực là mang một tấm lòng đau đớn vậy. Trách ông là trách diễn cái mộng không khéo, không phải là trách cái mộng không hay, không phải là không biết cái mộng đáng bi-thương. Nhưng nghĩa-vụ nhà bình-phẩm không phải là không trọng, nhất là trong buổi quốc-văn mới nhóm thành này cần phải giữ cho văn-chương khỏi biến ra

mộng-mị, nên tuy yêu cái tài của ông, mà không thể đừng không trách ông đã dùng nhầm cái tài ấy. Cũng vì yêu ông mà trách ông vậy.

Nhưng chê ông lần nay, mong rằng lần sau lại có dịp khen ông, khen bấy giờ mới càng có giá-trị. Cứ như ông trù-tính trong giấc mộng thì cái sự-nghiệp văn-chương ông về sau này còn vẻ-vang nhiều, công chước-tạc của ông có nhẽ còn được đến mươi mười lăm quyển sách nữa (xem trang 53, ông đã ngỏ qua bộ « Tản-Đà toàn-tập » của ông cho ta biết trước). Trong bấy nhiêu quyển thế nào chẳng có một nền văn-chương tuyệt-tác, biết đâu ?

Tôi rất là hi-vọng cho ông, nhưng tôi khuyên ông đừng nên mộng-mị nữa :

Xưa nay mộng-ảo cứ đâu ?
Bỗng không mua não chácsầu, nghĩ nao !

PHẠM QUỲNH

La plus grande valeur humaine, c'est l'homme lui-même. Pour mettre en valeur le globe terrestre, il faut d'abord mettre l'homme en valeur.

Các giá-trị to nhất của loài người, tức là con người ta vậy. Muốn lợi-dụng cái địa-cầu này, hẳng nên lợi-dụng lấy con người ta trước đã

Anatole FRANCE

TRIẾT-HỌC

ĐẸP LÀ GÌ?

Mấy nhời bàn về mĩ-học (1)

II

Muốn biết tính-chất cái đẹp thế nào, phải nên biện-biệt, không nên lẫn cái đẹp với nhiều cái khác, như sự thích, sự ích-lợi, sự thực, sự «lành». Cái đẹp đối với bấy nhiêu cái có quan-hệ một cách rất mật-thiết, nhưng không phải là giống với bấy nhiêu cái. Nay ta xét sự quan-hệ ấy ra làm sao.

Trước hẳng xét *đẹp* không giống với *thích*, cái gì thích không tất-nhiên là đẹp. Chắc rằng cái đẹp bao giờ cũng làm cho người ta thích, mà thích hơn cả mọi sự khác; nó khiến cho khoan-khoái trong lòng, vui vẻ trong trí, có khi nó làm cho ta say mê được; nhưng không phải là bởi nó làm cho ta thích mà gọi là đẹp, chính là bởi nó có đẹp mới làm được cho ta thích. Vì từ cái thích đến cái đẹp, quãng đường còn xa lắm, mà cái thích về mĩ-học lại là một cái thích đặc-biệt, không giống cái thích thường. Cái thích thường nó chỉ cảm đến một bộ-phận trong người, nó tiếp-xúc ngay đến thân-thể, mà không được bình-tĩnh trang-nghiêm. Như thế thì không gọi là « mĩ-tình » được. Bởi thế nên phàm mĩ-thuật mà muốn mơn-man cái cảm-giác xấu của người ta để gây lấy cái thích sằng, thì là sai mục-đích của mĩ-thuật vậy. Cái thích của mĩ-thuật phải là cái thích cao-thượng, vì sự đẹp là biểu cái phần tinh-hoa trong tâm trong trí người ta. Nên các nhà tâm-lý-học nói rằng cái thích về sự đẹp là một cái cảm-tình (*sentiment*), không phải là một sự cảm-xúc (*sensation*). Cảm-tình là cái cảm đã nhập vào tinh-tình; cảm-xúc là cái cảm chỉ động đến thân-thể, hai đằng khác nhau xa vậy.

Cái *đẹp* không giống với sự *ích-lợi*. Ích-lợi là gì? Là dùng được việc, là định một cái mục-đích cận-lợi mà tìm kế cho đến được mục-đích ấy. Phàm cái gì dùng được thế là ích-lợi cả. Cái máy dùng để chế đồ, cái áo dùng để mặc, đều là những vật có ích-lợi cả. Nhưng không phải vì ích-lợi mà là đẹp. Cái đẹp nó khác và nó cao hơn; tự nó có một mục-đích, không cần phải chủ cái mục-đích gì ở ngoài nữa. Như cái áo mặc cũng có cái áo đẹp; nhưng túng-sử không đẹp cũng vẫn là có ích; có ích là vì nó dùng để mặc cho ấm người, đẹp là ở cái cách may cách chế khéo. Như thế thì sự đẹp là một cái thừa, một cái phụ ở ngoài, nhưng là cái thừa, cái phụ tuyệt-phẩm; nó không có mục-đích, vì mục-đích nó tức là ở nó vậy. Lắm khi cái đẹp không những không có ích-lợi gì mà lại hậm là vô ích, nhưng dù thế mà thiên-hạ vẫn chuộng là vì nó đẹp.

Cái *đẹp* không giống với sự *thực*. Ba-lỗ tiên-sinh (Boileau) nói rằng: Không cái gì đẹp bằng sự thực, nghĩa là phàm đẹp phải có thực mới được; thực đây nghĩa là trong sự tưởng-tượng phải hợp với nhẽ thiên-nhiên, trong sự hình-dung cái tưởng-tượng ấy phải vụ cho không trái phép thường. Song sự thực tuy là một phần trong cái đẹp, nhưng không phải phàm cái gì thực là đẹp cả đâu. Như cái chân-lý

(1) Bài thứ I, Xem kỳ trước (*Nam-Phong* số 6, trang 375—378.)

vô-hình thì gọi là đẹp sao được, vì nó chỉ thuần thuộc về phần trí mà không cảm đến phần tình. Sách *Thiên-văn* của ông Lạp-bối-lạp (Laplace) toàn là kể những sự thực cả, nhưng không phải là những sự đẹp, đẹp ấy là khi đêm thanh vắng, ngửng mặt lên xem cái cảnh-tượng sao lấp-lánh trên bầu giời. Cái bộ xương người ta không phải là đẹp, nhưng cả thân-thể người ta, có vận-động, có sinh-hoạt, thế mới là đẹp. Nên cái câu của Ba-lỗ tiên-sinh trên kia phải lấy câu sau này của ông Bá-lạp-đồ (Platon) nước Hi-lạp ngày xưa giải thêm vào thì mới thực là trọn nghĩa. Ông Bá-lạp-đồ nói rằng: « Cái đẹp ấy là cái vẻ rực-rỡ của sự thực », nghĩa là nó tô-điểm cho sự thực được hùng-tráng thêm lên, hoặc sán-lạn thêm lên.

Cái *đẹp* không giống với sự « *lành* ». Lành tức là điều thiện. Phàm việc làm không trái với nhẽ luân-thường thế gọi là việc lành. Sự lành là sự cưỡng-bách ; làm người ai cũng phải có lòng lành, không thì là người dữ người ác. Như sự đẹp thì có thể cưỡng-bách được không? Quyết rằng không. Đã gọi là đẹp mà lại nói là có thể bắt đẹp được, thì thực là một nhời nói vô nghĩa vậy. Dù vậy, sự đẹp với sự lành, không phải là không có quan-hệ với nhau. Đẹp với lành, là hai tên để chỉ một sự tuyệt-phẩm, xét ra hai phương-diện khác nhau. Lành là sự tuyệt-phẩm trong cách ăn ở, đẹp là sự tuyệt-phẩm ở ngoài hình-thể.

Như trong nghề văn-chương thường xuất-hiện ra một cái vấn-đề như thế này : là văn-chương quan-hệ với đạo-đức thế nào ? Như một bài diễn-kịch mà suốt từ đầu đến cuối chỉ thuần là những nhời khuyên răn người ta cả, như một thiên sách Luận-lý, thì còn nghe sao được? Trong truyện rặt những người đạo-đức cả thì không thành truyện nữa, phải tả cả những kẻ tàn-ác, dâm-tà, điên-đảo, hiểm-độc thì mới ra bài diễn-kịch. Không những thế, có khi những nhân-vật rất hèn-mạt xấu-xa mà khéo hình-dung tả-mạc đủ làm ra một truyện rất hay.

Như thế thì sự đẹp với sự lành, thực là khác nhau và mĩ-thuật với đạo-đức không thể lẫn được. Tuy vậy gây ra một nền mĩ-tạc cần phải giữ cho không hại đến phong-tục trong nước, lương-tâm người ta ; cái thú của mĩ-thuật phải là cái thú chính-trực, quảng-đại mới được. Người ta ai cũng có cái lòng hiếu-nghĩa, nếu đọc quyển sách, xem bức tranh, nghe bài đàn mà không thấy cái gì đủ hưng-khởi lòng hiếu-nghĩa ấy, thì cái cảm thú tất không được hoàn-toàn, cái mĩ-tình tất không được trọn vẹn vậy. Nhưng phải nên nhớ rằng đạo-đức không tất-nhiên là phải sinh ra mĩ-tình. Người con hiếu thảo với cha mẹ, thế gọi là làm trọn đạo lành, không gọi là làm một sự đẹp được. Sự lành mà thành đẹp là khi nào nó xuất-hiện ra ngoài, mà cảm-động đến cái tưởng-tượng người ta, như làm những việc đại-tiết-nghĩa, đại-công-danh, đột-ngột, hiển-hách, khiến cho người đời phải phục.

Ta đã biện-biệt những cái gì là không thuộc về sự Đẹp rồi, thì nay ta có thể giải được sự Đẹp là cái gì. Xưa nay các nhà làm sách định-nghĩa chữ Đẹp cũng đã nhiều ; các bậc đại-triết thì tuy mỗi nhà diễn ra một cách, nhưng cái nguyên-lý cũng là một. Có nhà thì nói rằng : Đẹp là tổng-hợp cái hữu-hạn với cái vô-hạn, cái tuyệt-đích với cái đối-đích (*Le beau est la synthèse du fini et de l'infini, de l'absolu et du relatif*). Có nhà thì nói : Đẹp là cái vẻ rực-rỡ của sự thực (*Le beau est la splendeur du vrai*). Muốn tìm lấy một câu định-nghĩa vừa rõ ràng và vừa đầy-đủ hơn cả thì phải giải sự đẹp là cái gì sáng-suốt, trọn-vẹn, điều-hòa, xuất-hiện ra ngoài hình-thức, cảm đến giác-quan, đến tưởng-tượng, đến tâm-trí

người ta, khiến cho vui sướng, khoan-khoái trong người. Câu định-nghĩa ấy tuy không được gọn như những câu của các tiền-triết, nhưng cai-quát được cả cái nghĩa đẹp ở đấy. Phàm đã gọi là đẹp thì phải sáng suốt mà không mập-mờ, trọn vẹn mà không khiếm-khuyết, điều-hòa mà không chếch-lệch, lại phải xuất-hiện rực-rỡ ra ngoài để cảm đến tai mắt người ta, không thể tiềm-tàng ở trong tâm-giới được. Có kiêm cả bấy nhiêu tính-cách thì mới là « chân-mĩ ».

Cứ như trên kia đã giải thì hiểu sở-dĩ làm sao mà cái đẹp nó cho người ta một sự khoái-lạc hoàn-toàn như thế. Kể về đường khoái-lạc thì người ta có nhiều cách sướng : xét một cái chân-lý vô-hình về số-học cũng có thể vui mà đến mê người đi được ; ăn miếng ngon, ngửi mùi thơm cũng lắm khi vui thích. Nhưng cái khoái-lạc về mĩ-thuật thì nó khác, tựa-hồ như nó gồm cả những cái khoái-lạc kia, mà là cái phần tinh-hoa nhất trong mọi mối tình-cảm của người ta. Nó là cái sướng, cái thú hoàn-toàn hơn cả, vì cả tâm-hồn thân-thể người ta nhờ đó mà được thỏa-mãn.

Tiền-triết đã có câu rằng: « Người ta là một cái toàn-thể y-nhiên tự giời sinh ra », như thế thì thân-thể ta, linh-hồn ta, tâm-thần trí-tuệ ta, tình-tình ý-chí ta, cũng đều là một cả, mà gồm lại thành một cái bản-thể thiên-nhiên. Sự đẹp cũng vậy mà gồm cả các cái thú cao-thượng vào làm một, về rõ rệt ra ngoài thì cảm tai mắt, tình-tình người ta, nghĩa ẩn ngụ ở trong thì cảm tinh-thần trí-tuệ người ta. Đối với sự đẹp thì cả toàn-thể trong người đều phấn-khởi hình như muốn hớn-hở tươi tốt hơn lên. Ấy cái ảnh-hưởng của sự đẹp sâu xa như vậy.

Các sách bàn về thẩm-mĩ-học thường nói trong cái đẹp có một phần cốt-yếu, không có thì đẹp không được hoàn-toàn. Phần ấy tức chữ tây gọi là *grâce*, mà ta gọi là cái *duyên*. Đẹp vô-duyên thì đẹp cũng như xấu, đẹp có duyên mới thực là đẹp.

Vậy thì duyên là cái gì ? Duyên là ở cái giáng-điệu uyển-chuyển mềm-mại, ở sự vận-động, sự sinh-hoạt điều-hòa ; như khi là một cái vật bất-động như bức tượng thì duyên là ở cái hình-thể nhẹ-nhàng, tưởng như có khí sinh-hoạt thực. Hoặc về âm-nhạc thì duyên cũng là ở sự vận-động, nhưng cái vận-động đây tựa hồ như ở ngay trong người mình nghe tiếng đàn lưu-loát mà trong lòng tự-nhiên khoan-khoái. Lại như trông bông hoa đẹp, thì duyên là ở cái hình nó mĩ-miều khả-ái, cái cuống mềm mại, cái lá chải-chuốt, cái sắc mượn-mượt mà êm-ém, mơn-mơn mà man-mát.

Muốn hiểu rõ cái « duyên » là thế nào, thì thử xét ngay thế nào gọi là « vô-duyên ». « Vô-duyên » là sắc thì thô-lộ, hình thì cứng-cỏi, điệu thì ngửa ngang, không được điều-hòa, không được mềm-mại, không được nhẹ-nhàng.

Nhưng bởi sao mà phàm cái gì mềm-mại nhẹ-nhàng thì gọi là có duyên mà dễ khiến người ta thích ? Là bởi cái tư-tưởng, cái tưởng-tượng của mình đối với cái hình tròn uyển-chuyển thì tựa-hồ như nó êm-đềm hơn, mà đối với cái hình vuông khúc-khuỷu thì tựa-hồ như nó cứng-cỏi khó coi ; một đằng thì êm như du, mà một đằng thì khấp-khểnh như sóc. Nhưng cái đó còn có một nhẽ sâu hơn nữa. Là sự mềm-mại nhẹ-nhàng ngoài giáng-điệu nó là biểu-hiệu của mấy cái đức-tính rất hay trong người ta. Người mềm-mại nhẹ-nhàng là người có bụng tốt, có tình yêu, có lòng tin với mọi người, đối với ai cũng dễ khiến người ta sinh ra cái cảm tốt. Người nào như thế thì gọi là người có duyên, mà có duyên thì hình như có cái hương thơm

riêng, đi đến đâu cũng được lòng yêu của chúng. Đó là cái vẻ đẹp, cái phong-thú tối cao của con người ta. Cái gì đẹp mà không có duyên với cái gì có duyên mà không đẹp, thì người ta thích cái có duyên hơn cái đẹp. Đẹp mà nghiêm quá thì cũng chỉ khiến được người ta thích một nửa mà thôi.

Suy rộng ra trong mĩ-thuật, thì phàm gọi là mĩ-tác không phải cứ ngang bằng sổ ngay, không sai qui-củ mà là đẹp đâu, phải mềm-mại, uyển-chuyển, có vẻ tự-nhiên như cái duyên trong người ta thì mới thực là đẹp.

PH. Q.

(Còn nữa)

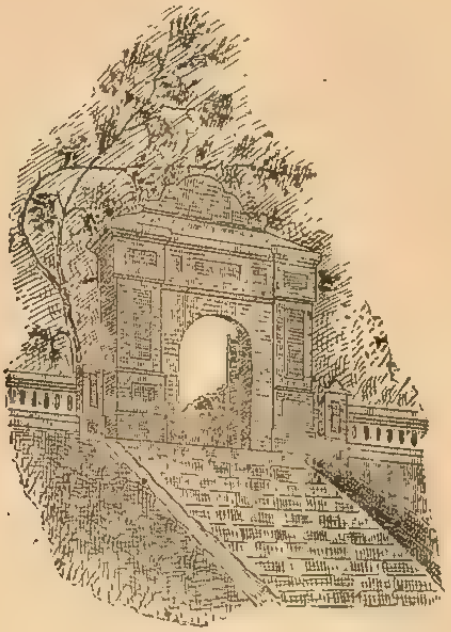

Linh-tinh lục

Cái nghiệp con người ta ở đời là phải làm, cố công cùng sức mà làm, ngậm đắng nuốt cay mà làm, làm cho kỳ hèo gan cạn máu, làm cho đến tay rã óc rời; rồi mà nhắm mắt chết đi cũng cam rằng ở đời đã giả nợ đời, không còn chút sức thừa cùng với cái thân tàn, mang xuống chốn cửu-nguyên. Chớ làm người chỉ chăm đương hành-lạc, ăn chơi cho dầy tháng dầy ngày, thì những khi đêm khuya thanh vắng, một ảnh một mình, trông hoa đèn chẳng thẹn mình lắm ru?

Q.

KHOA-HỌC

MỘT NHÀ KHOA-HỌC ĐẠI-DANH CỦA NƯỚC PHÁP :

BỐI-NHĨ-ĐỨC-LA (Berthelot) Tiên-sinh (1)

III

Trong hai mươi năm về cuối đời, tiên-sinh lấy nông-nghiệp là nghề căn-bản của loài người, muốn đem khoa-học mà ứng-dụng ra nông-nghiệp. Tiên-sinh mở ra ở Mĩ-đốn (Meudon) một nhà thí-nghiệm về thực-vật-học (*laboratoire botanique*), để nghiên-cứu xem những động-lực thiên-nhiên như nắng, như mưa, nhất là điện-khí, « động-tác » (2) vào loài cây cỏ thế nào.

Tiên-sinh nghiệm xét mãi, bỗt-nhiên giải được cái vấn-đề về đồ-ăn có đạm-khí (*alimentation azotée*) của giống thực-vật. Nhờ đó mà được ít lâu nay người ta bắt đầu dùng các thứ phi-liệu có đạm-khí (*engrais azotés*) để bón đất, nghề canh-nông thực đã biến-cải đi nhiều, và đất mầu được thêm tốt lên nhiều. Nhưng xưa nay trong nghề làm ruộng vẫn có cái tục cho đất nghỉ, ruộng cày cấy đã nhiều để bỏ không trong ít lâu, cho hồi sức lại, tục ấy cũng hay lắm, mà khiến cho không phải dùng đến phi-liệu cũng được. Đất bỏ không tự-nhiên dần dần mà hồi sức, không cần phải bón xới gì cả.

Nhưng xưa chưa ai hiểu cái lý-do nó thế nào. Bối tiên-sinh nghiệm ra thì thấy sự hồi sức ấy là thứ nhất bởi điện-khí, thứ nhì bởi sự « động-tác » của vi-chùng.

Nhân đó tiên-sinh mới nghĩ dùng điện-khí mà chế lấy các phi-liệu, hoặc lấy sức điện vừa mà thu lấy đạm-khí trong không-khí vào chất sống của đất, hoặc lấy sức điện mạnh mà hóa-hợp đạm-khí với dưỡng-khí trong không khí để làm thành ra những chất muối bón đất (*nitrates*).

Rồi tiên-sinh lại phát-minh ra một cái hiện-tượng rất lạ : là trong đất mầu có vô-số những giống vi-chùng, tự nó hút lấy đạm-khí trong không-khí vào đất. Tiên-sinh có một câu tả cái hiện-tượng ấy rất là có hứng-vị ; tiên-sinh nói : « Đất nó cũng là một vật có sinh-hoạt vậy. » Tiên-sinh nghiên-cứu như thế mà tìm được cách làm cho đất tốt gấp bốn phần lên. Nhân đó mà người ta đã bắt đầu nghĩ ra một kế bón ruộng tiện hơn là dùng các phi-liệu chế theo phép hóa-học, kế ấy là đem tưới ruộng bằng một thứ nước canh chứa nhiều vi-chùng hút đạm-khí, kế ấy sau này tất trong nghề làm ruộng mỗi ngày một thịnh-hành vậy.

Ngoài những sự tìm-tòi về « thực-vật-dịch-hóa-học » (*chimie végétale*) ấy, tiên-sinh lại còn làm nhiều bài nghiên-cứu, phát-minh ra được nhiều điều mới lạ về sự lên men-mốc, cùng về cái nguồn khí nóng trong các giống động-vật. Cái lý-thuyết của tiên-sinh về nguồn khí nóng ấy, nhà bác-sĩ Bộ-xa-nhĩ (Bouchard) đã nói là một cái lý-thuyết quan-trọng nhất, làm then máy cho khoa sinh-lý-học ngày nay.

Ấy cái sự-nghiệp học-vấn của tiên-sinh to-tát như thế, mà sự-nghiệp ấy là sự-nghiệp trong sáu mươi năm giời, không lúc nào dời. Trong bấy nhiêu lâu chuyên-trị về hóa-học, tiên-sinh

(1) Xem *Nam-Phong*, số 5 ; trang 307-310 ; số 6, trang 379-383.

(2) « Chữ động-tác » là một chữ mới, chỉ sự vận-động tự-nhiên mà có ảnh-hưởng ra ngoài. Tiếng tây là *agir, action*.

thường nhiều khi gặp những vấn-đề thuộc về lịch-sử nghề hóa-học. Tiên-sinh bèn xét ngược đến tận cội-rễ nghề ấy, kể từ khi thần Hách-mĩ (*Hermès*) truyền cho các nhà giáo-sư đất Cổ-Ai-cập cái bí-thuật luyện-đan; tiên-sinh vốn thuộc nhiều các cổ-ngữ, đem phiên-dịch và diễn-thích những sách diệp-kinh (*papyrus*) chứa ở các thư-viện thành Lôi-đức (Leyde), thành Duy-ni-ti (Venise), thành Luân-đôn (Londres), thành Ba-lê (Paris); cùng với các nhà bác-học chuyên-môn về các cổ-ngữ Đông-phương, tiên-sinh đem xuất-bản và chú-thích những sách cổ của các nhà luyện-đan (*alchimistes*) đất Tây-lý (Syrie) và đất Á-lạp-bá (Arabie) ngày xưa, những sách ấy xưa nay hoặc chưa ai biết đến, hoặc chưa ai dịch được. Cả cái công-phu dịch-tập sách cổ ấy, kết-quả thành sáu bộ sách dầy, tưởng cũng đủ làm sự-nghiệp một nhà bác-học, thế mà vào tay tiên-sinh chẳng qua cũng như một cuộc tiêu-khiển tầm-thường vậy.

Ấy cái sức học-vấn của tiên-sinh mạnh như thế; thật là một bậc thiên-tài, toàn-trí, toàn-thức. Ngày 24 tháng 11 năm 1901, là năm mươi năm sau khi xuất-bản bài « Kỷ-yếu » [1] thứ nhất về khoa-học của tiên-sinh, ở nhà Đại-học Tô-nhĩ-bản (Sorbonne), có mở một hội khánh-chúc tiên-sinh, những nhà bác-học danh-sĩ của các nước trong thế-giới đến họp mà ca-tụng cái công học-vấn vĩ-đại hoàn-toàn của tiên-sinh. Trong bọn ấy có ông Khắc-lạp-tí-tốn (Gladstone) và ông Lam-tây (Ramsay), hai ông là người nước Anh. Ông Khắc, người già-cả đạo-mạo, người ta vẫn suy-tôn là bậc sư-trưởng trong hàng các nhà hóa-học-chuyên-môn nước Anh; ông Lam, cũng là một nhà hóa-học chước-danh, làm đại-biểu cho hội Bác-sĩ thành Luân-đôn. Nước Đức có ông Phi-sĩ (Emile Fischer), là một tay hóa-học có tiếng nhất trong nước ấy. Dự-hội có quan Đại-Tổng-thống nước Pháp, các nghị-viên hai Nghị-viện, các hội-viên hội Bác-sĩ, các viên-chức của các bộ-viện nhớn trong nước. Trước mặt cả toàn-hội, ông Phi-sĩ nước Đức đứng lên diễn-thuyết một bài mừng tiên-sinh. Trong bài diễn-thuyết có một câu thực là gồm cả cái tài-năng sự-nghiệp của tiên-sinh. Nhời rằng: « Muốn cho khoa-học khỏi tán-mạn ra từng chuyên-môn một, thì phải có một bậc đại-trí xuất-hiện ra, có cái óc hoàn-toàn, cai-quát được cả toàn-thể của khoa-học. Bối-nhĩ-đức-la tiên-sinh thực là một bậc đại-trí như thế vậy. Lo rằng hạng người ấy có nhẽ đến tiên-sinh là cùng, sau này không còn được ai như thế nữa. » Ay trong một hội trang-nghiêm như hội khánh-chúc này mà cả các nhà khoa-học hiển-hách trong thế-giới đều đồng-thanh mà tôn tiên-sinh là « ông vua trong khoa-học » (*le roi de la science*) vậy. Vẻ vang thay!

Tên Bối-nhĩ-đức-la (Berthelot) và tên Ba-ti-đức-nhĩ (Pasteur) hai tiên-sinh, thực là sao Bắc-đẩu, núi Thái-sơn của thế-kỷ thứ 19, mà là hai tên đã làm vinh-dự cho nước Pháp vô-cùng. Cái sự-nghiệp về đường khoa-học của Bối tiên-sinh mới xem ra thì tưởng không hiển-hách bằng sự-nghiệp của Ba tiên-sinh. Bối tiên-sinh không có những cái truyện chữa bệnh thần-hiệu, khiến người ta tưởng đến truyện thần-thánh đời cổ xưa, như Ba tiên-sinh. Nhưng xét ra cái sự-nghiệp của Bối tiên-sinh còn to-nhớn hơn sự-nghiệp của Ba tiên-sinh nhiều, vừa bởi cái triết-lý nó thâm-trầm, vừa bởi sự kết-quả nó quảng-bác.

Như Ba tiên-sinh thực-nghiệm về các giống vi-chùng thực đã biến-cải cả nghề làm thuốc; nhưng tiên-sinh thuyết-minh về sự « động-tác » của các giống ấy thì ngày nay xét ra khí sai-nhầm.

(1) Kỷ-yếu là những bài biên chép lấy những điều yếu-cần mới tìm-tòi khảo-cứu được. Tiếng tây là *mémoire*.

Tiên-sinh cho sự « động-tác » ấy, là bởi một cái sức sinh-hoạt huyền-bí, không thể lấy những phép-tắc của vật-lý-học hóa-học mà giải được. Bối tiên-sinh thì ngay từ lúc mới đầu đã xướng lên rằng các giống vi-chùng « động-tác » là bởi những chất tự nó bài-tiết ra, những chất ấy có thể dùng phép hóa-học-tổng-hợp mà chế ra được, chẳng khác gì các chất khác, cứ chiếu theo những lệ thường trong sự biến-hóa các chất có sinh-hoạt cùng các chất không có sinh-hoạt ở trong thế-giới. Chính các học-trò cùng những nhà kế-nghiệp của Ba-ti-đức-nhĩ tiên-sinh thí-nghiệm về sau cũng chịu rằng cái lý-thuyết của Bối tiên-sinh là hợp với sự thực.

Bối tiên-sinh vẫn giữ một lòng tin rằng phàm các động-lực thiên-nhiên trong giới đất cùng là theo một phép-tắc như nhau, cùng là nhất-trí cả; dù tiên-sinh lấy phép hóa-học-tổng-hợp mà chứng rằng cái phép hóa-hợp các chất có sinh-hoạt và phép hóa-hợp các chất không sinh-hoạt cũng là một, dù tiên-sinh lấy phép nhiệt-đích-hóa-học mà chứng rằng các động-lực thuộc về hóa-học và các động-lực thuộc về vật-lý-học cơ-khí-học cũng có thể đo được như nhau; bao giờ tiên-sinh cũng vẫn giữ một chủ-nghĩa như thế. Mà cái chủ-nghĩa ấy tức là chủ-nghĩa của khoa-học ngày nay, Chủ-nghĩa ấy cốt kinh-nghiệm cho thật nhiều, mà sau qui-nạp lại chỉ có mấy cái phép-tắc nhỏn mà thôi; lấy cái sức tư-tưởng mà lý-hội lấy cái nhẽ sâu của muôn sự hiện-tượng quanh mình ta, như soi cái đuốc sáng vào trong đám âm-thầm u-ám vậy.

Ấy là về đường lý-thuyết; về đường thực-tế thì cái sự-nghiệp của Bối tiên-sinh cũng chẳng to kém gì sự-nghiệp của Ba tiên-sinh. Sự ích-lợi hai đàng cũng ngang nhau. Bối tiên-sinh cũng giúp cho sức khỏe người ta, mà lại giúp cho sự sinh-sản ra của cải trong nhân-loại nhiều hơn nữa.

Ba tiên-sinh thì có công hoán-cải lại nghề trị-bệnh, và cải-lương cho nhiều nghề thuộc về nông-nghiệp. Nhưng nghề trị-bệnh mới này cũng mãi đến ngày Bối tiên-sinh xướng ra cái thuyết về các chất độc của giống vi-chùng bài-tiết, mới thực là phát-đạt. Ngày nay các nhà y-học đều tổ-thuật cái thuyết ấy mà xét căn-nguyên các bệnh. Nghề bào-chế cũng nhờ đó mà hoán-cải lại các phương-pháp.

Các công-nghệ cũng được nhờ tiên-sinh nhiều lắm. Tiên-sinh thay đổi lại nhiều phép chế-tạo cũ lưu-truyền từ mấy mươi đời trước, mà đặt ra nhiều các nghề-nghiệp mới. Nhất là cái phép tổng-hợp các chất có cơ-thể (*synthèse organique*), và phép nhiệt-đích-hóa-học (*thermochimie*) của tiên-sinh xướng ra thực ích-lợi cho các công-nghệ không biết bao nhiêu mà kể. Nghề chế thuốc và chế các phẩm nhuộm thực là được nhờ tiên-sinh nhiều lắm. Nghề thắp đèn, nghề chế các loài kim cũng nhờ những sự phát-minh của tiên-sinh mà tiến-bộ được nhiều. Tiên-sinh lại xướng ra cái lý-thuyết về các phi-liệu, thực là hoán-cải cả những phương-phép cũ của nông-nghiệp xưa nay, làm cho đất càng ngày càng tốt mãi lên, giảm bớt công-phu cho kẻ làm ruộng.

Đó là nói qua những cái kết-quả ngày nay đã thành rồi. Còn những cái kết-quả mong-mỏi về sau này cũng nhiều. Như cái lý-thuyết về sự chế lấy các đồ ăn bằng phép hóa-học, tuy ngày nay chưa thực-hành được, nhưng không phải là một cái mộng-tưởng, nên mong rằng có ngày đến được bậc ấy, thì nhân-loại được nhờ tiên-sinh biết chừng nào. Người ta bấy giờ sẽ thoát khỏi một cái nợ nặng nhất đối với tạo-vật, nợ ấy đã làm cho nhân-loại đau khổ biết bao nhiêu!

Thử gồm cả cái sự-nghiệp của tiên-sinh mà lý-hội xem thì đủ biết nó to-tát là chừng nào, mà biểu ra một cái bậc

người trong lịch-sử thế-giới đời xưa đời nay cũng ít có vậy.

* * *

Nay ta đã kể đời người, sự-nghiệp của tiên-sinh, ta nói đến tiên-sinh làm công-dân với quốc-gia, và làm người riêng trong gia-đình. Hai cái biểu-diện trong thân-thế tiên-sinh ấy cũng rực-rỡ và khác thường vậy.

Tiên-sinh bắt đầu tham-dự vào việc nước từ hồi quốc-nạn năm 1870. Tiên-sinh từ thủa nhỏ vẫn đã giữ cái chủ-nghĩa cộng-hòa. Gặp buổi nước nhà phải bước gian-nan, lòng ái-quốc lại càng đằm-thắm hơn lên. Tiên-sinh đã từng nói : « Đến năm 1870 thì quốc-dân trông mong ở khoa-học, như người ta mong ông thầy thuốc đến thăm một người ốm thập-tử nhất-sinh vậy. »

Đương khi chiến-tranh năm ấy, tiên-sinh được cử làm trưởng hội Quốc-phòng-chế-tạo-cục (*Comité scientifique de défense nationale*), bèn đem năm người con ra chạy ở ngoài, rồi cùng với phu-nhân vào ở trong thành Ba-lê đương bị quân giặc vây và bị đói. Một hôm một viên trái-phá rơi vào giữa nhà tiên-sinh, ngay bên cạnh buồng khách tiên-sinh ngồi ; may chưa nổ, tiên-sinh rút thuốc-đạn ra, rồi đem để vào nhà Pháp-quốc-học-viện (Collège de France), hiện nay hãy còn ở đấy. Tiên-sinh thực là hết lòng yêu nước, hết sức học-vấn mà giúp nước trong buổi khó-khăn ấy. Hồi lễ khánh-chúc tiên-sinh, quan Học-bộ tổng-trưởng Lôi-khắc đại-nhân (Leygues), trong bài diễn-thuyết mừng nói đến công tiên-sinh giúp nước khi bấy giờ, có mấy câu rằng : « Đương khi thành Ba-lê bị vây, chỗ nào là chỗ khoa-học có thể giúp cho việc quân được, tiên-sinh cũng có đấy. Nào tiên-sinh đúc súng đại-bác, chế thuốc « cốt-mìn » ; tiên-sinh lại cùng với mấy nhà bác-học can-đảm tìm cách để thông tin-tức ở trong thành bị vây với ngoài. Người ta thường trông thấy tiên-sinh hoặc đứng trên cao-nguyên Á-phu-long (*Plateau d'Avron*) mà sửa lại mục-tiêu cho pháo-binh bắn ; hoặc ngồi trên cột cờ mà ngóng tin-tức ở ngoài ; hoặc đứng trên bờ sông Sen (Seine) nước lạnh giá đông để tìm cách lợi-dụng sông ấy mà truyền tin-tức ; hoặc len-lỏi vào những nơi hang đá đặt địa-lôi-phục cho bắn vỡ các pháo-đội của quân địch. Biết bao nhiêu lần tiên-sinh liều tính-mệnh để giúp nước, chẳng khác gì một người quân lính ở nơi chiến-trường vậy ! »

Tiên-sinh có cái lòng ái-quốc rất sâu rất mạnh, nên trông thấy nước nhà phải cái vết thương hồi bấy giờ, trong lòng đau-đớn vô cùng, căm-tức vô cùng, như tim lim gan. Về sau, tiên-sinh thường nói : « Tôi trọng nước Đức, trọng cái học-thuật của nước Đức, nhưng tôi thống-mạ cái lòng tham-lam vô-độ của bọn đương-đồ trong nước ấy. » Tiên-sinh lại nói : « Tôi vốn giữ cái chủ-nghĩa rằng sự giao-tế trong các nước văn-minh với nhau, về đường tri-thức, về đường xã-hội, nên mỗi ngày một thân-mật hơn lên, nhất là nước Pháp với nước Đức lại càng nên lắm nữa. Nhưng muốn cho sự giao-tế ấy được thực thân-mật thì phải hai điều mới được : một là không được nước nào mưu muốn giữ bá-quyền trong thế-giới, hai là nước Đức phải bỏ cái thuyết « cường-quyền đoạt công-lý » của nước ấy, mà hoàn lại cho dân những đất bị lia-cắt được cái quyền tự-chủ. Nước Đức vì chiến-tranh đắc-thắng, mà lạm-dụng sự đắc-thắng của mình, thực là gây nên nhiều mối cạnh-tranh trong thế-giới, sau này không biết sẽ ra những việc dữ-dội đến thế nào. »

Xem cuộc chiến-tranh ngày nay thì biết tiên-sinh thực là trác-kiến vậy.

Ph. Q.

(Còn nữa)

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CÁC CỤ

Cụ Yên-Đỗ

Chế bác đồ keo mắc lừa gái

Anh đồ ơi hỡi anh đồ!
Mặt rỗ như tổ, da khô như sành.
Ngoài hai mươi tuổi xuân xanh,
Duyên sao sớm định rắp ranh những ngày.

May sao may khéo là may!
Gặp anh Hai Cạo trao tay một nàng.
Trông người lịch sự giỏi giang,
Hỏi rằng: quê quán họ hàng nơi nao?
Thưa rằng thiếp ở Từ-cao,
Rằng: Phan là họ, rằng Cào là tên.
Bước nhà gặp buổi truân triên,
Cánh bèo mặt nước sông Tiền ngược suôi.
Hay đâu duyên sự bởi giời,
Bách tùng nhờ bóng gửi người dằng-la.
Thầy nghe cô nói sót xa,
Ngọt ngào đầu lưỡi, đậm đà lỗ tai.
Con người thực cũng là người,
Tiền thời phỏng mất có vài bốn quan.
Ít tiền mua được của ngon,
Máu tham thầy mới phát hoàn anh Hai.
Từ phen gặp liễu Chương-đài,
Càng sâu nghĩa bể, càng dài tình sông.
Khi gối xếp, khi chăn bông,
Khi khăn bỏ giọt, khi mùng thắm che.
Khi chén rượu, khi cuộc chè,
Khi vui hớn hở giấc hòe tỉnh say.
Nắng mưa lần lữa tháng ngày,
Cô tiêu cũng lắm, thầy vay cũng nhiều.
Yêu người, người lại chẳng yêu,
Chiều hoa, hoa lại chẳng chiều mới cam.
Có đêm thanh vắng bóng hằng,
Thầy đương giở chén cô bưng vội nằm.
Giời vừa giở trống canh năm,
Vở đôi áo mỏng với rằm áo dầy.
Thầy đương giở giấc nào hay,
Tỉnh ra cô đã bỏ thầy cô đi.

Duyên đâu gặp gỡ làm chi,
Người đâu điên đảo thế thì biết đâu?
Hết hơ hết hải tìm nhau,
Dạo quanh cửa trước cửa sau đi tìm.
Tìm em như thể tìm chim,
Rừng xanh núi đỏ biết tìm vào đâu?
Tìm em như thể tìm trâu,
Đồng kia bãi nọ biết đâu mà tìm?

(Nguyễn Mạnh-Bồng *phụng-sao*)

* * *

Chừa rượu

Những lúc say sưa cũng muốn chừa,
Muốn chừa, nhưng tính lại hay ưa.
Hay ưa nên nỗi không chừa được,
Chừa được như mà cũng chẳng chừa.

Châu chấu đá voi

Châu-chấu làm sao dám đá voi?
Đứng xem ta cũng nực cơn cười!
Loe soe xấn lại giương đôi vế,
Ngửa ngáy không hề động nửa đuôi.
Hay dở cuộc này ba chén rượu,
Được thua chuyện ấy một trò chơi.
Nghĩ ra ta cũng thương mình nhỉ,
Theo đít còn hơn một lũ ruồi,

Làng Ngang có chỗ lội

Đầu làng Ngang có một chỗ lội,
Có đền ông Cuội cao vòi vọi.
Đàn bà đến đấy vén quần lên,
Chỗ thì đến háng, chỗ đến gối.
Ông Cuội ngồi trên mỉm mép cười;
— Cái gì trăng trắng như cân cúi?
Đàn bà khép nép, đứng liền thưa:
— Tôi trót hở hang, ông xá tội!

— Thôi thôi con có tội chi, con.
Lại đây ông cho giống ông cuội !
Từ đấy làng Ngang để ra người,
Đẻ ra dặt những thằng nói dối.

Ông giời

Chót vót trên này có một tao,
Nào tao có muốn nói đâu nào !
Áo tao vẫn giữ mầu xanh ngắt,
Chỉ tại dì Oa vá víu vào.

(*Ôn-Khanh* NGUYỄN HỮU-NGỌC *kính sao*)

Tú-tài TRẦN KẾ-XƯƠNG

Quan tại gia

Một ngọn đèn xanh một quyển vàng,
Bốn con làm lính bố làm quan.
Câu thơ câu phú sưu cùng thuế,
Nghiên mực nghiên sơn tổng với làng.
Nước quạt chửa xong con nhảy ngựa,
Trống hầu chưa dứt bố lên thang.
Hỏi ra quan ấy ăn lương vợ,
Đem truyện trăm năm giở lại bàn.

Kết phào

Tượng tượng xe xe sẻ lẻ rồi,
Sĩ đen sĩ đỏ chẳng thành đôi.
Đố ai biết ngỏ quân gì kết,
Mã cũng chui mà tốt cũng chui.

Hữu cảm

Người bảo ông điên ông chẳng điên,
Ông thương ông tiếc hóa ông phiền.
Kẻ yêu người ghét hay chi chữ,
Đứa trọng thằng khinh cũng vị tiền.
Q' bề gặp ghềnh cơn gió thoảng,
Được voi ngỏng nghảnh muốn đòi tiên.
Khi ngồi khi khóc khi than thở,
Muốn bỏ văn-chương học võ viền.

Thám-hoa Vĩ PHẠM-HÀM

Hương-sơn phong-cảnh ca

Hựu hà tất Bồng-châu Doanh-hải,
Tiều sơn-lâm mà có đại kỳ-quan.
Người tai mắt kẻ nhân-gian,
Ai chẳng đến Hương-sơn thì cũng tục.
Kể từ lúc bước lên đò Đục,
Liếc mắt trông đà mấn mục vân sơn.
Lần theo một dải thanh tuyền,
Nào ngư-phủ nhập Đào-nguyên đâu [cũng thế.
Mặt giời gác bóng cây xế xế,
Tản-vân in đáy nước rành-rành.
Chim giời mấy chiếc lênh-đênh,
Cây mai-thụ rập rềnh năm bảy lá.
Chú tiều-tử ruổi rong bến đá,
Lũ ngư-ông quẩy cá qua cầu.
Cỏ cây xanh ngắt một mầu.
Núi trước núi sau mình ở giữa.
Đoàn mục thụ bóng chiều vừa ngả,
Dắt trâu về lả tả đầu ghềnh.
Trong hang sâu thăm thẳm một mình,
Thế mới biết « sơn thủy hữu tình » là [chốn ấy.
Rừng một dải càng trông càng thấy,
Tẻm tèm tem mà bụng nghĩ mình [nghiêng.
Kia núi Gà, núi Tượng, núi Trống, [núi Chiêng,
Chưa qua núi lại thấy đò bên cạnh núi.
Thoạt trông thấy biết đâu mà bởi.
Cầu Đăng-tiên nọ chốn Đăng-doanh,
Gót in đá biếc xanh xanh,
Lòng trần-lục bỗng không thanh thảnh [nhẹ.
Cao chót-vót một tòa cổ-sái,
Ấy chi-chi nọ trái Thiên-trù.
Giăng trong gió mát một bầu,
Ngắm phong cảnh bồng-hồ đâu đó tá
Động-đào đã giang tay mở khóa,
Càng nhìn lâu càng tỏ càng xinh.
Cây xanh-xanh mà lá cũng xanh-[xanh,
Dưới một núi lại trèo quanh một núi.
Nước công-đức chong ngần không [chút bụi,
Đường lên tiên đây là suối Giải-oan.

Thảnh-thơi bạch thạch thanh-tuyền,
Thế mới biết thiên-tiên là diệu-thủ.
Thơ rằng: *Bộc bố khê lưu sơn diệc vũ,*
Nhân thanh cốc ứng thạch năng ngôn.
Trông lên giời nhỏ con-con,
Mình ta đã lọn-chọn trên đỉnh núi.
Đứng núi nọ tưởng núi kia là cuối,
Bước chân lên đường núi vẫn không [cùng.
Trèo qua một dịp Chấn-song,
Đấy mới biết quần phong chi đệ nhất.
Niệm Nam-vô-a-di-đà-phật,
Mảng vui chơi mà quên phắt đường xa.
Quả mơ non với nước mơ già,
Trong chân-cảnh nhìn ra chân-vị.
Trong bụi rậm đàn chim thỏ thẻ,
Dưới rừng xanh mấy chị lim mở;
Lá vàng man mát ngần ngơ,
Tam-quan đã tỏ-mờ đâu đó phải.
Chân bước đi mặt còn ngảnh lại,
Ước gì đường dài mãi thì hay.
Nào ngờ tiên-lĩnh giời xây,
Lối vào đó đã vén mây trông rõ.
Vạn trạng thiên bình vô số,
Vẫn hãy còn giấc ngủ lơ-mơ.
Xanh như mây mà đá trơ trơ,
Trên vách phấn tỏ-mờ chẹo giá áo.
Này kho tiền, này kho bạc, này [buồng tằm, này lẫm gạo,
Phật Quan-âm thiên-tạo một tòa.
Bốn bề như gấm như hoa,
Đố ai lấy nhân-công mà vẽ được?
Dưới cầu bạch trong veo đáy nước,
Núi bình-phong đứng trước phật-đình.
Chim gõ mõ, vượn tụng kinh,
Giục lòng khách năm canh trải-truốt.
Dục đáo Hương-sơn bất khả ước,
Khen cho ai biết trước cũng là tiên.
Ai ôi! chẳng đến cũng hèn!

(Nguyễn Văn-Bản *phụng sao*)

Thơ bà huyện Thanh-quan

Phu-nhân là con ông Nho Đường, ở làng Nghi-tàm, huyện Hoàn-long, tỉnh Hà-nội, người tuy không đẹp lắm, nhưng có giáng cung cách, tên họ gì chưa rõ. Lấy ông Lưu Nghi, người làng Nguyệt-áng, huyện Thanh-trì, đỗ cử-nhân khoa Tân-tị (1821) đời Minh-mạnh, làm quan đến Tri-huyện. Sau phu-nhân vào làm « Cung-trung giáo-tập » 宮中教習. Vua Tự-Đức có ban thơ chữ và thơ môn, phu-nhân họa được ngay, vua yêu quí lắm.

Người ta sinh chốn khổ-hải, trăm đường cay-đắng, nghìn nỗi khắt-khe, khi cười cười nụ, lúc khóc khóc thầm, nếu không có khúc hát ngọt, câu thơ hay, để di-dưỡng tinh-tình, thời chống lại lòng bất-nhân của tạo-hóa sao được? Nhưng thơ hay cũng có nhiều cách, bài thơ hay êm-ái dịu-dàng, bài thời hay chua-cay gắt-gỏng, bài thời hay lả-lẳng phong-tình; thơ cô Xuân-Hương, cũng là bậc hay thật, song phần nhiều là giọng đa-tình, sao bằng thơ của phu-nhân, ý tứ sâu xa, âm-điệu nghiêm-chỉnh, thật là một bậc văn-chương đài-các. Bóng hồng đã khuất, nhời ngọc vẳng sa, có hai điều nên tiếc: Một là lí-lịch phu-nhân, chưa biết được tường, đều nhờ khẩu truyền, sử sách không có; hai là toàn-tập của phu-nhân chưa tìm thấy được.

Nay nhặt được trong sách cùng nghe truyền đọc mấy bài, xin đăng sau này để giữ lấy di-tích của một bậc nữ-sĩ chước-danh của nước Nam ta ngày xưa.

Vả lại tôi thường đọc báo thấy các cô tân nữ-sĩ nhà Hồng-bàng ta, có ý muốn vẫy vùng trận bút, dựng cờ trường văn. Thầy Giả-sinh nói rằng: « Việc trước không quên, là thầy việc sau ». Các cô muốn vun sới mầu-quốc-văn, nên lấy văn cũ làm mầu bón. Ước gì góc lầu son, trên gác tía, chỗ nào cũng có một tập thơ như thơ phu-nhân này; tôi xin thắp hương mà mừng cho hậu-vận Việt-văn ta.

Tuyết-trang Trần Văn-Ngoạn.

I

Đi đò buổi chiều

Thấp thoáng non tiên lác đác mưa,
Bút trần khôn vẽ thú tiêu-sơ.
Xanh um cồ-thụ tròn xoe tán,
Trắng xóa trường-giang phẳng lặng tờ.
Bầu giốc giang sơn say chấp rượu,
Túi lưng phong nguyệt nặng vì thơ.
Biết bao tao-khách tình đi lại,
Thấy cảnh này ai chẳng thẫn thờ.

II

Buổi chiều đi đò nhớ nhà

Chiều giời bảng lảng bóng hoàng-hôn,
Tiếng ốc xa đưa vẳng trống đồn.
Gác mái ngư-ông về viễn-phố,
Gõ sừng mục-tử lại cô-thôn.
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,
Dặm liễu xương sa khách bước rồn.
Kẻ chốn chương-đài người lữ-thứ,
Lấy ai mà kể nỗi hàn-ôn?

III

Vịnh chùa Trấn-bắc

Trấn-bắc hành-cung cỏ giãi giầu,
Khách đi qua đó chạnh niềm đau.
Mấy tòa sen rớt mùi hương ngự,
Năm thức mây phong nếp áo chầu.
Sóng lớp phế-hưng coi đã rộn,
Chuông rồn kim-cổ lắng càng mau.
Người xưa cảnh cũ đi đâu tá?
Khéo ngẫn-ngơ thay lũ trọc đầu!

IV

Hoài-cổ

Tạo-hóa gây chi cuộc hí-trường,
Đến nay thấm thoắt mấy tinh-xương?
Lối xưa xe ngựa hồn thu-thảo,
Ngõ cũ lâu-đài bóng tịch-dương.
Đá vẫn bền gan cùng tuế-nguyệt,
Nước còn chau mặt với tang-thương.
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ,
Cảnh đấy người đây luống đoạn trường?

V

Qua núi Đèo-ngang

Bước tới Đèo-ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá,lá chen hoa.
Lum khum dưới núi tiều và chú,
Lác đác bên sông chợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.
Dừng chân đứng lại giời non nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.

THƠ VĂN MỚI

Vịnh bông huệ

Bản quán mới tiếp được bài thơ của cụ lớn Lại-bộ Phúc-môn-bá gửi ra, xin đăng như sau này:

Mai thua tuyết kém thấy mà yêu,
Một đóa hoa trời giá ngọc treo.
Bông nở bằng đầu cây vối vối,
Thơm lừng xế bóng gió hiu hiu.
Bâng khuâng bên khí càng ham vị,
Khắn vó chăm mai lại nhớ chiều.
Trắng xoát dong gian người cõi tịnh,
Thần hồn hương dậy tiếng xa biêu.

PHƯỚC-MÔN *họa vận.*

Phụ bài nguyên-vận của một ông cư-sĩ

Tinh thần cốt cách rất nên yêu,
Trăm phẩm vườn trời một giải treo.
Trắng suốt không hề vương tục lụy,
Trong ngần nào chút nhuốm trần hiêu.
Xuê xoang nhụy tuyết nơi thanh vắng,
Náo nức hồn hương lúc xế chiều,
Gắn vó khuyên ai vun quén lấy,
Cái thơm muôn thủa ắt còn biêu.

Mừng hội Ái-hoa (*tập Kiều*)

Vì ai ngăn đón gió đông,
Nào người tiếc lục tham hồng là ai?
Thờ-ơ gió trúc mưa mai,
Chơi hoa chưa dễ mấy người biết hoa!
Sớm đào tối mận lân la,
Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai.
Chúa xuân đành đã có nơi,
Chút lòng ân-ái ai ai cũng lòng.
Vậy nên những tính thong-dong,
Khéo khi gặp gỡ cũng trong truyền-vần.
Có quan Tổng-đốc trọng-thần,
Một cây cù-mộc một sân quế-hòe.
Dạo tìm khắp chợ thì quê,
Tiên hoa trình trước án phê xem tường.
Cách hoa sẽ dặng tiếng vàng,
Vì hoa nên phải dọn đường tìm hoa.
Gạn gùng ngọn hỏi cành tra,
Ấy là hồ-điệp hay là Trang-sinh.
Gần xa nô nức én anh,
Một vùng như thể cây quỳnh cành giao.
Có đâu thiên vị người nào,
Càng cheo giá ngọc càng cao phẩm người.
Đắn đo cân sắc cân tài,
Lòng nào hồng rụng thắm dời chẳng đâu.
Dù ai lòng có sở cầu,
Yêu hoa yêu được một mầu điểm trang.
Đã nên quốc sắc thiên hương,
Thời cheo dẫu nhất chi nhường cho ai.
Công trình kể biết mấy mươi,
Phẩm đề xin một vài nhời thêm hoa!

Cử-nhân NGUYỄN KI-NAM

Đề ảnh ông giáo B...

(Chụp với năm người bạn đứng, ngồi xem sách quần áo tả tơi buồn rầu

Năm ông đứng ảnh một ông ngồi,
Cái cảnh ông ngồi ngắm cũng vui.
Nhà-nước phấn son in sẵn nét,
Non sông tai mắt vẽ nên người.
Còn mang sách vở ba sinh lụy,
Thấy kệ xoay vần một chiếc thoi.
Một tấm lòng son chưa vẽ được,
Dám còn trang điểm để khoe ai.

Mỹ-hào NGÔ HUY-LÊ

VỊNH-SỬ

I

Chử-Đồng và Tiên-Dung gặp nhau

Chử-Đồng gặp gỡ chúa Tiên-Dung.
Cái nợ duyên đâu khéo lạ lùng?
Trần trục bên sông có mát mẻ,
Thẹn thò bể cát cậu tông ngông.
Gió mưa một trận lên giời tít,
Lau sậy ngàn thu để đất không.
Đã phải duyên nhau ai gỡ được,
Vua cha chẳng xét mối tơ hồng.

II

My-Châu

Nam bắc duyên chi tạc chữ đồng,
Mà em một tiết tin cùng trung.
Biết đâu người bạc mưu lừa vợ,
Nên giải tim son chẳng tiếc chồng.
Quá dại mỏ thiêng rùa mất móng,
Nhờ nhời đệm gấm ngỗng còn lông.
Khối tình chai ngậm lâu thành ngọc,
Lấp lánh hòn châu đáy bể Đông.

III

My-Ê

Nước tan nhà vỡ lại còn chi,
Nghĩ thế nên cô có tiếc gì?
Phật-thệ đã xong niềm nguyện ước,
Tây-thiên thôi hát điệu hồ hè.
Sông châu một dải đôi hàng lệ,
Bóng nguyệt năm canh mấy giọng ti.
Tiết sạch chong chong không chút đục,
Đệm cửu linh hiển đến ngày ni.

IV

Dương-hậu

Hoàng-hậu Đinh Lê có phải bà?
Khen ai cũng khéo tạc bà ra.
Vua tôi dan díu duyên chồng vợ,
Giai gái lung tung vận nước nhà!
Cờ ngọn lau kia vừa lạnh lẽo,
Trướng hoa sen nọ đã la đà!
Sau này ngồi lẫn hai ông đó,
Long-cổn cho ai mặc thế à?

Vân-đình TRẦN MAI-KHÔI

Thơ tặng-biệt

Mấy bài thơ tặng-biệt này khiến cho lòng người biệt phải vấn vương. Vậy xin gửi vào tập thơ để cho yên lòng người biệt. Nhờ qui-quán làm ơn đăng cho. Đa tạ.

Người biệt lai-cảo

I

Vó kỷ sao người ruổi gió đông ?
Phượng-hoàng thời phải đậu ngô-đồng.
Long-biên tới đó nhiều mơ tưởng,
Xin chớ đua đòi đổi mất tông.

PHAN VĂN-ĐIỆN

II

Mấy đoạn đàn thơ nối gót chơi,
Cố nhân sao đã lếch xa khơi.
Tiệc hoa đeo nặng tình xum họp,
Đường liễu xa đưa khúc vắn dài.
Cuộc lợi đua chen không kể một,
Mối tình ly-biệt khó chia hai.
Còn trượng còn học còn vui mãi,
Lối cũ giang sơn những đợi người.

NGÔ HUY-LÊ

III

Bạn thân nghe nói có tin mời,
Đường cái thênh thênh bước thảnh thơi.
Tiện có Nhị Nùng nhiều thú lạ,
Bạn cùng thi họa đủ mùi chơi.
Hồi này may gặp xe loan dạo,
Chắc bẵn gần nương bóng sáng soi.
Mới biết giời sinh là có ý,
Tiệc vui xin tiễn một đôi lời.

CHU ĐÌNH-THỤ

Công nợ

Công nợ như anh đã mấy người ?
Nợ giăng nợ gió nợ giời ơi.
Nợ hòn đá Tản cao nghìn trượng,
Nợ dải sông Tô rộng mấy mươi.
Nợ nước vơi đầy cơn sóng vỗ,
Nợ người mưa nắng chốn xa khơi.
Nam nhi đeo nợ là đeo thế,
Hả nợ như ai để tiếng cười ?

Đàn bò ăn vườn cỏ

Nhác thấy xa xa một lũ bò,
Bấm bê con bẻ gọi con lo.
Vườn hoang rộng ngát tha hồ nhảy,
Cỏ tốt xanh rờn mặc sức no.
Dài yếm khoe ta nhà sẵn nếp,
Vàng da hợm kẻ đất trong mo [1].
Năm xưa gốc tảo quên rồi chứ [2] ?
Răng trắng sao mà chẳng biết lo [3] ?

NGUYỄN VĂN-HIẾN

Hát ả-đào

Nhân sinh thích chí, còn gì hơn khú khí với cô đầu, khi vui chơi năm ba ả ngồi hầu, chén rượu cúc, đánh chầu đôi ba tiếng.

Tửu hậu khán hoa tình bất yếm,
Hoa tiền trước tửu hứng vô nhai.

Thôi ai ai chơi lấy kẻo hoài ; chơi cũng thế, mà chẳng chơi đà cũng thế. Của giời đất siết bao mà kể, nợ công danh biết thế nào xong.

Chơi cho thủng trống long bồng !

Nhời người học nho

Đành chịu chữ tây không học được,
Thôi thì Hán-tự đủ ngâm nga.
Sinh voi ắt hẳn giời sinh cỏ,
Có vội chi mà phải lắng ra.

Nhời người học tây

Nay đương Âu Mĩ buổi văn-minh,
Muốn được như ai phải dấn mình.
Nào phải tham ăn lăn cõi tục,
Ai ơi nghĩ lại chớ đừng khinh.

Nhời người học nôm

Chữ nghĩa tây tàu cũng chịu thôi,
Hơi đâu chen chúc mướt mồ hôi.
Nam-phong quốc-ngữ xem chơi vậy
Cũng đủ nôm na góp với đời.

---

(1) No trong mo ngoài đất.
(2) Buộc gốc tảo đánh đáo cả ngày.
(3) Lo bò trắng răng.

Hoa súng than thân

Nhị vàng cánh đỏ khác gì sen,
Giá-trị em đây đáng mấy tiền.
Chót kém mùi thơm mang tiếng tục,
Vì không sắc cạnh chịu thân hèn.
Má đào hôn hít đàn con trẻ,
Phận bạc thuở đời chứng chị em.
Thôi thế nhưng mà thôi cũng phải,
Cõi trần càng khỏi phải đua chen.

VŨ THANH-ĐÀM

Cảm-tình

Trách thay con tạo cợt cầu,
Biết ai mà tỏ mối sầu cùng ai ?
Nghĩ đời thương sót thay đời,
Giọt châu lã chã hồ vơi lại đầy.
Bấy lâu khuya sớm xum vầy,
Giờ sao đã vội nước mây cách vời ?
Nhớ khi cùng học cùng chơi,
Phòng văn dấu cũ là nơi ra vào.
Nhớ khi vui vẻ biết bao,
Thông-huyên tươi tốt lý-đào thêm xuân.
Nhớ khi gió gác giăng sân,
Anh em tình nặng ái ân muôn vàn.
Nhớ khi gặp lúc gian nan,
Mưu này chước nọ luận bàn cùng nhau.
Nhớ khi hóng mát đầu cầu,
Trên mây dưới nước một mầu xanh-xanh.
Nhớ khi thức suốt năm canh,
Tổ-tôm tam-cúc là mình với ai ?
Nhớ khi vận-hạn khôn nài,
Đầy vơi nước mắt đêm dài khóc chung.
Trăm năm tưởng tạc chén đồng,
Noi gương Điền-thị càng nồng dấu thơm.
Giờ sao đã vội lánh phàm,
Nỡ chê cảnh thế mà tham cảnh giời.
Tệ làm chi với ai ôi !
Để ai trong giạ bồi hồi vì ai !
Đêm khuya thở vắn than dài,
Nhớ ai nào biết rằng ai nhớ mình ?

Học-trò trường Bảo-Hộ

TÔ VĂN-THIỆN

THƠ VĂN ĐÀN-BÀ

NHÀN-KHANH THI-VĂN TẬP

Hai kỳ trước bản-quán đăng thơ cụ NHÀN-KHANH *trong mục này, các bạn tân-nữ-sĩ nhiều người đọc thơ cụ lấy làm cảm-tình, có lắm thư tới bản-quán hỏi chỗ Cụ ở để đến chơi tiếp Cụ. Bản-quán nghĩ rằng việc đó cũng là một cái đức tốt của các bạn. Nay bản-quán vui lòng mà giới-thiệu để các bạn biết rằng Cụ hiện ở phố đệ-nhị tỉnh Thái-bình bây giờ, tức là cụ phán Trịnh để ra ông cử Rư vậy.*

Vịnh thu

Thấm thoắt xuân rồi lại đến thâu,
Thoi đưa ngày tháng có bao lâu.
Giăng trong gió mát chung nghìn dặm,
Nước biếc non xanh vẫn một mầu.
Rót chén hoàng-hoa khơi mạch nhớ.
Ngâm thơ Lý-Bạch gợi cơn sầu.
Đăng đài hỏi khách bi thu nhỉ !
Thu đấy mình đây tỏ với nhau.

Vịnh xuân

(Lục bát đoản hành)

I

Xuân xa xuân lại tới gần,
Một vùng giời đất mấy lần mừng xuân.
Giang sơn thanh-đế giữ phần,
Chẳng cho hoa nhuốm bụi trần như xưa.

II

Mưa xuân sái khắp mọi nơi,
Chẳng cho rêu bám ở ngoài vườn xuân.
Trăm hoa đua nở đầy sân,
Vẻ hoa còn thắm mầu xuân còn nhiều.

Bài hát cô dâu

(Bài này làm khi cụ ông còn Tri-huyện Tam-dương, vì có cô dâu đến huyện, hát xong, cụ ông có để một món tiền riêng vào một cái túi để thưởng tư cho cô dâu. Ngờ đâu ở huyện mất trộm, nên món tiền ấy cô dâu không được tiêu. Bà cụ bỡn mà làm ra bài này. Đáng nhẽ không đáng làm gì, song tiếc vì bài văn nhởi hay mà có ý-vị, vậy đã được cụ cho sao thì xin lục ra như sau này.)

Thử hỏi thiên-hạ đố vô sự; lúc thanh nhàn vừa gặp khách cạ-nhi. Ai chiều ai ai có tiếc ai chi, mượn tiếng trúc giấy ti mà cợt nguyệt. Ai có biết tình chăng chẳng biết, túi chung tình hào-kiệt với thuyền-quyên. Tiệc vừa xong giấc bướm nào yên ; dậy sờ túi thì tiền đâu đó tá ? Ngơ ngẩn vậy chẳng tra chẳng hỏi, tâm sự này biết nói làm sao ? Thôi, lấy chi ghẹo mận trêu đào ! Khách tri-kỷ mong sao thì cũng vậy. Nhiều ít hữu-tình chi đấy đấy, biết hoa này đừng hẹn với đông-quân. Bể bàng thay khách tình-nhân !

Ngâm xuân

Gió đông đã giục mái ngoài,
Con oanh riu rít gọi người mừng xuân.
Xuân về hỏi đến chủ-nhân,
Hải-đường còn ngủ vườn xuân đợi chờ.
Hay là hoa hãy còn ngờ,
Quá xuân mới dậy bao giờ lại xuân?
Một năm xuân có một lần.

Tự-thuật

Đêm đông bóng giãi cành mai,
Nghĩ mình mình giận một hai nỗi mình.
Đã sinh ra kiếp phù-sinh,
Còn len vào chốn lan-đình làm chi !
Thà nếm chải hoắc-lê thanh-đạm,
Cái phong-trần chỉ dám bẻ bai.
Lần lần gió tối giăng mai,
Mặc ai tử-các mặc người kim-lâu.
Song dã trót nhuộm mầu hồng phấn,
Phải ôm đồm chút phận hồng nhan.
Những là nắng giải mưa chan,
Thấy hoa vừa thẹn trông vàng nhường e.
Sao tạo-hóa khắt khe chi mấy ?
Kiếp phù-du trông thấy mà thương.
Lối xưa tu đã vụng đường,
Bây giờ gặp bước phong sương mới vừa.
Mai sau hết kiếp bao giờ,
Dẫu rằng phú qui cũng chừa trần gian.
Vi không lên chốn Bồng-sơn,
Thì xin đem xuống cửu-toàn cho xong.
Chân mây mặt đất bóng hồng,
Cây cao bóng mát tâm đồng mặc ai.
Tri-âm những khách Bồng-lai,
Biết đâu cái cuộc trần ai cho mình !
Ước gì vũ hóa hàn sinh,
Quyết lên cho đến cung đình thử coi.
Vui chơi phong cảnh trên giời,
Thử xem có khác cõi đời này không ?

(Nguyễn Mạnh-Bồng *sao-lục*)

Thơ gửi cho bà Nhàn-Khanh

(Của bà phủ Ba, nàng hầu quan phủ Lý-nhân ngày trước)

Ai lên Bất-bạt nhắn nhe cùng,
Nhắn hỏi ai rằng có nhớ không.
Nửa bước xa xa bằng mấy dặm,
Một ngày đằng đẵng vì ba đông.
Giọng thơ tri-kỷ say mê mết,
Ngọn lửa tương-tư đốt cháy nồng.
Khắc khoải năm canh lòng luống những,
Thư tình mở mở lại phong phong.

TỒN-CỔ LỤC

II

Đền Tam-Trung ở tỉnh Cao-bằng

Đền Tam-trung ở làng Gia-cung 嘉恭, huyện Thạch-an 石安, phía đông-nam thành tỉnh Cao-bằng, thờ quan Bố-chính Bùi Tăng-Huy, quan Án-sát Phạm Đình-Trác và quan Lĩnh-binh Phạm Văn-Lưu, là ba ông trung-thần bản-triều.

Ông Bùi Tăng-Huy 裴增輝 tên chữ là Ngọc-Uẩn 玉韞, người đạo Ninh-thuận, tính cương-trực và có khí-tiết, đỗ cử-nhân năm Gia-long thứ mười tám (1819), đến năm Minh-mệnh thứ nhất vào tòa Hàn-lâm, rồi bổ sang chức biên-tu tòa Sử-quán. Vua nghe là người học giỏi và có nết-na, đổi cho làm thị-độc, sung chức « Hoàng-tử tán-thiện ». Năm thứ năm đặc-cách cho làm thiêm-sự, rồi được thăng làm Hộ-lý tỉnh Quảng-trị. Không bao lâu đổi làm quan Doãn-phủ Thừa-thiên, làm việc quan nhằm lỗi mãi, phải giáng dần mất bảy cấp, đổi hàm bổ làm chánh-cửu-phẩm Binh-tì. Sau đổi làm tư-vụ, ra Bắc-thành khám đê, khi về được thăng chủ-sự, lại được thăng luôn viên-ngoại-lang. Năm thứ mười một vào Gia-định, chuyên coi việc lại binh hai tơ, kiêm coi việc từ-chương, bởi thế được quyền-biện trấn-vụ tỉnh Hà-tiên, chưa được một năm bổ lên Bố-chính Cao-bằng.

Ông Phạm Đình-Trạc 范廷擢, tên chữ là Bạt-Khanh 拔卿, người huyện Đường-hòa, tỉnh Hải-dương, là con cháu cụ Phạm Thiêm 范儉, đỗ hương-cống làm Kinh-bắc tham-nghị đời nhà Lê. Ông tính khoan-hòa, ngày thường cùng với người ta giao-tiếp, rất là lễ-phép. Năm Minh-mệnh thứ hai đỗ cử-nhân vào làm hành-tẩu trong bộ, có người bảo để cất nhắc cho, ông nhất-định không chịu, sau cả Triều-đình kén, cất cho ông làm tri-huyện Hà-đông, được ít lâu gọi về bổ chủ-sự, thăng đến lang-trung. Năm thứ 14 bổ lên Án-sát Cao-bằng.

Ông Phạm Văn-Lưu 范文劉, người làng Tân-bình, tỉnh Gia-định, trước ra làm lính, có công được thăng đến chức Lãnh-binh tỉnh Lạng-sơn, nhân khi bấy giờ tỉnh Cao-bằng có giặc, tư giấy sang cầu viện tỉnh Lạng, ông đem một trăm lính cơ sang viện, đến khi thành nghẽn, ông đành chết không chịu theo giặc. Ông Nhạc Vũ-Mục ngày xưa có câu rằng: « Đã là bề tôi võ, thời không sợ chết », thật là ông đáng được câu ấy.

Việc ba ông ấy tử tiết như sau này: Năm Minh-Mệnh thứ 14 Thổ-tư tỉnh Tuyên-quang là Nông Văn-Vân, người châu Bảo-lạc, con quan tri-châu Nông Văn-Bật, được nối chức cha làm tri-châu, tên ấy là người hung tợn lắm. Nhân có anh vợ là tên Ngôi khởi loạn cướp được thành Phiên-an, nên cũng có chí muốn làm loạn, lại nhân can án giết người, tỉnh sai về bắt để hỏi. Người tỉnh sai về đến nơi, tên ấy lấy lính dọa mà bảo rằng: « Tao sắp làm việc to, chả thèm làm tri-châu đâu. Nay mai tao sẽ lên tỉnh, chẳng đợi phải bắt đâu. Nay tao tha chết cho mày, mượn cái mặt mày, gửi về cho quan tỉnh biết. » Chàm vào mặt người ấy bốn chữ rằng: «省官偏賠» nghĩa là quan tỉnh bụng cong queo mà hay ăn của đút, rồi tha cho về, tự xưng là Tiết-chế-thượng-tướng-quân; họp đồ-đảng đến hơn một vạn người, kéo lên đánh vỡ tỉnh Tuyên-quang, Bắc-kạn,

sang quấy nhiễu tỉnh Thái-nguyên, vây thành tỉnh Lạng, bắt ông Tuần-phủ, thế rất là mạnh, đi đến đâu tan đến đấy, lan sang địa-giới Thạch-châu tỉnh Cao-bằng. Quan Bố Cao-bằng bảo quan Án rằng : « Giặc mới vào cõi chưa biết ta thực hư thế nào nên phục binh mà chẹn nó đi. » Để quan lĩnh ở lại giữ thành, cùng với quan án đem quân tiến lên, khi đến nơi thì quan Tri-châu Thạch-lâm đã phải bắt đi rồi. Thế giặc dữ như con cắt, mình ít giặc nhiều, không địch lại nổi, bao nhiêu chỗ phục binh, phải để quân nghi-binh làm ngờ giặc, rồi tìm đường lui về.

Tỉnh có ít quân lắm, đánh hay giữ đàng nào cũng khó, ông làm sớ tâu vua, xin rời kho tàng và lập thêm đồn để làm cách giữ cho bền chặt. Vua cho là việc làm như thế không được, giáng ông bốn cấp lưu.

Khi bấy giờ bọn cướp đến bẩy tám nghìn, tiến đến gần tỉnh-thành, đốt phá cướp bóc, và đắp núi đất, cả ngày bắn vào thành, đạn xuống như mưa.

Ông cùng với quan án, quan lĩnh, cố sức giữ thanh, được hơn một tháng, thuốc đạn gạo muối gần hết, mà viện-binh không đến, càng ngày càng nguy, ông trèo lên lầu chuông, thấy quan quân voi ngựa, ầm ầm kéo đến, trong bụng mừng thầm mà bảo quan án rằng : « Quân viện-binh đã đến, chúng ta nên hết sức đợi. » Bỗng đâu nghe thấy giặc truyền gọi rằng : « Tuần-phủ Lạng-sơn đã ở đây rồi, thành Lạng-sơn ta lấy được rồi, nếu không hàng thời ta làm cỏ cả thành. » Ông lên lầu xem thấy Tuần-phủ Hoàng Văn-Quyền ngồi trên mình voi thật. Sai lính đáp lại rằng : « Ông Tuần-phủ ấy phải bắt, đã có ông Tuần-phủ khác đến. » Đến tối ông bàn với quan án rằng : « Việc hỏng mất, thà rằng mình chịu chết, để cho quân lính ở trong thành được toàn vẹn còn hơn. »

Ông mặc triều-phục tử tế, trông về cửa Quyết lạy xong, đốt cả áo chầu và cả bằng sắc, rồi tự tử chết. Quan lĩnh cũng tự tử theo.

Quan án nói rằng : « Chức-trạch giữ một tỉnh chết, là bổn phận mình, quan bố quan lĩnh có thể lấy sự chết để đền ơn nước, ta không có thể chết được hay sao ? Sai đào một cái hố sẵn, mặc áo chầu trông về cửa Quyết, lạy bốn lạy rồi chui vào hố nằm tử tế, sai lấy đất lấp lại mà nói rằng : « Chết thế để cho được toàn vẹn thân-thể. » Lúc sắp chui vào hố có bài thơ rằng : « Tân-tị đông xuất thân, Quí-tị đông thân tử, quân thân hữu thử thân, phủ ngưỡng tài nhất kỉ, cầu hồ thần sự quân, viết trung giã tắc vị cầu hồ tử sự thân, thọ duyên chỉ nhất hỉ, khuê vi thiên lý trình, sàn phụ dữ ấu tử, tam thập hữu tam nhật, thần lực vân kiệt hĩ, bất năng thủ vương thổ, nguyện tử ư vương sự, phiếu diểu quyết đình vân, chiêm vọng tình hà dĩ. « 辛巳冬出身.癸巳冬身死.君親有此身.俯仰纔一紀.求乎臣事君.曰忠也則未.求乎子事親.壽筵只一喜.暌違千里程.孱婦與幼子.三十有三日臣力云竭矣.不能守王土.願死於王事.縹渺闕庭雲.瞻望情何已. » (Nghĩa là mùa đông năm Tân-tị đỗ ra làm quan, đến mùa đông năm Quí-tị thời chết, quân thân được trông cậy mình, thấm thoắt mới được 12 năm, mong rằng thờ vua cho hết trung, thời trung cũng chưa được, mong rằng thờ đứng thân cho vẹn đạo, thời chỉ có một tiệc rượu thọ là hơi mừng, xa xôi đường nghìn dặm, vợ dại cùng con thơ, tôi giữ thành 33 ngày, sức tôi thực là hết, không thể giữ được đất vua, thời nên chết vì việc vua, chốn Cung-đình mây mờ mịt, tình ngóng trông khôn xiết kể.)

Ông có làm bộ *Học ngôn thi tập* 學言詩集 và *Họa hồ tập* 畫葫集, ông Thương-sơn làm bài tựa trên đầu.

Khi giặc đã yên ổn, quan tỉnh lấy việc ấy tâu lên vua, vua có lời dụ rằng: « Đương lúc cơ nguy, các viên ấy đành là chịu chết, không thèm sống nhục, tình thật đáng thương, sai các quan tỉnh ấy chọn chỗ đất cao ráo, làm đền lên thờ, để làm gương cho những người bề tôi hết tiết với vua. » Ngoài cửa đền có cái biển đề ba chữ « 三忠祠 » (*Tam-trung-từ*).

Than ôi ! Đền cao vòi vọi, vua nhớ tôi ngay, hồn thiêng đi lại, gió thổi cờ bay. Ở đỉnh núi Thông hay bên sông Hiến, vẫn còn vơ vẩn đâu đây ? Kẻ qua đất ấy, ai chẳng quì gối mà liệm tay ? Người nghe truyện cũ, ai không dựng tóc mà chau mày ?

Vậy người sau có bài ca rằng :

Tất phong hàn tuế phấn kiên nụy,
Thái-lĩnh hồng mao đẳng trọng khinh.

Khả khen người chống giữ cô thành, vì ân nặng phải lấy mình làm nhẹ. Dù thẳng-thốt thung-dung thời mặc thế, song cũng liều tiết đá với gan vàng. Miếu *tam trung* nghi ngút khói hương, giấu thơm để làm gương thiên-cổ.

Nhân sinh tự cổ thùy vô tử, lưu thử đan tâm chiếu hãn thanh.

Mượn nhời xưa mà vịnh kẻ trung-trinh, mừng thế-đạo đã gây nên khí-tiết. Cột giới đất dựng nền Nam-Việt, đem tinh-danh mà ghi với sắt son. Nam-nhi tính cuộc vuông tròn !

Tuyết-trang
TRẦN VĂN-NGOẠN biên-tập

CHU-TỬ TRỊ-GIA CÁCH-NGÔN

Cụ CHU-TỬ *nhà Tống là bậc đại-nho thứ nhất ở nước Tàu, bài* Trị-gia cách ngôn *này lức là ngài nhặt những câu cách-ngôn của thánh-hiền trước, nhời nhẽ rất tầm-thường, mà nghĩa-lý rất mật-thiết, không khác gì một quyển giáo-khoa-thư về gia-đình giáo-dục, nhân dịch ra quốc-văn để đàn bà con trẻ cũng biết. Những bậc cao minh quân-tử chớ nên cười rằng học-vấn trẻ con.*

NAM-THẠCH

Chu-công là bậc đại nho,
Đặt làm bài huấn trị gia dạy rằng :
Mờ sớm dậy xét từng mọi việc,
Nhà trong ngoài rầy quét mọi nơi
Đêm khuya rồi sẽ nghỉ ngơi,
Chính mình điểm xét tay cài khóa then.
Hạt cơm cháo giữ gìn kính trọng,
Nghĩ đến người làm ruộng khổ công.
Sợi tơ mảnh giẻ được dùng,
Thường suy vật lực khó lòng mới nên.
Khi mưa gió dự tiên khu xử,
Cửa nhà chăm gìn giữ hôm mai.
Chớ chờ chết khát đến nơi,
Mới lo đào giếng thôi thôi kịp gì.

Mình tự phụng giữ bề tằn tiện,
Thết khách đừng ngày tháng lưu liên.
Đồ dùng sạch sẽ vững bền,
Tuy rằng sành ngói mà hơn ngọc vàng.
Thức ăn uống tinh tường trong trẻo,
Rau dưa hơn cỗ nấu chân cam.
Cửa nhà hòa mĩ chớ làm,
Thấy nơi ruộng tốt đừng tham mưu cầu.
Cô đồng với những loài thầy cốt,
Thực là tuồng quyến giỗ dâm phong.
Vợ hầu mặt phấn má hồng,
Thực không phải phúc khuê phòng nên e.
Nuôi đồng-bộc chớ nên tốt đẹp,
Cấm đừng cho thê thiếp điểm trang.

Tổ-tôn giòng giõi gia-đường,
Dẫu xa tế tự lễ đương tận thành.
Con cháu dẫu bẩm sinh ngu trọc,
Sách thánh hiền phải học cho thông.
Sửa mình mộc mạc làm lòng,
Dạy con phải giữ trong vòng *nghĩa-phương*.
Của phi nghĩa chớ tham mà muốn,
Rượu dẫu vui chớ uống say sưa.
Cùng người gồng gánh bán mua,
Chớ nên ích kỷ để cho hại người.
Thân-lân thấy có nơi nghèo khó,
Mình có thừa bớt đỡ cho nhau.
Kẻ nào khắc bạc cơ cầu,
Cho rằng giàu có nhẽ đâu cửu-trường.
Kia những kẻ luân-thường lộn bậy,
Trông thấy ngay lụn bại cửa nhà.
Anh em chú bác ruột rà,
Bớt nhiều bù ít khắp ra mọi người.
Ở nhà có trong ngoài trên dưới,
Phép phải nghiêm mà nói phải hòa.
Gỉ tai nghe miệng đàn bà,
Sơ tình cốt nhục há là tài giai.
Trọng của cải, nhẹ coi cha mẹ,
Còn nghĩ gì cái nhẽ làm con.
Gả con nên chọn giề hiền,
Cưới sêu tùy tiện chớ phiền sách nhau ;
Kén nàng giâu chỉ cầu thục nữ,
Đừng ham chi lắm của hồi trang.
Những người thấy kẻ giầu sang,
Gia tình nịnh hót nghĩ càng hổ thay!
Lại tưởng đến thói này thêm sỉ,
Gặp kẻ hèn ra mặt rẻ khinh.
Ở nhà răn sự kiện tranh,
Đã sinh kiện, hẳn tan tành về sau.
Ở đời chớ lèo lèo hay nói,
Hết khôn thời giồn giại chẳng sai.
Chớ nên cậy thế cậy tài,
Nạt người vợ hóa con côi khốn cùng.
Chớ tham lấy no lòng ngon miệng,
Giết hại nhiều những giống súc sinh.
Ương gàn giữ lấy phải mình,
Hẳn nhiều nhầm lỗi bất bình về sau.
Cam lười biếng, chịu mầu hèn hạ,
Thời cửa nhà vất vả bao nên.
Mảng chơi cùng ác thiếu-niên,
Lâu ngày ắt có lụy khiên đến mình.
Chịu luồn kẻ lão thành đức độ,
Khi cấp nàn có chỗ nương nhờ.
Nhẹ nghe nhời nói gièm pha,
Vội đem lòng giận ấy là mắc hơi.
Việc tranh cạnh chắc gì ta phải,
Hãy bình tâm nghĩ lại cho công.
Làm ơn coi thoảng như không,
Chịu ơn nên tạc vào lòng chớ quên.
Phàm xử sự nên thừa địa-bộ,
Đắc ý rồi chớ có quen mui.
Thấy ai có sự mừng vui,
Chớ nên sâu suốt đôi hồi ghét ghen.
Thấy ai gặp cơn đen tai vạ,
Chớ nỡ lòng mừng rỡ mỉa mai.
Làm điều thiện muốn khoe người,
Hiếu danh nào phải tính giời suất-chân.
Điều ác sợ ngoại nhân biết được,
Ấy mới là âm-ác tay giả.
Thấy sắc đẹp nổi lòng tà,
Báo ngay thê nữ trong nhà gian dâm.
Đem thù oán âm ngầm hãm hại,
Còn cháu còn lụn bại về sau.
Gia môn hòa thuận một mầu,
Dẫu rằng bữa cháo bữa rau vui thừa.
Thuế nhà nước sớm lo đủ trước,
Dẫu túi không cũng được vui yên.
Học hành bắt chước thánh hiền,
Làm quan trung với bề trên nước nhà.
Cứ biết giữ phận ta cho đủ,
Còn rủi may thì phó tại giời.
Trăm năm trong cõi làm người,
Giữ gìn như thế đời đời mới xong.

Nam-thạch TRỊNH XUÂN-NHAM.

TIỂU-THUYẾT

TRUYỆN CÁI GẬY SONG

Tiểu-thuyết Pháp của ALFRED DE VIGNY

PHẠM QUỲNH *dịch ra quốc-ngữ*

I

Một đêm đáng ghi nhớ

Đêm ngày 27 tháng 7 năm 1830 có cái khí-vị lặng-lẽ mà trang-nghiêm. Bình-sinh cái vận-mệnh đã từng đem cho con mắt tôi được trông mấy cái cảnh-tượng kinh-quái hơn, nhưng không cái nào ngày nay tôi còn nhớ bằng cái cảnh-tượng đêm hôm ấy. — Giời bể trước khi gió-bão thường bình-tĩnh, mà cái bình-tĩnh ấy xem ra uy-nghiêm ; cái cảnh-tượng thành Ba-lê trước ngày loạn Cách-mệnh cũng bình tĩnh như thế mà xem ra lại uy-nghiêm hơn nữa. Đường phố vắng ngắt. Bấy giờ vào quá nửa đêm, tôi đi một mình suốt dọc đường, mắt cố-ý nhìn, tai cố-ý nghe. Giời trong-chẻo, sao nhấp-nhánh, như tỏa xuống mặt đất cái khí sáng mờ ; nhưng các nhà thì đèn lửa tắt, đóng kín-mít, như nhà bỏ hoang vậy. Đèn thắp các phố gẫy cả. Còn một vài bọn thợ họp tập nhau ở gần mấy gốc cây, nghe một nhà diễn-thuyết nào đứng mập-mờ đâu đấy đương giúi cho những nhời bí-mật, giọng thì-thầm. Rồi tản nhau ra mà chạy, đâm nhào vào những phố chật-hẹp và tối-tăm. Đến trước những cái cửa lối đi nhỏ đứng rán mình vào đấy, cửa mở hé ra như cái cửa hầm, người chui vào, cửa lại sập lại. Bấy giờ không thấy đông-đậy gì nữa, trong thành-phố tựa hồ như người chết hết cả, mà các nhà thì đều bị mắc bệnh dịch vậy.

Cách từng quãng, lại thấy một đám đen đen, yên-lặng không động-đậy gì, đi chạm đếnận nơi mới nhận biết là cái gì : tức là một đội quân vệ-binh đứng đấy, không động-đậy mà cũng không nói năng. Cách xa có một pháo-đội, súng đã cắm nòng thấp lửa rồi, trông trong đám tối nhấp-nhánh như hai ngôi sao.

Trông những đám quân đứng đấy có bề uy-nghiêm mà lặng-lẽ, tưởng như người đi đường đi qua trước mặt cũng không hề gì, muốn đi, muốn lại, muốn lượn chung quanh cũng chẳng ai hỏi đến một câu, chửi cho một nhời, nói cùng một tiếng. Thực là những người không có cái lòng làm hại ai, không có cái bụng tức giận, ghen-ghét gì cả. Phận-sự phải ra đứng đấy thì cũng là đành phận mà đợi giờ.

Tôi đến gần một đội đông người nhất thì có một viên quân-quan đi lại tôi, chào một cách rất lễ-phép, mà hỏi tôi cái ngọn lửa đằng xa trông sáng rọi vào cửa Thánh-Đức-ni (Saint-Denis) có phải là lửa đám cháy nào không ; ông ta đương sắp cùng đội binh tiến đến xem thực-hư thế nào. Tôi nói rằng ngọn lửa ấy là do mấy người chủ nhà-hàng thừa lúc rối-loạn, hạ mấy cây cồ-thụ che lấp mất cửa hàng của họ, mà đem đốt đi. Bấy giờ viên quân-quan ấy mới ngồi xuống một cái ghế đá, lấy cái gậy song vẽ những hình thẳng, hình tròn lên trên cát. Tôi trông thấy thế mới nhận được ông ta, mà ông ta thì trông mặt mà nhận được tôi. Bấy giờ tôi đứng trước mặt ông ta, ông ta bắt tay tôi mà mời tôi ngồi bên cạnh.

Ông ấy tức là ông đại-úy Lôi-nộ. Đại-úy làm người chính-trực nghiêm-cẩn, học-vấn rộng, trong vệ-binh thời bấy giờ thường có nhiều người như thế. Bọn chúng tôi đã quen biết cái tính-cách phong-thói của ông; nguyên tên Lôi-nộ ấy, là quân-lính đặt cho ông, thực là cái tên một nhà võ-sĩ; các quân-quan cũng theo gọi như thế, mà ông thì cũng cứ điềm-nhiên mà nhận. Phàm những quân-đội cũ, trải lúc bình-thời vẫn giữ được trọn-vẹn, thì cũng tức như những nhà cựu-tộc, thường hay có cái thói thân-mật, đặt những tên riêng mà gọi các người trong nhà. Đại-úy có thói quen bao giờ cũng chống vào cái gậy song ấy là nguyên xưa phải một vết thương ở ống chân phải. Cái gậy song ấy chỗ tay cầm lạ lắm, ai mới trông thấy một lần cũng phải nhìn kỹ. Đi đâu cũng cầm gậy, mà thường cầm ở tay luôn. Đó là cái thói quen của ông như thế, không phải là có ý làm dị-dạng gì cả; vì thái-độ ông vốn giản-dị và nghiêm-cẩn lắm. Song xem ra ông có ý trân-trọng cái đó. Trong vệ-binh ông được người tôn phục lắm. Ông không có tham-vọng điều gì, hiện làm chức đại-úy pháo binh, cũng an-phận như thế mà thôi; ông đọc sách luôn, ít nói, có nói thì nói tiếng một mà thôi. Người cao nhớn; mặt xanh mà buồn, trên trán giữa hai đám lông mày có một cái vết thương nho nhỏ sâu, thường xanh mà hóa ra đen, khiến cho cái nét mặt ông vốn lặng nhạt mà có lúc trông ra dữ tợn.

Quân lính mến ông lắm; nhất là hồi trận Tây-ban-nha, người ta thường nhận đội nào có ông « Gậy song » cầm quân thì quân lính chầy vui vẻ lắm. Mà thực là cái « gậy song » cầm quân thật, vì đại-úy Lôi-nộ không hề mang gươm ở tay bao giờ, dù những khi đi đầu bộ-binh, vào tiếp-cận với quân địch cũng vậy, không sợ có khi nhỡ ra phải vào đánh áp-chiến.

Đại-úy không những là một người sành nghề binh, lại còn thông thuộc cả những việc chính-trị nhớn trong Âu-châu về đời Đế-chính [1], khiến cho người ta không biết bởi đâu mà thuộc như thế, có người cho là bởi học rộng xem nhiều, có người cho là vốn quen biết đã lâu những nơi quyền-quí, mà đại-úy lại là người cẩn-thủ không hay nói nên không ai biết.

Vả cứ xét ra cái tính chung của người đời nay, chính là cái tính cẩn-thủ ấy, đại-úy chẳng qua cũng là đem cái tính chung ấy đến cực-điểm vậy. Ngày nay phàm nhân-cách sự-nghiệp hình như ẩn cả ở dưới cái nết mặt lễ-phép mà lạnh-nhạt. Bởi thế nên tôi thường thấy có người tả người đời nay là những người khoáng-đãng, tôi tưởng không mấy người cho bức tranh ấy là hệt. Ở nước Pháp cái thói kiêu-sức lại khó coi hơn là ở các nước khác, dễ cũng vì thế mà người ta không hay phô-lộ ra ngoài mặt, ra nhời nói, cái tình-dục giời-giào ở trong lòng, ai ai cũng cố cầm-giữ lấy trong người những sự cảm-động mạnh, những sự buồn-bực sâu, những sự ngẫn-hứng lạ. Tôi thiết-tưởng không phải cái văn-minh nó làm cho người ta kiêu-nhược mà thành ra da-cảm, tôi xem nó lại che lấp cái tình-cảm của người ta đi. Tôi thú thật cái đó là một cái hay, và tôi yêu cái tính cẩn-thủ của người đời ta. Dưới cái vẻ lạnh-nhạt bề ngoài ấy, có cái lòng tu-sĩ ở đấy, mà những tình-cảm chân-thực cần phải có tu-sĩ mới được. Lại có cái ý khinh rẻ nữa, đối với sự đời không gì tiện bằng cái lòng khinh-rẻ ấy. Hỡi các bạn gươm-đao ta ơi! trong bọn ta biết bao nhiêu là bạn cũ,

(1) Đời Đế-chính *(Empire)* là đời vua Nã-phá-luân làm hoàng-đế.

các anh tất còn nhớ mà nay nhiều người đã mất rồi. Người thì bị hại ở chốn sa-trường, kẻ thì bị chết vì sự quyết-đấu, lại có kẻ thì phẫn-thân mà tự-tận ; toàn là những người có danh-dự, có nghị-lực, có cái tình-dục mạnh, thế mà trông bề ngoài thì ai cũng có vẻ giản-dị, lạnh-nhạt và nghiêm-cẩn. Lòng tham-vọng, cái ái-tình, sự cờ-bạc, bụng ghen-ghét, bấy nhiêu cái như ngấm-ngầm ở trong người, nhưng không hề nói đến, ai hỏi đến thì nói lảng ra, không để cho chạm đến cái vết thương đau đớn ở trong lòng. Không ai trông thấy họ làm cái bộ sầu-thảm ở những nơi đàn-điếm, để cho thiên-hạ chú-ý đến mình ; có vị phu-nhân trẻ tuổi nào, mới đọc tiểu-thuyết xong, trông thấy nhũ-thuần khụm-núm như thế, chào hỏi lễ phép, nói không to tiếng, tất đã khinh ngay là người tầm-thường ; thế mà các anh cũng biết đó, cái sống cái chết của những người ấy có rỡ ra mặt trượng-phu không ? Cổ-lai chưa dễ đã mấy người bằng. Nào những bậc anh-hùng hào-kiệt trong lịch-sử La-mã ngày xưa như Gia-đông (Caton), như Bối-lộ-đô (Brutus), tuy là những bậc hiền-quí mà xử-sự chưa dễ đã hơn. Cái tình-dục của ta cũng chẳng mãnh-liệt gì kém đời khác, nhưng phải con mắt người bạn mới nhận biết được, mà nhận là nhận ở cái nét đau-đớn ê-chề. Còn bề ngoài, còn nhời ăn tiếng nói, cách đứng dáng ngồi, thì ai cũng có cái vẻ nghiêm-trang lạnh-nhạt, chỉ trừ mấy kẻ tuổi trẻ, muốn làm ra mặt người nhớn, cố phô-trương cho thiên-hạ trông vào. Ngày nay cái thể-thống trong phong-tục là lấy sự lễ-phép làm cốt.

Vẻ lạnh-nhạt bề ngoài, ở nhời nói, ở thói ăn cách ở, mà nó tương-phản hẳn với cái đời người hoạt-động thì không nghề gì rõ bằng nghề quân.

Trong nhà quân không gì người ta ghét bằng cái tính khuếch-khoác, không gì người ta khinh bằng nhời nói của kẻ muốn nói quá-độ cái tình cảm của mình, hoặc muốn làm cho người ta cảm-động đến sự đau-khổ riêng của mình. Tôi vẫn biết thế, nên tôi muốn biệt đại-úy Lôi-nộ ngay, thì khi ấy ông cầm lấy cánh tay tôi mà giữ lại.

Ông nói : — Ông có xem bọn quân «Thụy-sĩ» diễn-tập sáng hôm nay không ? Trông cũng lạ. Họ tập lối « bắn trên đường, vừa tiến vừa bắn », đúng phăm phắp, không sai một li. Từ khi tôi theo nghề quân đến nay, chưa bao giờ thấy dùng đến lối ấy ; lối ấy là lối diễn tập hoa-hòe, lối «tráng quan chiêm» ; nhưng lối ấy mà dùng trong đường phố một tỉnh nhớn thì cũng tốt, cốt là khi toán quân đã bắn xong hai về tả hữu phải họp lại đằng trước cho nhanh.

Ông vừa nói vừa lấy đầu gậy vạch xuống đất ; rồi từ từ đứng lên, đi theo dọc đường phố, có ý muốn xa đám quân-quan và binh-lính đứng đấy ; tôi cũng theo ông. Ông vừa đi vừa nói, giọng hùng-hồn, tựa-hồ như không định nói như thế mà thành ra nói như thế, tôi nghe lấy làm thích lắm, vì tôi không ngờ ông có cái giọng ấy, ông xưa nay người ta vẫn cho là người lạnh-nhạt.

Ông bảo tôi rằng : « Tôi phiền ông một việc, xin miễn-chấp cho. Ông có còn giữ cái cổ áo cao hiệu quân Vệ-binh thì ông làm ơn bảo đem cho tôi mượn. Cái của tôi, tôi để ở nhà, không thể sai người về lấy mà cũng không thể tự về lấy được, vì họ cho chúng tôi như bọn chó dại, gặp trong phố chúng nó bắn chết. Nhưng ông bỏ nghề quân đã ba bốn năm nay dễ ông không còn giữ nữa. Tôi, tôi cũng đã xin từ chức được nửa tháng nay rồi, vì tôi chán nghề quân lắm ; nhưng hôm kia tôi xem nhời sắc-lệnh thì biết sắp phải dụng binh. Tôi buộc cả bộ quân phục, đôi ngù vàng, chiếc mũ lông làm một bó, rồi lập tức rá trại linh tìm bọn anh em mình, là bọn họ sắp sai đi bỏ xác khắp mọi nơi. Anh em tất trong bụng

nghĩ rằng tôi mà bỏ anh em giữa lúc nguy hiểm này là không phải ; làm thế là trái với đạo Danh-dự, quyết là trái với đạo Danh-dự, ông nghĩ có phải không ?

Tôi bèn hỏi rằng : — Thế khi xin từ-chức thì ông có dự biết rằng sắp có sắc-lệnh không ?

Ông đáp : — Thực không biết ! mà đến nay tôi cũng chưa đọc.

Tôi nói : — Thế thì cớ gì mà ông ân-hận ?

Ông nói : — Chỉ có cái bề ngoài thế thôi, tôi không muốn người ta xét bề ngoài mà trách được tôi.

Tôi nói : — Như vậy thì khả-phục thực.

Đại-úy Lôi-nộ bấy giờ bước nhanh chân lên, vừa đi vừa nói : — Khả-phục ! Khả-phục ! Tiếng ấy ngày nay thành thông-dụng. Thực là một tiếng trẻ chơi ! Tôi ghét cái cảm-phục, vì nó sinh ra nhiều sự xấu lắm. Cái lòng cảm-phục ngày nay người đời bán rẻ lắm, ai mua cũng được ; ta phải nên giữ gìn, đừng có lấy cái lòng sốc-nổi mà cảm-phục. Sự cảm-phục ngày nay đã bại hoại đi rồi, nó lại làm cho người ta bại hoại đi nữa. Mình làm được sự gì hay, là để tự mình biết lấy mình, không phải để người ta khua chuông gõ mõ cho mình...

Đến đấy ông nói phắt một câu rằng : — Vả tôi có cái ý-kiến riêng của tôi về khoản đó.

Nói thế rồi, ông muốn từ-biệt tôi.

Tôi nói : — Ở đời không gì đẹp bằng làm một bậc đại-nhân-vật, tôi thiết-tưởng làm một người danh-dự cũng chẳng đẹp kém gì.

Ông bắt tay tôi ra tình thân-ái, rồi nói vội-vàng rằng : « Tôi cũng nghĩ như ông ; cái ý-kiến ấy là ý-kiến chung của đôi ta. Bình-sinh tôi vẫn thực-hành cái ý-kiến ấy, nhưng kể cũng khốn-nạn lắm. Người ta vẫn tưởng là dễ, có dễ đâu. »

Đến đấy thì viên thiếu-úy trong đội ông đến xin ông một điếu thuốc lá. Ông kéo mấy điếu trong túi áo ra, đưa cả cho, không nói gì : bọn quân quan mỗi người hút một điếu, đi bách-bộ, lẳng-lặng bình-tĩnh như thường, như cái cơ-hội lúc bấy giờ không khiến ai bối-rối chút nào, không ai hề nói đến sự nguy-hiểm nhỡn-tiền, đến cái nghĩa-vụ của mình, mà cái nghĩa-vụ ấy, sự nguy-hiểm ấy, không ai là không biết thấu vậy.

(Còn nữa)

THỜI-ĐÀM

(Từ ngày 20 tháng 12 năm 1917 đến ngày 20 tháng 1 năm 1918)

Hai bài diễn-thuyết trọng-yếu về việc chiến-tranh

Thuộc về sự chiến-tranh thì trong tháng mới rồi việc hành-chiến ít mà việc ngôn-luận nhiều, hình như các tướng võ nhân mùa đông tháng rét tạm nghỉ ở nơi chiến-trường, để các tướng văn bàn-bạc ở nhà nghị-hội. Trong thượng-tuần tháng giêng này có hai bài diễn-thuyết rất quan-trọng về việc chiến-tranh, quan-trọng chẳng kem gì hai trận đại-chiến vậy. Một bài là của quan thủ-tướng nước Anh, Lôi-đức Kiều-trị (Lloyd George), một bài là của quan đại-tổng-thống nước Mĩ Uy-nhĩ-đốn (Wilson). Người ta thường nói người Anh người Mĩ không nói phiếm bao giờ, nói thế nào là trong bụng đã quyết như thế, nhời nói chỉ để biểu cái ý làm mà thôi. Như thế thì nhời của tổng-thống Mĩ, của thủ-tướng Anh, tất là những nhời có giá-trị, không phải nhời tầm-thường. Mà thực các báo trong thế-giới bình-luận về hai bài diễn-thuyết ấy nhiều lắm, đồng-thanh nói rằng từ khi chiến-tranh đến giờ chưa từng có bài diễn-thuyết nào của các nhà chính-trị quan-trọng bằng hai bài ấy. Hai bài cùng giải cái mục-đích sự chiến-tranh, một bài giải mục-đích của nước Anh, một bài giải mục-đích của nước Mĩ, nhưng gồm lại cũng là mục-đích chung của cả phe Đồng-minh vậy.

Các điện-tín về việc chiến-tranh thường ngắn, nói lược qua mọi việc mà thôi, thế mà mấy cái điện về hai bài diễn-thuyết ấy thực dài, kể rất tường, liệt ra từng đoạn trong thuyết-văn. Xem đó cũng đủ biết là quan-trọng vậy.

Nay theo nhời điện kể đại-ý như sau này.

Trước nói bài diễn-thuyết của thủ-tướng Anh. Điện Ba-lê (Paris), ngày 6 tháng 1 năm 1918: Ở Luân-đôn (Londres), Lôi-đức Kiều-trị (Lloyd George) đọc một bài diễn-thuyết trọng-yếu về mục-đích sự chiến-tranh của các nước Đồng-minh. Ông nói rằng mục-đích của nước Anh không phải là muốn phá-hoại phân-cát nước Đức, dân Đức, không phải là muốn phá-hoại nước Áo-Hung, không phải là muốn cướp của nước Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie) thành Quân-sĩ-đán-đinh Constantinople) cùng những đất có giống người Thổ ở. Ông lại nói rằng muốn cho cuộc hòa-bình được lâu bền, phải mấy điều cốt-yếu như sau này: phải khôi-phục lại nước Tỉ (Belgique) về đường lĩnh-thổ, về đường kinh-tế, và đền cho nước ấy những sự bị phá-hại; phải khôi-phục lại nước Tắc (Serbie), nước Môn (Monténégro), giả lại đất cũ của nước Pháp, nước Ý, và triệt những quân ngoài ở các nước ấy về. Nước Anh sẽ kiệt-lực cho đến chết cũng không hề, để giúp cho Pháp-dân-quốc hạch lại cái án oan năm 1871, vì án ấy mà hai tỉnh của Pháp đã bị cưỡng-sáp vào nước Đức. — Nước Anh quyết cùng với các dân-quốc Pháp, Ý và các nước Đồng-minh khác theo đuổi sự chiến-tranh cho đến cùng. Cả Đồng-minh cũng vẫn sẵn lòng cùng với nước Nga theo đuổi việc chiến-tranh; nhưng nếu các chính-phủ bên nước Nga muốn lìa với Đồng-minh cũng chẳng có kế nào mà can-thiệp vào để giữ cho nước ấy khỏi cái nguy to về sau này. Nước Anh vẫn sẵn lòng để cùng các Đồng-minh bàn mọi việc có quan-hệ với nhau. Như cái vấn-đề về các thuộc-địa nước Đức Đồng-minh đã chiếm được thì sẽ tùy cái ý muốn, cái lợi-quyền của người dân bản-xứ mà giải-quyết. — Kết luận thì ông Lôi-đức Kiều-trị nói rằng: 1° Từ nay các nước phải lấy sự tôn-trọng các điều-ước là một cái nghĩa-vụ thiêng-liêng; 2° Điều đình những việc thuộc về lĩnh-thổ các nước thì phải lấy cái quyền tự-chủ của các nước làm nền gốc; 3° Phải đặt một cái « quốc-tế-co-thể » (*Organisme international*) để hạn-chế sự võ-bị của các nước, để ngăn cấm lấy cái hoạn chiến-tranh về sau này.

Ấy đại-khái bài diễn-thuyết của thủ-tướng Anh như thế. Trong điện lại nói thêm rằng quan thủ-tướng Pháp Khắc-lôi-môn-tô (Clémenceau) có điện sang thay mặt cả chính-phủ và quốc-dân Pháp mừng ông thủ-tướng nước Anh về bai diễn-thuyết ấy, nói rằng ông đã khéo biểu-dương những nhẽ chân-chính của Đồng-minh để đối với những nhời giả-dối của nước Đức.

Sau bài diễn-thuyết của thủ-tướng Anh mấy ngày, thì Đại-tổng-thống nước Mĩ Uy-

nhĩ đến cũng đọc một bài bá-cáo ở Quốc-hội (*Congrès*) nước Mĩ, Biện Ba-lê ngày 9 tháng 1 năm 1918 truyền đại-ý nhời bá-cáo có 14 khoản như sau này :

1° Phàm hòa-ước đến khi đã đinh định xong phải công-bố cho thiên-hạ biết, không được làm mật ước riêng với nhau.

2° Ngoài hải-phận riêng của từng nước, tầu các nước được tự-do thông-hành.

3° Các nước đã ký hòa-ước phải bỏ cả mọi sự ngăn-trở về đường kinh-tế, việc thông-thương phải bằng-dẳng như nhau.

4° Các nước phải giảm quân-bị, chỉ để đủ dùng cho việc nội-phòng mà thôi.

5° Phàm những vấn-đề thuộc về các thuộc-địa, nên lấy lòng quảng-đại công-bằng mà giải-quyết, lấy ý chung của dân bản-xứ làm chuẩn-đích.

6° Triệt quân ngoài ở toàn-hạt nước Nga về. Liệt-cường phải hiệp-lực cho nền chính-trị nước ấy được tự-do mà thành-lập.

7° Triệt quân ở nước Tỉ về, khôi-phục cho nước ấy được quyền tự-do.

8° Triệt quân ở các địa-hạt nước Pháp bị chiếm-cứ, sửa lại cái tội đã phạm với nước ấy năm 1871, vì tội đó mà cuộc hòa-bình của thế-giới đã bị nguy-hiểm trong năm mươi năm nay.

9° Định lại đường địa-giới của nước Y-đại-lợi, theo cái dân-tộc-chủ-nghĩa.

10° Tìm cách cho các dân-tộc trong đất Áo-Hung được tự-trị.

11° Triệt quân ở nước Lỗ (Roumanie), nước Tắc (Serbie), nước Môn (Monténégro) về. Nước Tắc thì cho có đường thông với bể. Sự giao-tế các nước ở bán-đảo Ba-nhĩ-căn với nhau sẽ định theo giới-hạn của các dân-tộc, như trong lịch-sử, và liệt-cường sẽ hợp ước đảm-bảo cho các nước ấy.

12° Nước Thổ-nhĩ-kỳ, trừ ngoài dân Thổ còn các dân-tộc khác sẽ được quyền tự-trị. Eo bể Đạt-đán-niên (Dardanelles) đặt làm nơi công-cả ng của cả liệt-cường.

13° Nước Ba-lan (Pologne) được độc-lập, có đường thông ra bể, có liệt-cường đảm-bảo.

14° Các nước họp nhau thành hội Liệt-quốc để đảm-bảo quyền độc-lập, quyền lĩnh-thổ-hoàn-toàn của các nước nhớn nước nhỏ.

Trong điện lại nói thêm rằng khi Tổng-thống tuyên đến khoản thứ 8 về hai châu Á-tản-Lô-liên (Alsace-Lorraine) bị mất cho Đức năm 1871 thì cả Quốc-hội đứng lên biểu đồng-tình một cách rất trịnh-trọng. Người ta tưởng rằng nhời tuyên-cáo của Tổng-thống tất có ảnh-hưởng tốt đến tình-thế nước Nga, và cùng với bài diễn-thuyết của thủ-tướng Anh làm lần lót vậy.

Tổng-thống kết-luận nói rằng : Các chính-phủ, các dân-quốc phải hiệp-lực mà chống-đối với đảng đế quốc, cho đến ngày nghị-hòa xong. Đồng-minh ta không phải là ghen cái sức mạnh của nước Đức, không phải là muốn hại nước ấy. Bản-tâm ta không phải là muốn dùng binh-khí, dùng những kế-hoạch thuộc về sự buôn-bán mà công-kích nước Đức. Nếu nước Đức thuận hiệp-lực với ta để kết-định những nhời ước cô g-bằng, thì ta cũng sẵn lòng ưu-đãi nước ấy, không ép nước ấy phải thay đổi lại chế-độ trong nước. Còn như các nhà chính-trị Đức diễn-thuyết ở Hội-nghị nước ấy thì ta muốn biết những nhời diễn-thuyết ấy là đại-biểu ý-kiến của phần nhiều người trong nghị-hội, hay là chỉ đại-biểu ý-kiến của một đảng quân-nhân mà thôi. Về phần ta thì ta chỉ vị nghĩa Công-lý Tự-do cho cả các dân các nước trong thế-giới. Quốc-dân Mĩ sẽ đem hết sinh-mệnh, danh-dự, tài-sản để giúp cho cái chủ-nghĩa ấy thành được. Thời kỳ này là buổi trọng-yếu nhất trong cuộc chiến-tranh vậy.

***

Cuộc hòa riêng của nước Nga. — Lâm-thời-chính-phủ nước Nga hiện ở trong tay đảng « quá-kích », vẫn cùng với Đức Áo bàn-bạc về sự giảng-hòa. Hai bên vẫn đình-chiến. Quốc-hội Nga sắp họp. Nhưng cứ dư-luận của các báo thì không thể hòa được. Đảng quá-kích tuy nay đương lộng-lẫy, chẳng qua cũng là một phần trong quốc-dân Nga mà thôi. Còn nhiều đảng khác phản-đối với đảng ấy, trung-thành với Đồng-minh, tất có ngày hết sức ngăn ngừa không để cho đảng ấy kết ước. Hiện bây giờ vẫn còn ba tay tướng giỏi là Đức-lôi-bá-sắc-phu (Terebatcheff), Cô-nhĩ-nì-la-phu (Korniloff), và Cát-lôi-đinh (Kaledine) không về bè với đảng chính-phủ, giữ những nơi trọng-yếu, toàn là những tay quyết-chí đánh nhau với Đức.

***

Các đảng chính-trị ở nước Nga ngày nay. — Quyền chính-trị ở nước Nga ngày nay đương ở trong tay đảng « quá-kích », đảng ấy hiện đương mưu giảng-hòa với Đức và phản-bội Đồng-minh. Nhưng các đảng phản-đối đảng ấy cũng nhiều và có thế-lực, tất có ngày họp nhau lại mà phá-đổ bọn quá-kích kia. Vậy giữa lúc phân-vân này nên biết qua các chính-đảng ở nước Nga thế nào thì mới hiểu được rõ tình-thế nước ấy. Nay ta theo các báo tây mà kể cái lược-sự các chính-đảng ấy như sau này.

Các nước Âu-châu thường chia những đảng chính trị làm ba hang : đảng thuộc về bên hữu (*la droite*), đảng thuộc về trung-ương (*le centre* và đảng thuộc về bên tả (*la gauche*). Thường thường thì bên hữu là phần thủ-cựu, trung-ương là phần ôn-hòa, và bên tả là phần cấp-tiến

Như ở nước Nga thì thuộc về bên hữu có hai đảng « đế-chế » (*les monarchistes*) và « quốc-dân » (*les nationalistes*). Đảng « đế chế » thì gồm những nhà qui-tộc, những bọn phú-hộ nhà quê, và một phần bọn tăng-lữ (*clergé*). Chủ-nghĩa đảng ấy là bảo-tồn cho cái chính « quân-chủ chuyên-chế » (*autocratie*), cố giữ lấy ngôi Hoàng-đế, và xướng lên rằng Hoàng-đế có quyền muốn giải-tán Quốc-hội (*Douma*) lúc nào cũng được. Lĩnh-tụ đảng ấy là Mã-nhĩ-cổ phu (Markoff), Tam-mễ-lục-ti-cơ (Zamyslowski), và Ba-li-sĩ-ki-duy-sĩ (Pourychkiewitch) ba người.

Đảng « quốc-dân » thì gồm những bọn chủ ruộng, bọn qui-tộc giầu có, bọn quan-lại to, bọn phú-hào nhà quê và một phần nhỏ bọn tăng-lữ. Chủ-nghĩa đảng ấy là không cho những dân dị-chủng (khác giống với người Nga) được can-thiệp vao việc chính-trị trong nước. Nước Nga là một nước nhớn, có nhiều thứ dân tuy khác giống mà cũng thành từng bộ-phận trong đế-quốc Nga. Đảng « quốc-dân » muốn gạt cả những dân ấy ra ngoài mà giữ phần hơn cho dân thuần giống Nga, không để cho các dân khác được mưu tự-trị tự-chủ. Đảng ấy giữ cái đế-quốc-chủ-nghĩa, muốn thực-hành nhời di-chiếu của vua Đại-Bi-đắc (Pierre le Grand) ngày xưa mà chiếm-cứ lấy cửa Quản-sĩ-đan-đinh (Constantinople) và eo bể Đạt-đán-niên (Dardanelles).

Lĩnh-tụ đảng ấy là bá-tước Ba-bối-linh-ti-cơ (Comte Bobrynski) nguyên làm thương-thư, và Khắc-tư-đa-phu (Khwostoff).

Hai đảng « đế-chế » và « quốc-dân » hai kỳ quốc-hội đầu dung-hợp nhau làm một đảng, gọi chung là đảng « đế-chế », hết sức phản-đối với phần dân Do-thái (Juifs) ở trong nước.

Ngày nay thì đảng « quốc-dân » nhiều hơn đảng « đế-chế », vì cái vấn-đề thuộc về chủng-tộc hiện còn đương kịch-liệt hơn là cái vấn-đề thuộc về chính-thể.

Trung-ương là đảng có thống-hệ và nhất-trí hơn cả. Một mình đảng ấy gồm gần nửa số nghị-viên ở Quốc-hội. Vì đảng ấy có thế-lực nhất hồi mới mở Quốc-hội lần đầu (ngày 16 tháng 10 năm 1905), nên thành tên là đảng « Tháng mười » (les Octobristes). Đảng ấy gồm ngót nửa bọn chủ ruộng trong nước, bọn quan-lại, một nửa bọn trung-lưu-xã-hội (nhà nghề, nhà buôn, v. v.), và một ít người thuộc về bọn tăng-lữ.

Đảng ấy vẫn giữ chủ-nghĩa thủ-cựu, đề-xướng cái chính-thể « lập-hiến-quân-chủ » (*monarchie constitutionnelle*) chiếu theo những pháp-lu t đã đặt ra hiến-pháp lần Quốc-hội thứ nhất và thứ nhì. Lĩnh-tụ là Khổ-sĩ-cổ-phu (Goetchkoff), là một nhà công-nghệ nhớn ở thành Mạt-ti-cổ (Moscou), và Lục-đức-tiên-cổ (Rodzianko), là đại-biểu của phái qui-tộc, trước làm nghị trưởng Quốc-hội.

Đảng trung ương có thế-lực như thế, có thể giúp cho nhà vua cũ được mạnh lên nh ều. Nhưng Nga-hoàng Ni-khả-lạp đệ-nhị (Nicolas II), đối với các người ta, mắt trong đảng ấy tuy ngôi thứ mỗi người mà đãi kẻ khinh người trọng, cho phép các người thuộc về phái qui-tộc và bọn quan-lại to được đệ trình các luật-án (*projets de lois*), nhưng không để cho những người thường, không có phẩm-vị như Khổ sĩ-cổ-phu là một tay buôn bán mà thôi, được bình-phẩm chỉ-trích những thói ăn cách ở sa-hoa phung-phá ở trong cung-điện cùng của bọn qui tộc.

Thuộc về bên tả thì là những đảng cách-mệnh, hiện chưa có thống-hệ, còn đương hỗn-độn, phần nhiều là bọn hăng-hái kịch-liệt, muốn làm những sự bạo-động, bao giờ cũng cuồn-cuộn như nồi nước sôi, chưa biết ngày nay đem cái vận-mệnh nước Nga đến bực nào.

Có mấy đảng như sau này :

Đảng « Ca-đê » (nguyên tiếng Nga viết tắt có chữ *K* và chữ *D*, nên đọc là « Ca-đê », *K* là lập-hiến, *D* là dân-chủ), tức là đảng quốc-dân tự-do. Gồm những bọn trung-lưu trong phần dân Do-thái có của nhiều, bọn quan-lại nhỏ, bọn trí-thức (*intelliguentzia*) (tức là những tay làm thầy kiện, làm nhật-trình, dạy học, v. v.). Đảng ấy hi-vọng một cái « lập-hiến-chính-thể » (*régime constitutionnel*) như nước Anh, lấy quyền-lợi của dân mà hạn-chế quyền-lợi nhà vua, nhưng chỉ muốn dung những cách chính-đáng mà không ưa những lối bạo-động. Bọn quan-lại to ghét đảng ấy lắm, vì đảng ấy mà được dự quyền chính-trị thì bọn kia tất có cơ nguy-vong.

Đảng « Ca-đê » cố sức tranh đua để giải-phóng cho bọn dân Do-thái, xướng lên rằng người Do-thái cũng phải được bằng quyền-lợi như người dân Nga. Trong chương-trình đảng ấy có biên cái vấn-đề về ruộng đất

(*la question agraire*), muốn giải-quyết một cách rất bạo : là đặt ra một hội-đồng định giá các ruộng đất, rồi bắt các chủ ruộng phải quân-phân, nhưng chủ ruộng nào có nhiều ruộng đất mà phải thiệt-hại thì nhà nước chiếu giá của hội đồng mà đền lại. Cái vấn-đề về ruộng đất ở nước Nga quan-trọng lắm, vì nước ấy vốn vẫn chia ra làm hai hạng người : một hạng người là những bọn quí-tộc cùng bọn phú-hào thì giữ cả ruộng đất, một hạng người là những bình-dân nhà quê, thì không có đất ruộng mà cầy cấy, chỉ phải đi làm thuê. Nên nhiều đảng chính-trị xướng lên phải quân-phân ruộng đất cho ai nấy cũng có mà làm.

Lĩnh-tự đảng « Ca-đê » là Mễ-lưu-cô-phu (Miliioukoff), Duy-nã-duy-nhĩ (Winawer) người Do-thái, Lạp-địch-xa-phu (Raditcheff), Mã khắc-lạp-cổ phu (Maklakoff), và vương-tước Lã-ngõa-phu (Prince Lwoff), nguyên làm tổng-lý tòa Nội-các.

Đảng « xã-hội dân-chủ » (*Social-démocrates*), thì chương-trình cũng giống như đảng « xã-hội-dân-chủ » nước Đức. Đảng ấy phần nhiều là những bọn thợ, chỉ chủ yêu-cầu mấy khoản như sau này : mỗi ngày làm việc tám giờ, khi già yếu, tật-bệnh, gặp sự bất-kỳ, phải có tiền bảo-hiểm, v. v. Trong đảng « xã-hội-dân-chủ » chia ra làm hai phái : một phái gọi là « miên-sĩ-vực » (*mienchewiki*), một phái gọi là « bảo-sĩ-vực » (*bolchewiki*).

« Miên-sĩ-vực » (tiếng Nga *mienche* nghĩa là « kém », không kịch-liệt bằng đảng kia), ta dịch là « sảo-kích-đảng », đối với « bảo-sĩ-vực » là « quá-kích-đảng ». Đảng sảo-kích thì trong sự yêu-cầu về đường quốc-dân, đường chính-trị, không đến nỗi quá-đáng lắm. Từ khi chiến-tranh, đảng ấy xướng lên cố giữ cho nước khỏi bị quân địch xâm-phạm, nhưng rất phản-đối sự chinh-phục đất ngoài, không hi-vọng muốn chiếm được cửa Quân sĩ-đán-đinh (Constantinople) của nước Thổ ; ưng rút quân Nga ở đất Khắc-li-tây (Galicie) để giả lại nước Áo đất ấy, nhưng muốn cố giữ lấy đất Ba-lan (Pologne) không cho quân Đức-Áo chiếm-cứ. Đại-đề là muốn bảo-tồn lấy địa-giới cũ trong nước, không muốn lấy đất người, cũng không chịu mất đất mình. Đảng ấy giữ cái chủ-nghĩa « cứ y-nguyên như trước chiến-tranh » (chủ-nghĩa ấy người Tây gọi theo tiếng lạp-đinh là *statu quo ante bellum*). Lĩnh-tự đảng « miên-sĩ-vực » là Triết-đức-ti (Tchéidzé), và Ti-duy-đức-li (Tzeveielli).

Đảng « miên-sĩ-vực » trước khi chiến-tranh tự xưng giữ cái « quốc-tế-chủ-nghĩa » (*internationalisme*). Tự khi chiến-tranh thì bỏ tên ấy, nay thành là tên của đảng « bảo-sĩ-vực ».

« Bảo-sĩ-vực » (tiếng Nga *bolche*, nghĩa là « hơn, quá », hết sức kịch-liệt), thường gọi là « quá-kích-đảng » (*maximaliste*). Chủ-nghĩa đảng ấy là hết sức yêu sách những bọn trung-lưu có thế-lực, có tư-bản, phải để cho người dân được thực nhiều quyền-lợi. Nhưng yêu-sách quá thế chắc bọn kia kháng-cự lại, nên đảng ấy muốn nhất-thiết dùng cách bạo-động cho được. Đảng ấy giữ cái ý-kiến rằng sự chiến-tranh này là do những bọn tư-bản (*capitalistes*) nước Anh nước Pháp họp nhau lại hại bọn tư-bản nước Đức để lấy lợi riêng cho mình, nên cố yêu-cầu sự hòa-bình. Đảng ấy nói rằng kết-quả sự chiến-tranh này chẳng có lợi gì cho người dân. Bọn dân lao-động ở nhà thì làm việc nô-lệ trong nhà máy, ra trận thì đem xác hi-sinh cho giặc bắn, thực là khốn-nạn đủ điều ; trong lúc ấy thì bọn tư-bản ngồi ở nhà, ăn sung mặc sướng, muốn cho chiến-tranh mãi để kiếm lời. Như thế thì nên hết sức ngăn-trở cho không chiến-tranh được nữa. Bởi vậy nên từ khi đảng ấy cướp được quyền chính-trị ở nước Nga, chỉ tìm cách đình-chiến cùng giảng-hòa với người Đức, công-nhiên không theo về phe Đồng-minh

Hai đảng « sảo-kích » và « quá-kích » là đại-biểu những bọn thợ-thuyền trong nước. Lĩnh-tụ hách-dịch nhất là Lô-ninh (Lenine) và Đức-lục-ti-cơ (Trotzky).

Lại còn đảng « xã-hội-cách-mệnh » (*Social-révolutionnaires*), muốn vào Nghị-viện thì đổi tên là đảng « lao-động » (*travaillistes*), nghĩa là đảng những người làm việc khó nhọc, như người làm thợ, làm ruộng. Trong thượng-lưu-xã-hội cũng có nhiều người thuộc về đảng ấy, là những người chủ ruộng to, hằng ngày giao-tiếp với bọn nông-dân nhà quê mà biết cái tình cảnh khốn khổ.

Đảng « xã-hội-cách-mệnh » tức là đảng nông-dân, khác đảng « xã-hội-dân-chủ » là đảng có học-thức (như thầy kiện, thầy thuốc, thầy giáo, quan-lại nhỏ).

Chương-trình của đảng nông-dân ấy thuộc về cái vấn-đề đất ruộng mà thôi ; chủ-ý là muốn thu-tịch cả các ruộng đất để chia đều cho bọn nông-dân. Lĩnh-tụ đảng ấy là Kiệt-lăng-ti-cơ (Kerensky), Triết-nhĩ-nộ-phu (Tchernoff), và Bối-liệt-sĩ cách — Bối-liệt-sĩ-cổ-ti-gia phu-nhân (Mme Brechko — Brechkowskaïa).

Ấy đại-khái cái hình-dung các đảng-phái trong Nghị-hội nước Nga như thế.

Hồi cách-mệnh năm 1905 là tự đảng « Xã-hội-cách-mệnh » (tức là đảng nông-dân) khởi ra, hồi cách-mệnh năm 1917 thì tự đảng « Xã-hội-dân-chủ » (tức là đảng thợ).

Phái « quá-kích » (tức là bảo-sĩ vực) trong đảng « xã-hội-dân-chủ », khéo chiếm-đoạt lấy cái khoản cốt-yếu trong chương-trình của đảng nông-dân là sự quân-phân ruộng-đất mà cướp lấy thế-lực của đảng ấy, nhất là thế-lực của người đầu đảng ấy là thủ-tướng cũ Kiệt-lăng-ti-cơ.

Từ năm 1917 thì các đảng chính-trị như đã kể trên kia, thay đổi đi nhiều.

Đảng « Ca-đê » thì bỏ tên « Lập hiến dân-chủ » mà lấy tên « Quốc-dân-tự-do », lấy cái cớ rằng còn vua thì mới chủ sự lập-hiến, mất vua rồi thì chỉ chủ sự khai-phóng cho người dân mà thôi.

Còn hai đảng « Tháng mười » (*Octobristes*) và « Quốc-dân » (*Nationalistes*) thì bãi đi, và dung-hợp vào với đảng « Ca-đê ». Trong đảng « Ca-đê » cũng còn một phần nhiều đảng « đế-chế » (*Monarchistes*) cũ.

Hiện nay thì thuộc về bên hữu phần nhiều là bọn quí-tộc và bọn quân Kha tát-khắc (*Cosaques*), thuộc về trung-ương là đảng nông-dân, thuộc về bên tả là bọn công-nhân, bọn trí-thức và bọn quân-nhân trẻ tuổi.

VIỆC Á-ĐÔNG

Thời cục nước Tàu. — Cái không-khí của chính-trị nước Tàu, bên Nam, bên Bắc thành ra chia rẽ không cùng nhau liên-lạc, cho nên dẫu có nghị-hòa không đánh nhau nữa, song chưa chắc bởi đó mà trong nước đã khỏi đánh lẫn nhau. Kỳ trước bản-quán đã nói rằng: Đốc quân Lý Thuần 李純 chiêu-tập các đại-biểu hai phương tại Nam-kinh để đảm-nhậm sự điều-đình. Nguyên Lý Thuần ngày trước theo ý Phùng 馮 hợp cùng với Đốc-quân Hồ-Bắc 湖北 và Giang-Tây 江西, phản-đối Đoàn Kỳ-Thụy 段祺瑞. Đến khi Đoàn bị đổ, các Đốc-quân về phe Đoàn hội-nghị ở Thiên-tân 天津. Phùng nghe theo lời Tào Côn 曹琨, Trương Hoài-Chi 張懷芝, chuyên dùng võ-lực mà đối đãi phương Nam. Lại thêm nỗi quân-đội của Trương Hoài-Chi và Nghê Tự-Xung 倪嗣沖 sắp đem đến để lấn phương Nam; Lý Đốc-quân thấy vậy sinh lòng tức giận muốn quay về đằng Nam. Một mặt thì phòng-bị sự đánh nhau, trước hết thu lấy nhà « Trung quốc-ngân-hàng » ở dưới quyền coi sóc của mình, lại hạ lệnh động-binh, mà đánh giây thép cự không cho quân bọn Trương, Nghê mượn đường Phố-khẩu 浦口 mà đi. Các sự chuẩn-bị tự-chủ đã xong rồi mới đưa tờ tối-hậu-cảnh-cáo cho Phùng. Phùng thấy thế muốn kéo lại sự ấy, mới nhân có Vương Sĩ-Trân 王士珍 hiện làm thủ-tướng, Vương vốn là người giữ cái chính-sách điều-hòa. Phùng bàn-định với Vương xong mới hạ-lệnh đình-chiến ngày 25 tháng chạp; mà Lý Thuần nhân thế cũng dừng lại không tiến-hành nữa, lại nhận trách-nhiệm làm người điều-hòa; nhưng nghe đâu cái lệnh đình-chiến của Chánh-phủ Bắc-kinh hãy còn mập mờ chưa được thực ý. Mà một mặt thời dự-bị về đường, tranh-chiến. Quân của Tào Côn, Trương Hoài-Chi cứ lẻ tẻ tới dần dần miền Nam. Cho nên cái cuộc điều-hòa của Tàu, e rằng lại đến chẳng ra gì mà thôi. Mà chưa biết sự nội-loạn đến ngày nào yên được.

Ở về mặt Hồ-Bắc thời hai quan sứ-trưởng Lê Thiên-Tài 黎天才 với Thạch Tinh-Xuyên 石星川 đã tuyên-bố độc-lập rồi. Nghe đâu đội tiên-phong của Thạch Tinh-Xuyên đã chiếm được Hoàng-cương 黃岡, mà quân đằng Bắc thì cái lữ thứ sáu của Tào Côn phải đi đã bố trí ở đoạn Nam đường Kinh-Hán 京漢 để phòng-bị.

Ở Nam-Kinh 南京 thời theo như điện-tin ngày mồng mười tháng giêng Tây này rằng: đốc-quân Nghê Tự Xung đánh giây thép về trung-ương chính-phủ, hết sức kể tội Lý Thuần, lại xin với chính-phủ khu-trừ Lý Thuần đi. Mà quân-đội Lý Thuần thời nghe đâu cũng tiếp giáp với quân-đội Trương Hoài-Chi, dự-bị ở Phố-khẩu để khai-chiến. Nếu thế thì Phố-khẩu và Hán-khẩu 漢口 hai nơi đó không thoát khỏi cái vạ đánh nhau vậy.

Hiện bây giờ xem cái biến cuộc của nước Tàu, đã dần dần sô về mặt Trường-giang, mà mặt tây nam như Vân-Nam, Quảng-Tây thì không thấy có cử-động gì. Tổng-tư-lệnh ở Vân-nam là Đường 唐, cũng lấy sự tài-chính thiếu thốn cho nên có ý muốn xong việc để yên dân. Còn tuần duyệt-sứ Lưỡng-Quảng là Lục Vinh-Đình 陸榮廷 tới hiện giữ cái thái-độ di-do với chính-phủ Bắc-kinh.

Duy có việc Long Tế-Quang 龍濟光 ở Việt-Đông 粵東 cùng với Mạc Vinh-Tân 莫榮新 chống nhau là nên chú ý. Gần đây Long (1) ở Quỳnh-Nhai 瓊崖 tuyên-cáo lĩnh

(1) Long lâu nay vẫn làm Lưỡng-Quảng khoáng-vụ-tổng-biện đóng ở Hải-Nam 海南

chức Tuần duyệt-sứ ở Lưỡng-Quảng (1), phái quân đi tuần-tiễu Lưỡng-Quảng. Lục đối với những sự cử động của Long ấy, về ngoài vẫn tỏ ra hình như nhún nhường, chỉ có bộ-tướng của Lục là MẠC VINH-TÂN (2), làm đốc-quân ở Quảng-Đông hết sức phản-đối. LONG phái ngay LÝ PHẨM-GIA 李品嘉 đem quân từ Quỳnh-châu đến Dương-giang 陽江. Đốc-quân Mạc phái « hải-quân chiến-hạm » bất thình lình sấn vào bắt được sáu chiếc tàu tải của LONG. LONG lại chiếm-cứ được hai chỗ Cao-châu 高州 và Lôi-châu 雷州. chính-phủ Quảng-đông đã phái TRẦM HỒNG-ANH 沈鴻英 làm Tổng-tư-lệnh đạo-quân thứ nhất đem mười hai doanh quân để chống với quân LONG.

* * *

Về việc nước Tàu tham-dự vào sự chiến-tranh bên Âu-châu. — ĐOÀN KỲ-THỤY dẫu từ chức ở Nội-các rồi, nhưng bây giờ lại đương ở Bắc-kinh, giữ một cái cơ-quan trọng-yếu, tức là sung vào chức « tham-chiến cục đốc-biện ». Nghe đâu cái mệnh-lệnh dùng Đoàn làm tham-chiến cục đốc-biện ấy là bởi chính-phủ Bắc-kinh định thực-hành cái kế-hoạch tham-dự vào việc chiến-tranh bên Âu-châu, định phái trước một toán quân đến nơi chiến-tràng ở Âu-châu. Việc ấy nghe như chính-phủ Tàu đã ngỏ ý cho các quan Công-sứ của Đồng-minh ở Bắc-kinh rồi. Lại có một tin rằng: tòa tham-chiến cục định ngày mồng một tháng giêng Tây thì thành lập hẳn hoi, đặt ra hai sảnh: tức là sảnh tổng-vụ và sảnh tham-nghị; lại chia là tám khoa: gọi theo số một, hai, ba, v. v. Trong đó thì chia làm quân-vụ, quân-thực, kinh-lý, tác-chiến, binh-điểm, huấn-luyện, biên-tập, thông-báo, từng ấy khoa. Bấy giờ do ở hai bộ Lục-quân và tham-mưu, kén chọn người mà dùng để cho ĐOÀN KỲ-THỤY tự mình được tổ-chức.

Nước Tàu đối với hội « Kinh-tế-đồng-minh » ở Ba-lê (Paris), thì quan Công-sứ Hồ Duy-Đức đã nói sẽ giúp Đồng-minh về khoản lương-thảo. định đến tháng giêng này đến những nơi sản lúa ngô và sản các lúa khác ở trong nội-địa Tàu mà thu-thập, chuẩn-bị để vận-tải qua Âu-châu.

Lại có một tin rằng: chính-phủ Tàu hiện lấy sự phái quân sang Pháp làm một việc trọng đại, nên đương trù-bị mọi việc vận-tải lương-thực. Nghe đâu đã phái quan Trung-tướng ĐƯỜNG BẢO-TRÀO 唐寶潮 làm Ủy-viên-trưởng cùng với quan Quân-sự-tùy-viên ở tòa sứ nước Pháp tổ-chức một hội « đặc-biệt ủy-viên » để tiện bàn bạc mọi việc.

* * *

Các sự cử-động của Nhật-bản. — *Nói về việc nước Nhật-bản đem quân ra Tây-bá-lợi-á.* — Cứ tin về hạ tuần tháng trước thời các tình-hình ở Cáp-nhĩ-tân (Kharbine) là chỗ nước Tàu và nước Nga giáp giới nhau, vì sự nội-loạn nước Nga lan khắp đến mà càng ngày càng nguy-hiểm. Lãnh-sự-đoàn của các nước cho rằng chỗ Cáp-nhĩ-tân dẫu là đất tô-tá về đường sắt Đông-Thanh, nhưng cái chủ-quyền lĩnh-thổ vẫn là ở tay nước Tàu, cho nên yêu-cầu nước Tàu đem quân ra phòng giữ. Nghe đâu chính-phủ Bắc-kinh đã sai hai tỉnh Phụng-thiên 奉天 và Cát-lâm 吉林 đem quân ra đóng ở Cáp-nhĩ-tân ước 3500 lính. Nhưng ngoài ra còn có tin rằng: Người Nhật bản cũng phái quân đến Cáp-nhĩ-tân nữa. Cứ như một ông quan trọng-yếu Nhật nói thời đại ý rằng: về vấn-đề đem quân ra Tây-Bá-Lợi-Á (Sibérie), vốn không phải là nhân sự yếu đuối của nước lân bang mà có cái dã-tâm muốn được lĩnh-thổ đâu, đó là chỉ muốn cứu những người Nhật-bản kiều-cư ở đấy ra ngoài vòng cùng khốn, thực là cái chứng cớ nước Nhật giữ gìn cho sự hòa-bình ở Đông-Á, chỉ làm theo cái phương-trâm cảnh-bị mà thôi. Nhưng cái kết-quả có hại đến chủ-quyền nước Nga, cho nên hiện nay đã có nước Tàu làm đảm-nhiệm cái chủ-quyền lĩnh-thổ, thời phải do nước Tàu xử-lý. Nếu một mai nước Tàu chống giữ khó khăn, đến khi nước Nhật xét ra nếu có can-hệ đến sự yên-ổn cõi Đông-Á, thì nước Nhật không thể không lấy cái lòng quả quyết, biệt làm một cách xử-trí thích đáng. Việc đem quân đi ấy nên giữ một thái-độ thận-trọng vậy.

Nghị-hội lần thứ bốn mươi ở Đông-kinh (Nhật-bản). — Nghe rằng: ngày 27 tháng trước, ở nghị-viện Đông-kinh nước Nhật-bản mở nghị-hội lần thứ bốn mươi. Ngày hôm ấy có vua nước Nhật tới

(1) Chức ấy hiện là Lục Vinh-Đình đương làm.
(2) Lục với Long hai người vốn có tình nhân-nghị.

đó ban lời sắc-ngữ (1) và quan Thủ-tướng Tự-nội 寺内 (Teraoutchi) với các quan quốc-vụ-đại-thần (2). Trước hết hãi họp nhau ở nhà ăn của qui-tộc viện, mở ra « nội-các hội nghị » để dự bàn bạc cái án đối phó với nghị-hội và các vấn-đề khác. Bàn xong đến khi khai viện thì đều xuất-tịch ở nghị-viện. Nghe đâu lần hội-nghị này toà nội-các Nhật-bản định trình ra những khoản thêm thuế và cái sổ dự-toán bội hơn mọi năm, không biết cái án dự-toán ấy có được nghị-viện tán-thành hay không. Vì bằng bị nghị-viện phản đối mà điều dự-tính kia không thành lập được, thì cái tiền-đồ của Nội-các dễ thường có sự nguy hiểm, cũng chửa biết đâu. Nay xin lược kể những yếu-điểm trong kế-hoạch mới về đường tài-chính của chính-phủ Nhật-bản.

Quan Thủ-tướng Tự-nội lâu nay đối với đại-biểu các đảng phái trừ đảng hiến-chính ra không kể thường nói rằng: Nội-các nhân việc quốc-dụng ở năm sau này phải cầu cho được sung-thực; thời không thể không dùng cái chước tăng thuế được. Có tăng thuế mới đủ ứng vào những sự yếu-nhu. Còn cái kế-hoạch dự-toán thời lấy phương-châm như sau này:

1o — Về việc quốc-phòng (quân-sự) cho được sung-thực, thì cốt cầu kinh-phí, để chi dùng những việc cần.

2o — Tùy theo thời thế ngày nay mong cho vận nước tiến-bộ mở mang thêm lên, phải cầu kinh-phí để tính cho sản-nghiệp được phát-đạt, giáo-dục được chấn-hưng, cùng với những cơ-quan giao-thông được chỉnh-bị.

3o — Đối với các khoản kinh-phí thường hết sức bớt đi. Theo cái phương-châm ấy biên làm sổ dự-toán tổng cộng như sau này:

Số thu-nhập trong một năm:

thông-thường	642.400.000 đồng bạc	
lâm-thời	80.100.000 đồng bạc	
Cộng	722.500 000 đồng bạc	

Số chi-xuất trong một năm:

thông-thường	488.100.000 đồng bạc	
lâm-thời	234.400.000 đồng bạc	
Cộng	722.500.000 đồng bạc	

Trongnhững số dự-toán ấy mà phần chi tiêu trọng-yếu nhất là hải-quân và lục-quân. Chiếu như kế-hoạch của chính-phủ Nhật-bản định về hải-lục-quân thì có cái chương-trình như sau này:

Chương-trình thuộc về hải-quân: dự định sẵn trong kỳ hạn sáu năm một khoản tiền là 300.548.000 đồng bạc, năm nay sẽ chi ra 25.448.000 đồng bạc. Cứ theo chương-trình ấy thì định làm các thứ tầu này: tối-tân-thức-đại-tuần-dương-hạm 2 chiếc; trung-đẳng-tuần-dương-hạm 3 chiếc, khu-trục-hạm hạng nhớn 11 chiếc, hạng nhỏ 13 chiếc; tầu ngầm 48 chiếc. Chương-trình ấy là phụ thêm với cái chương-trình trước mà nghị-viện đã duyệt-nhận. Cái chương-trình trước thì định làm 8 chiếc thiết-hạm, 4 chiếc chiến-đấu-tuần-dương hạm, ước đến năm 1923-1924 thời làm xong. Hợp hai cái chương-trình ấy lại thì số tầu chiến của Nhật dự định chế tạo sau này tổng cộng thành một hạm-đội có 8 chiếc thiết-hạm; 6 chiếc đại-chiến-đấu-tuần-dương-hạm. Nhưng mà các quan thuộc về hải-quân hãy còn lấy làm chưa đủ, có nhẽ sau này còn phải tăng lên nữa. Số dự toán hải-quân lại còn định một khoản là 5.850.000 đồng bạc, để đặt ra một đội tàu bay cho hải-quân dùng. Khoản ấy chia làm bốn năm, hiện năm nay thì chi ra 1.580.000 đồng bạc. Lại dự-định một khoản là 29.217.000 đồng bạc, để mở rộng các xưởng chế-tạo thuộc về hải-quân, khoản ấy cũng chia ra làm sáu năm, hiện năm nay thì chi ra 6.593.000 đồng bạc. Lại dự định trong ba năm chi ra 1.196.000 đồng bạc nữa để làm một sở vô-tuyến-điện, hiện năm nay thì chi 398.000 đồng bạc.

Chương trình thuộc về lục-quân: dự-định sẵn trong 18 năm một món tiền là 180.000.000 đồng bạc. Năm nay sẽ chia ra 9.454.000 đồng bạc để tu chỉnh các đồ binh-khí.

Còn những khoản quan-trọng khác thì dự định như sau này: một khoản 27 477.000 đồng bạc để mở rộng các xưởng chế tạo sắc, chia ra làm ba năm, số năm nay 11.581.000 đồng bạc. Một khoản 712.000 đồng bạc, chia ra làm hai năm, để tu chỉnh lại các đường giây thép từ Đông-kinh đến Hán-thành (Kinh-đô nước Cao-ly).

Việc tiêu dùng trong nước đã bành-trướng như thế, thì không thể không tăng thuế được. Mà cái chủ-nghĩa tăng thuế thời cốt làm sao cho suốt những người trong nước được thăng bằng, để giúp cho xã-hội được kiện-toàn mà phát-đạt. Những yếu-hạng về sự tăng thuế như sau này:

1o Thuế sở-đắc,

2o Thuế rượu,

(1) Nhật-bản gọi nhời diễn-thuyết của vua là « Sắc-ngữ ».

(2) Nhật-bản gọi các quan tòa Thượng-thư là « quốc-vụ đại-thần ».

3° Thuế nước chấm (xì-dầu),
4° Thuế tiêu phí về đồ dệt,
5° Thuế tiêu phí về các thứ đường,
6° Thuế tiêu phí về đồ uống mát,
7° Sáu thứ thuế ở trên kia sau khi cải-chính rồi thì bỏ cái thuế thông-hành đi với bỏ thứ thuế tiêu phí về dầu thắp.
8° Thuế về những khoản nhân chiến-tranh mà được lợi,
9° Thuế về tiền lợi những nhà được quyền chuyên-mãi, là quyền được riêng bán,
10° Thêm giá tiền nhà giấy thép.

Chiếu như các hạng thuế đã tăng gia trên này, thì từ nay giở đi tài chính nước Nhật mỗi năm được tăng lên 152.000.000 đồng bạc.

Năm trước khi Nhật Nga đánh nhau, Nhật-bản cũng có một độ tăng thuế trong nước thật nhiều. Nhưng mà lúc có việc chiến-tranh mà tăng thuế cũng chẳng lấy gì làm lạ, nếu đương lúc bình-thường mà tăng thuế như thế, thực là một sự đáng ghê cho tài-chính nước Nhật-bản, xưa nay chưa từng có vậy.

Những dư-luận Nhật-bản đối với cái chương-trình tăng thuế ấy cũng phân-vân bất-nhất. Kẻ phản đối thời bảo rằng phải nên tiết kiệm các sự phí tổn về chính-trị để cho dân được gánh vác nhẹ nhàng. Kẻ tán-thành thời bảo rằng gặp cuộc biến chung của thế-giới, phàm quân-sự quốc-kế nên có món to đủ cung ứng các sự yếu chính. Song cái án ấy thành-tựu hay không, thì thực là quan hệ ở nghị-viện bây giờ tán thành hay không tán-thành đó. Bằng cái án tăng thuế này quả thực được hai nghị-viện ưng thuận, thì từ đây mà đi hải bụ quân của nước Nhật càng thêm cường thịnh, sánh với trước thực là khác lắm vậy.

VIỆC TRONG NƯỚC

Lời cám ơn về việc quốc-trái của quan Toàn-quyền. — Theo thư ngày 22 tháng chạp năm 1917 quan Toàn-quyền khi còn ở Saigon có gửi ra cho các quan thủ-hiến các xứ trong cõi Đông-dương này, cám ơn lòng trung-nghĩa của dân bảo-hộ đã quyên chuyến này được ngót 48 triệu phật-lăng, sánh với năm 1915 và năm 1916 thì là hơn cả. Bản quán nói lược một vài nhời nói ý tứ hay mà dân ta đáng nhớ để các bạn đọc báo cùng hiểu. Ngài có nói rằng : Cứ xét sự quyên tiền của dân bảo-hộ Đông-dương thì ngài không biết lấy nhời gì mà tả cho hết được cái lòng nhiệt-thành ái quốc của nước Đại-Pháp thứ nhì ở cõi Á-đông này, đã tỏ ra rằng đây cũng cùng với Mẫu-quốc một lòng mong sự toàn-thắng, nên ngài cậy các quan thủ-hiến các xứ mang lời cảm ơn của Mẫu-quốc mà nói làm sao cho hết cách trịnh-trọng để dân-đoàn bản-xứ đều được biết, vì lời cám ơn ấy lại là lời cảm ơn của cả toàn-thể quốc-dân bên Đại-Pháp. Ngài đã được cái danh-dự mà khen ngợi các quan thủ-hiến đã tận tâm cổ động việc quyên tiền ấy thì ngài cùng với các quan thủ-hiến lại cúi phục cái sự hảo-tâm của các người bản xứ, vì cũng không ngờ rằng quyên được đến như thế. Hơn ba năm nay sự chiến-tranh càng kịch liệt bao nhiêu thì cái tình-trạng của sự kinh-tế càng nặng nề ra bấy nhiêu, mà ai ai cũng sẵn lòng như thế, kẻ ít người nhiều, tự kẻ hèn đến người sang, ai có đồng tiền nào cũng nhân dịp ấy mà đem ra giúp, không ngờ thế mà được đến như thế. Lắm kẻ lại nặc danh đi mà bỏ tiền quyên, sự quyên ấy càng đáng kính đáng trọng vô cùng, thực chẳng khác những vị dũng-sĩ vị quốc quyên sinh trên đám sa trường, khi ngã xuống không ai biết đến, làm một bậc vô-danh anh hùng của đại-quốc. Bao nhiêu là những thế-lực, lương-tâm, chí-ý, tín-ngưỡng đều góp nhau lại mà tỏ ra cái nghĩa liên-lạc của dân Đông-dương ; sĩ, nông, công, cổ, quan lại, binh lính, đều thấy trong linh-hồn trỗi lợi cái hào-quang bác-ái, người nọ gắn bó với người kia hình như một khối sắt để chống chỏi với cái chủ-nghĩa xâm lược của loài Nhật-nhĩ-man. Mà cái sự quyên tiền của muôn vạn người bản xứ này thực cũng là một cái dấu biết ơn với Mẫu-quốc, Mẫu-quốc cũng hả lòng rằng làm ơn không bị kẻ bội bạc. Kết lại ngài lại nói rằng: Ngài cùng các quan thủ-hiến các xứ Đông-dương này sẽ hết sức mà làm cho cõi Đông-dương được tiến bộ để bù với lòng tử tế của dân. Bọn ta cũng nên ngửa mặt mà trông mong cái ơn huệ nhớn nhao của quan Toàn-quyền vậy.

* *

Quan Toàn-quyền đi kinh-lược về miền cực tây Nam-kỳ. — Quan Toàn-quyền Xa-lộ mới rồi ngài có cùng với quan Thống-đốc Nam-kỳ Le Gallen, và quan Nghị-viên E. Outrey đi kinh-lược tỉnh Hà-tiên,

tỉnh Rạch-giá, tỉnh Long-xuyên và tỉnh Sóc-trang trong miền cực-tây xứ Nam-kỳ, đi đến đâu dân tình đón rước, mừng rỡ tỏ lòng trung-thành, già kính mến ngài vô cùng. Bản-chí tiếc không thể kể rõ ràng cái cảnh-tượng uy-nghi, sự tuần-du nhàn-nhã của một ông sao phúc của triện ức nhà là quan Toàn-quyền ta vậy. Báo Nam-kỳ tân-báo (*Tribune indigène*) kỳ thứ ba ngày 14 tháng này có đăng hết cả những bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền và của quan dân, chức-dịch các tỉnh đọc chức mừng quan Toàn-quyền, xem đó thì biết cái cảnh-tượng cuộc tuần-du rực rỡ là chừng nào!

*
* *

Việc biên-tập bộ dân-luật cho xứ Bắc-kỳ. — Bộ luật mới của xứ Bắc-kỳ bắt đầu thi-hành từ đầu năm nay, mới có bốn phần: luật xếp đặt các tòa án; luật dân-sự tố-tụng; luật hình-sự tố-tụng; luật hình. Trong nghị-định quan Toàn-quyền và nhời dụ Hoàng-thượng nói rằng còn mục dân-luật (*lois civiles*) thì sẽ đặt Hội-đồng vừa quan Tây quan An-nam, xét định về sau. Hội-đồng ấy đã đặt ngay, cử quan Chánh Tòa-án làm chủ hội. Quan Chánh tòa-án có tư tờ sau này về viện Cơ-mật trong Triều, để định công việc với các quan đại-thần có chân Hội-đồng. Tờ tư rằng:

Quan Chánh Tòa thẩm án xứ Đông-dương tư-trình các quan Cơ-mật-viện.

« Nghị-định ngày 16 tháng bảy quan Toàn-quyền hiệp ý với Hoàng-thượng cử tôi làm chủ hội-đồng sửa bộ dân-luật cho người An-nam. Trong hội ấy có ba quan đại-thần thay mặt Triều-đình ra dự bàn.

« Tôi xin gửi đính theo đây để các quan viện Cơ-mật giao cho ba quan ấy một cái sổ có mục sẵn theo đấy mà chua tất cả các điều-kiện thuộc về dân-luật bản-xứ, mà làm ra một bộ luật rõ ràng có thứ tự, có chuẩn-đích.

« Các ngài cũng đã biết chủ-ý nhà nước bảo-hộ khởi lên sự sửa sang luật này không phải là làm trái mất những điển-chương hoặc thay đổi những chế-độ tập-tục rất đáng kính trọng, xưa nay đã làm cơ-sở vững vàng cho xã-hội An-nam, cũng không phải đem vào trong nước những điều mới mẻ đối với phong-tục dân không hợp đâu.

« Công việc bây giờ chỉ cốt là chiếu trong quốc-luật như ở bộ *Hoàng-việt luật-lệ*, bộ *Hội-điển*, v. v. tìm những điều-luật nào có thuộc về dân-luật mà xem ra vẫn còn hiện-hành được. Điều nào không có luật sẵn thì phải tìm trong tục-lệ xem có thể đặt thành luật thông-hành được và không trái với dân-tục.

« Thế cho nên tôi thiết tưởng cái nhiệm-vụ các quan đại-thần dự vào hội-đồng này là đem cái lịch-duyệt của các ngài cùng cái kiến-thức hoàn-toàn về quốc-luật ra để giúp hội.

« Tôi không cần phải dặn các quan nên chú-ý riêng vào việc ấy, chỉ xin các ngài coi những điều tôi đã chua sau đây để tiện cho các ngài làm việc. nếu có chỗ nghi ngờ gì các ngài cứ hỏi tôi, tôi xin sẵn lòng diễn-giải.

« 1° Phàm điều luật nào đã nói rồi, không nên nhắc lại nhời khác đi. Mỗi điều chỉ nói một lần, cốt là nên đặt vào chỗ nào cho chính-đáng thì thôi.

« 2° Nhời luật phải làm cho rõ ràng minh bạch.

« 3° Mỗi điều luật phải cho thông dụng được. Nghĩa là chớ nên thêm ra những qui-tắc riêng về các việc giống nhau, có thể suy-loại mà đem nó vào một cái tổng-tắc nhất-định được.

« 4° Sau nữa, còn điều này nên chú-ý hơn cả là vì đã làm dân-luật thì phải loại những điều thuộc về hình-luật ra. Các quan nên tham-khảo bộ hình-luật, Hoàng-thượng đã tuyên-bố để thi-hành trong xứ Bắc-kỳ ngày mười sáu tháng bảy trước mà nhận những điều nào là thuộc về hình-luật, không nên kể vào bộ dân-luật đương soạn này.

« Dân-luật với hình-luật khác nhau thế nào, các ngài cứ xem mấy điều dẫn-dị như dưới này thì đủ rõ. Hình-luật thì cốt phòng giữ những sự gì mà luật-gia đã kể ra để bạn-chế, ai trái những điều mà luật đã cấm thì phải phạm vào tội đã định trước cho mọi việc. Dân-luật thì định những qui-tắc thuộc về sự giao-thiệp của các người trong một xã-hội với nhau (giao-thiệp về gia-tộc, về tài-sản, về buôn bán, v. v.) Có những qui-tắc ấy thì quan án mới có thể kết đoán trong hai bên kiện nhau bênnào phải, bên nào trái. Bên phải thì có luật bênh nghĩa là được công-nhận rằng mình quyền-lợi chính-đáng. Bên trái thì chiếu luật hoặc phải đền tiền, hoặc phải giả lại của người ta, hoặc phải bỏ những sự yêu-sách bất-công đi mà lại phải chịu cả phí tổn về cái việc kiện ấy nữa.

« Đó là sự phạt, thường khi phạt như thế cũng đã tiệm đủ rồi.

« Tôi xin dẫn một việc mà một người có thể

vừa phạm vào dân-luật, vừa phạm vào hình-luật để hiểu rõ rằng dân-luật với hình-luật khác nhau.

« Ví dụ một kẻ tư-dân đến vay người danh-thương kia một món tiền to mà đưa giấy căn-cước giả giới để người vay ấy tin mình; nó lại ký tên giả giới ấy vào cái văn-tự, như thế thì nó phải tội lừa đảo. Khi kỳ hẹn đến thì kẻ lừa người ấy phải phạm theo những điều trong hình-luật đã nói về khoản « Biển-thủ và trá ngụy » (điều luật 171 thuộc về hình-luật) phải phạt giam, nhưng theo dân-luật thì nó lại phải giả lại cái món tiền vay ấy và phải bồi lỗn hại cho người kia. Nếu nó chết trong ngục thì sự phạt về hình-luật không có nữa, nhưng món nợ về dân-luật thì những người ăn thừa tự nó phải càng đáng, người trái-chủ có thể đòi những người ấy, trừ khi những người ấy không nhận của hương-hỏa kẻ chết kia thì thôi.

« Hình-luật của Bắc-kỳ đã làm xong rồi, nay cần phải làm dân-luật để cho sự thi-hành luật pháp trong xứ này được hoàn-bị.

« Nếu sự cải-định pháp luật ấy không được hoàn-toàn thì mỗi lần có những người dân thưa kiện nhau những điều không thuộc về hình-luật, các quan án sẽ khó khăn về sự tìm tòi những qui-tắc thuộc về dân-luật ở trong các luật cũ luật mới. Như thế thì có khi thiệt hại cho người dân lắm.

« Tóm lại, cái chủ đích của hội-đồng là xếp đặt những luật-pháp An-nam cho thành thể-chế có trật-tự để tiện cho những người nghiên-cứu về luật-học, tiện cho các quan án tra tìm các điều khoản, lợi cho các người đương-sự biết những điều-luật phải tuân theo.

« Xin các quan dự hội-đồng ấy làm xong được chương nào cho sao lại và gửi ra cho tôi từng chương một.

« *Quan Chánh Tòa án ký tên*: DELESTRÉE. »

*
* *

Sổ dự-toán của xứ Bắc-kỳ năm 1918. — Sổ dự-toán — ta thường gọi là sổ chi-tiêu — là cái sổ dự-định những khoản tiền xuất nhập công của một xứ trong một năm. Như trong một nhà, sự thâu-nhập có dồi-rào, sự tiêu-dùng có đều đủ, thì mới ra tư-cách một nhà khá. Một nước cũng vậy, các khoản chi-thu có vừa với sự cần chung trong nước thì mới là một nước thịnh-vượng. Nên người ta thường nói muốn xét một nước thịnh-suy cứ xét sổ dự-toán nhiều ít thì biết. Người ta lại thường nói sổ dự-toán là cái căn-cốt của việc chính-trị. Mà thực thế, không có tiền thì cái chính-sách dù hay, làm thế nào mà thực-hành được?

Như Đông-dương ta thì có một sổ dự-toán chung cho toàn-hạt Đông-dương, để dự-định những khoản xuất nhập chung cho cả năm xứ. Rồi mỗi xứ lại có một sổ dự toán riêng (Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ, Cao-man, Ai-lao). phụ thêm một sổ dự-toán nhỏ của hạt Quảng-châu-loan nữa. Nay ta hãy xét riêng sổ dự-toán xứ Bắc-kỳ, và trong sổ dự-toán ấy xét riêng những khoản chi-tiêu về việc kinh-tế, việc công ích trong bản-xứ.

Trước nhất nên nhận rằng ở xứ Bắc-kỳ tiền thu vào không đủ để kinh-phí mọi việc, nên mỗi năm thiếu bao nhiêu sổ dự-toán chung lại phải phụ-cấp cho sổ dự toán riêng. Như năm nay thì số phụ-cấp ấy là 58 vạn 226 đồng (580.226 $ 00).

Chương thứ 20 trong sổ dự-toán là tiền lương của các viên-chức cùng người làm sở công-chính. Số tiền là 53 vạn 4 nghìn 336 đồng (534.336 $ 00), nhiều hơn năm ngoái, vì năm nay ngạch tham-biện An-nam ở sở công-chính (*agents techniques*) tăng thêm nhiều người.

Chương thứ 21 thuộc về sự làm đường, làm cầu, làm cống. Số tiền là 70 vạn 6 nghìn 524 đồng (706.524 $ 00). Khoản « đường » chia ra làm hai phần: một phần là đường riêng của các tỉnh, một phần là đường chung của cả xứ. Đường riêng của các tỉnh thì thuộc tỉnh nào tỉnh ấy phải chịu, đường chung cho cả xứ thì đáng lý là sổ dự toán chung phải chịu, những thực ra cũng là thuộc vào sổ dự-toán xứ Bắc-kỳ. Sự giao-thông là một việc cần, nên nhà nước dự-định khoản ấy nhiều.

Chương thứ 22 về việc trị-thủy, 30 vạn 1 nghìn năm trăm đồng (301.500 $ 00). Trong số ấy sẽ chia ra 1 vạn rưỡi để làm tiền thí-nghiệm, 15 vạn 4 nghìn 6 trăm để sửa lại các đê, 10 vạn 6 nghìn 9 trăm để đào sông đắp bờ, 2 vạn 5 nghìn để làm máy nước ăn cho các nơi tỉnh-lỵ. — Nhưng số hơn 30 vạn ấy mới là phần của xứ Bắc-kỳ mà thôi. Đem số ấy mà cộng với số đã định về khoản trị-thủy trong sổ dự-toán chung thì thành những 90 vạn 9 nghìn đồng.

Chương thứ 23 về việc xây dựng tu-bổ dinh-thự các quan An-nam, 25 vạn 4 nghìn 5 trăm 60 đồng (254.560 $ 00). Số ấy chắc không đủ, nhà nước lại lấy trong kho trừ-bị 30 vạn đồng

nữa. Riêng về việc chữa lại đinh các quan là 12 vạn 5 nghìn đồng (125.000$00); 2 vạn 4 nghìn 6 trăm đồng (24.600$00) để xây các chợ; 4 vạn 8 nghìn đồng để làm rộng thêm trường Bảo-hộ

Chương thứ 24 là các khoản chi-tiêu linh-tinh thuộc về các việc công-chính, cộng là 11 vạn 5 nghìn 958 đồng (115.958$00).

Chương thứ 25 về việc làm cầu, làm cửa bể, 22 vạn 8 nghìn 67 đồng (228.067$00). Những việc ấy cũng có lợi-ích cho xứ Trung-kỳ nữa, nên sổ dự-toán Trung-kỳ phải phụ-cấp cho Bắc-kỳ 60 vạn đồng.

Hiện nay nhà nước chú-ý nhất về việc sửa sang cửa Hải-phòng. Riêng về việc ấy sổ dự-toán chung giúp cho Bắc-kỳ 51 vạn 2 nghìn để đào rộng thêm cửa Nam-triệu, 3 vạn để đào rộng thêm cửa Cấm, 2 vạn 4 nghìn để tu-bổ cửa ấy, 4 vạn 5 nghìn 430 đồng để đắp bờ sông Hạ-lý, 2 vạn 2 nghìn để đào thêm sông Hạ-lý. — Lại dự-định thêm 4 nghìn 9 trăm để làm rộng thêm các kho-cảng trong cửa Hải-phòng

Về khoản đê thì sổ dự-toán chung lại còn giúp cho Bắc-kỳ 5 vạn đồng để đắp đê Sơn-tây, 6 vạn đồng để đắp cao đê tả-ngạn sông Đáy, 12 vạn 3 nghìn đồng để chữa lại đê Sâm-thi và Cổ-liêu. Lại còn dự-định một khoản 30 vạn đồng để đặt cống ngầm tháo nước lụt. Nhưng cứ cái chương-trình trị-lụt nhà nước mới định sau này, và bản-báo đã đăng trên kia thì khoản ấy sẽ dùng để làm các cửa tháo. Còn những công-trình về đường sông Đáy thì sổ dự-toán chung đã biên hai khoản, một khoản là 14 vạn, một khoản là 22 vạn để sửa lại đường sông ở nơi gọi là Quảng-thừa và Đoàn-vỹ. Những nơi bờ sông bị nước đánh mòn cũng phải chữa đắp lại cho kiên-cố; vậy định bốn khoản như sau này: một khoản 1 nghìn tám trăm đồng để chữa nơi cầu sông Đuống, một khoản 1 vạn đồng để xây đắp lại đường bờ sông Hà-nội (Quai de Commerce), một khoản 2 vạn 5 nghìn đồng cho các đường sông tỉnh Hưng-yên, một khoản 1 vạn 5 nghìn đồng cho đường sông tỉnh Sơn-tây.

Tiền đào cừ thông nước vào ruộng thì dự một khoản 8 nghìn đồng. Tiền mua máy để khơi sông Lạch thì dự một khoản 10 vạn đồng.

Tổng số các khoản của sổ dự-toán chung phụ-cấp cho Bắc-kỳ là 90 vạn 9 nghìn đồng (909.000$00).

Chương thứ 26 là thuộc về các sở canh-nông thương-mại. Khoản dự tiền lương của các viên-chức sở ấy là 7 vạn 3 nghìn 2 trăm 23 đồng (73.223$00).

Chương thứ 27 là thuộc về công việc của các sở canh-nông thương-mại (như mở rộng thêm các nhà nuôi tằm ở Tuyên-quang, Yên-bái, Bạch-hạc, Bắc-giang, Phủ-lý, chi tiêu các việc trong sở Nông-thương-viện (*Musée*) ở Hà-nội), 9 vạn 6 nghìn 596 đồng (906.596$00). Lại dự thêm một khoản 9 vạn 590 đồng (90.590$00) để mua các đồ hàng cùng sản vật gửi sang các hội chợ bên Pháp làm mẫu.

Chương thứ 28 và 29, (thuộc về sở Kiểm-lâm. tiền lương các viên-chức cùng người làm là 15 vạn 3 nghìn 293 đồng (153.293$00), tiền kinh phí các công việc là 3 vạn 2 nghìn 860 đồng (32.860$00)

Chương thứ 30 và 31 thuộc về sở Thú-y. Tiền lương các viên-chức cùng người làm việc là 6 vạn 9 nghìn 274 đồng (69.274$00). Tiền kinh-phí các việc (như sở nuôi ngựa ở Hà-nội và Nước Hai. tiền thưởng cho các chủ ngựa, tiền đền cho những chủ các giống vật mắc bệnh truyền-nhiễm nhà nước bắt giết đi, v. v.) là 2 vạn 8 nghìn 796 đồng (28.796$00)

Chương thứ 32 và 33 thuộc về sở Thầy thuốc, các nhà thương và tiền mua thuốc. Tiền lương các thầy thuốc tây, thầy thuốc an-nam, cô đỡ, v.v.,là 20 vạn 4 nghìn 997 đồng (204.997$00), tiền chi-phí trong các nhà thương và tiền mua thuốc là 35 vạn 2 nghìn 223 đồng (352.223$00).

Chương thứ 34 và 35 là thuộc về các sở thí-nghiệm và sở vệ-sinh, như sở Hải-phòng có sở vệ-sinh để khám những khách đi tàu ở các nơi lại, người nào mắc bệnh truyền-nhiễm giữ không cho vào. Lương các viên-chức 5 vạn 8 nghìn 649 đồng (58.649$00), tiền chi-phí các việc 1 vạn 8 nghìn 6 trăm đồng (18.600$00).

Chương thứ 36 và 37 là thuộc về sở Học-chính. Lương các viên-chức (đốc-học, giáo-học v.v..) 50 vạn 5 nghìn 223 đồng (505.223$00); tiền chi-phí các việc (làm trường-học, mua bàn ghế, v.v.) 8 vạn 4 nghìn 718 đồng (84.718$00).

Đó là lược-kê mấy khoản chính trong sổ dự-toán sử Bắc-kỳ năm 1918, còn các khoản khác nhiều không thể nói hết được.